

Empowering a better life

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



Mục lục

CHƯƠNG	CHƯƠNG	CHƯƠNG	CHƯƠNG	CHƯƠNG	CHƯƠNG
01	02	03	04	05	06
Điểm nhấn năm 2024	Tổng quan	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	Quản trị Doanh nghiệp	Phát triển bền vững	Báo cáo tài chính hợp nhất
06 Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi	20 Thông tin tổng quát	54 Tổng quan kinh tế vĩ mô 2024 và dự báo 2025	68 Tổng quan về mô hình quản trị DNP	82 Tổng quan Chiến lược Phát triển Bền vững	98 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
08 Những con số nổi bật	22 Lĩnh vực kinh doanh	56 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024	69 Báo cáo của Hội đồng Quản trị	84 Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và Xã hội	102 Báo cáo kiểm toán độc lập
14 Sự kiện tiêu biểu năm 2024	26 Lịch sử hình thành và phát triển	62 Tình hình tài chính	74 Thông tin Cổ phiếu và Cơ cấu Cổ đông	92 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương	104 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
	28 Địa bàn kinh doanh	64 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025			108 Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
	30 Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị				109 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
	32 Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán				
	38 Định hướng chiến lược phát triển				
	49 Các yếu tố rủi ro				



CHƯƠNG

01

Điểm nhấn
năm 2024

06 Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi

08 Những con số nổi bật

14 Sự kiện tiêu biểu năm 2024

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

DNP là lựa chọn số 1 của khách hàng trong lĩnh vực nước sạch, môi trường, sản phẩm gia dụng cao cấp và vật liệu xây dựng hoàn thiện.

Sứ mệnh

Nâng cao chất lượng, trải nghiệm sống và tham gia giải quyết các thách thức về môi trường với các giải pháp toàn diện, sáng tạo về nước sạch, vật liệu xây dựng, hàng gia dụng cao cấp.

Giá trị cốt lõi

- **Tốc độ & Quyết liệt:** Hành động nhanh, quyết đoán, cam kết đạt mục tiêu với quyết tâm cao nhất.
- **Tinh, Gọn & Hiệu suất cao:** Vận hành tối ưu, giảm lãng phí, tạo giá trị lớn với năng suất vượt trội.
- **Tầm nhìn lớn & Phát triển bền vững:** Hướng đến mục tiêu chung, tăng trưởng dài hạn, mục tiêu lớn đủ cảm hứng, cân bằng hiệu quả và trách nhiệm.



Những con số nổi bật

Điểm nhấn 2024

Tổng tài sản

17.673 tỷ đồng

Tổng doanh thu thuần

8.898 tỷ đồng

Tổng số nhân viên

3.868 người

Vốn hóa thị trường
(tại ngày 31/12/2024)

2.890 tỷ đồng

Tăng trưởng doanh thu thuần
(CAGR 2012-2024)

32,42%

Tăng trưởng lợi nhuận gộp
(CAGR 2012-2024)

33,42%

Vị thế trên thị trường

Top 1
Nhà đầu tư tư nhân ngành nước
tại Việt Nam

Top 1
Vật tư thiết bị ngành nước

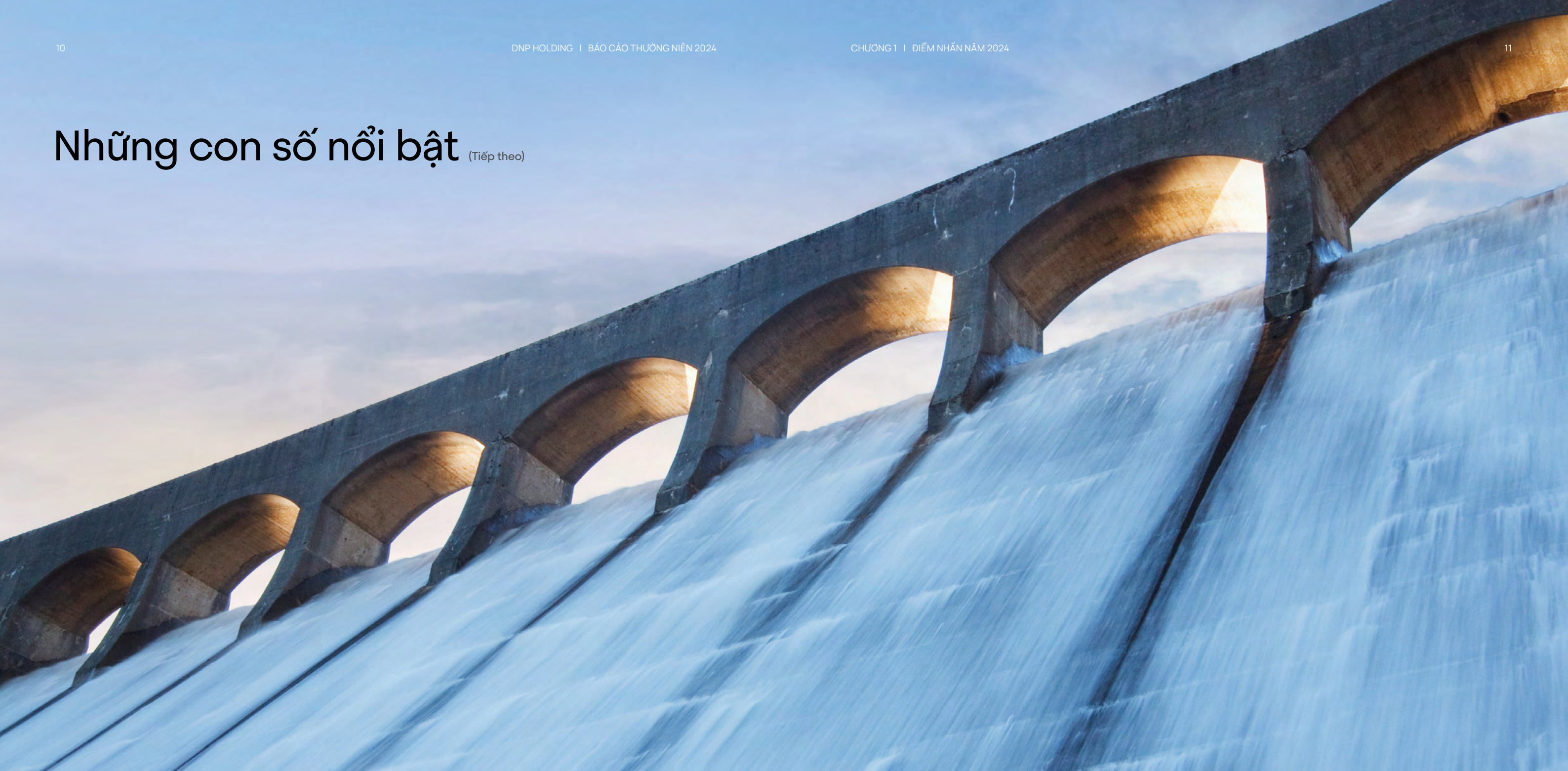
Top 5
Sản xuất bao bì tại Việt Nam

Top 1
Dẫn đầu phân khúc
Gạch Granite cao cấp

Top 3
Nhà sản xuất ngói tráng men lớn
nhất Việt Nam

Top 1
Thương hiệu gia dụng cao cấp được
yêu thích nhất trên kênh phân phối
hiện đại (Modern trade)

Những con số nổi bật (Tiếp theo)



Sở hữu thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi

Nước sạch & môi trường

Tổng công suất thiết kế nước sạch

1 triệu m³/ngày đêm

Nước sạch đạt chuẩn cung cấp cho các hộ dân năm 2024

137 triệu m³/ngày đêm

Cung cấp nước tại

11 tỉnh thành

Vệ sinh môi trường tại

5 tỉnh thành

Sản phẩm gia dụng

Thị trường xuất khẩu

20 quốc gia

doanh thu XK 2024 gấp 2 lần 2023

Công suất sản phẩm gia dụng

5.500 tấn/năm

Tổng số mã sản phẩm: 785 SKU

Vật liệu xây dựng

Công suất gạch ốp lát và ngói

26 triệu m²/năm

Sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng

1.600 mẫu thiết kế

Bao bì

Công suất bao bì mềm

24.000 tấn/năm

Công suất bao bì cứng

18.000 tấn/năm

Hệ sinh thái ngành nước

Công suất ống và phụ kiện nhựa

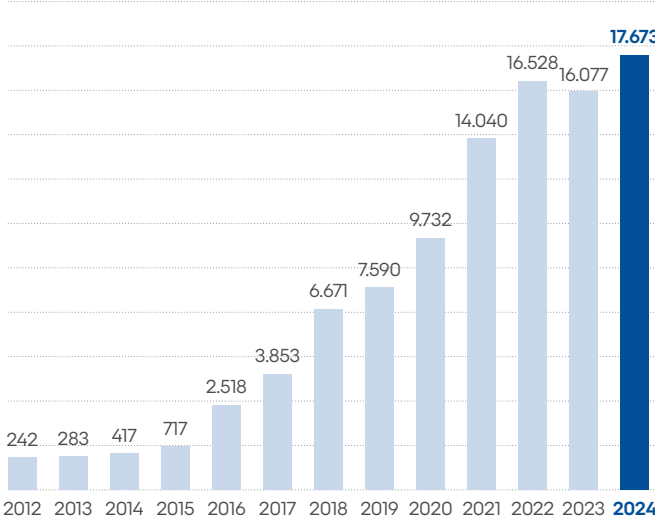
60.000 tấn/năm

Ống nhựa và vật tư thiết bị ngành nước, gạch ngói ốp lát hiện diện tại

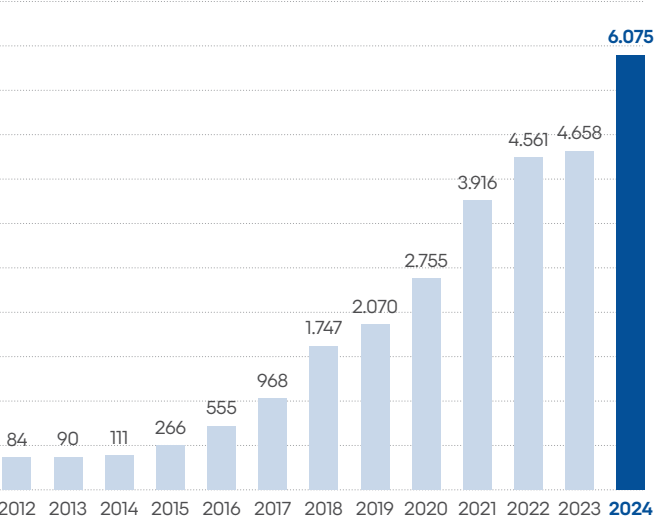
63/63 tỉnh thành

Chỉ tiêu tài chính tiêu biểu qua các năm

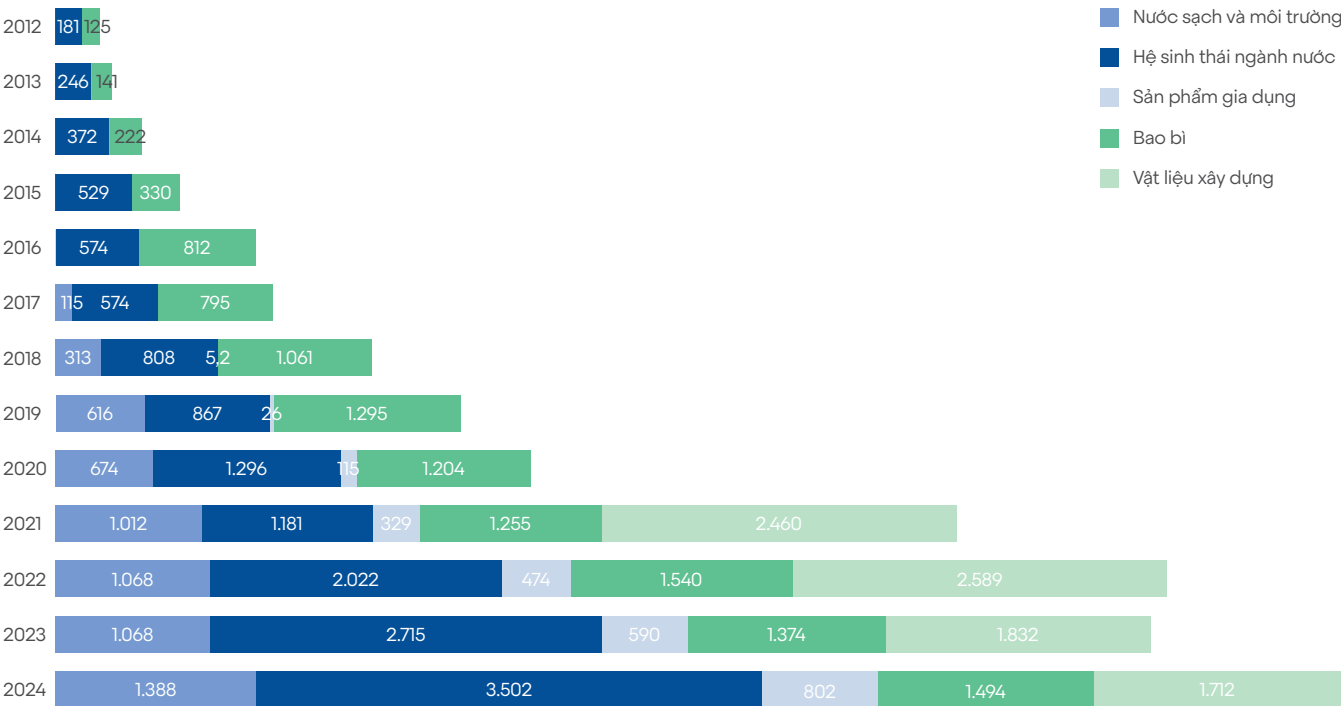
Quy mô Tổng tài sản qua các năm
(Đơn vị: Tỷ đồng)



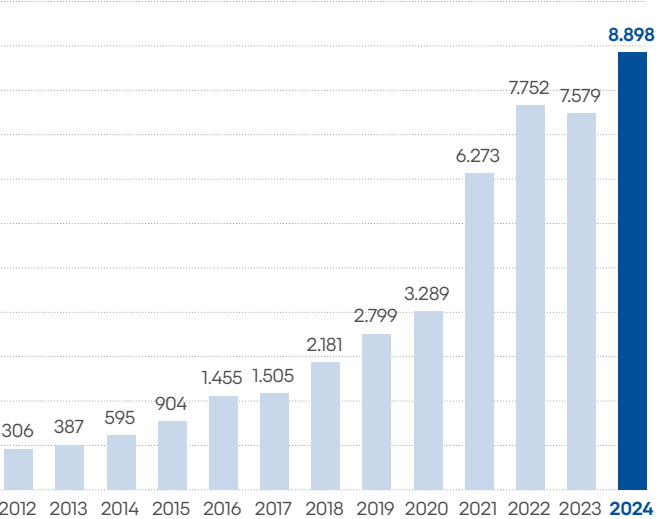
Quy mô Vốn chủ sở hữu qua các năm
(Đơn vị: Tỷ đồng)



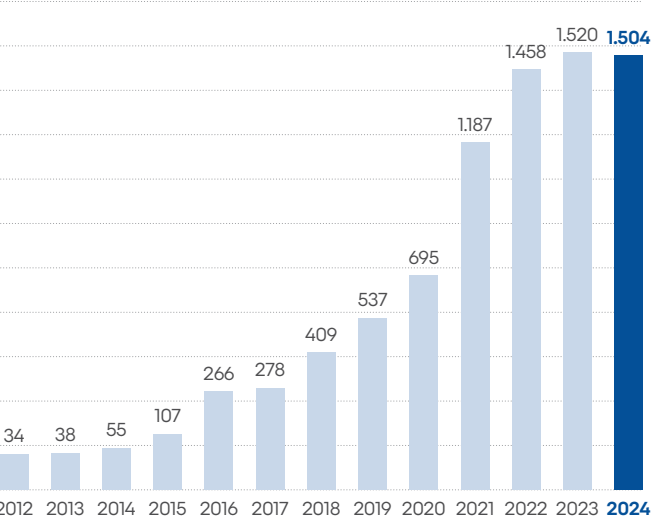
Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm
(Đơn vị: Tỷ đồng)



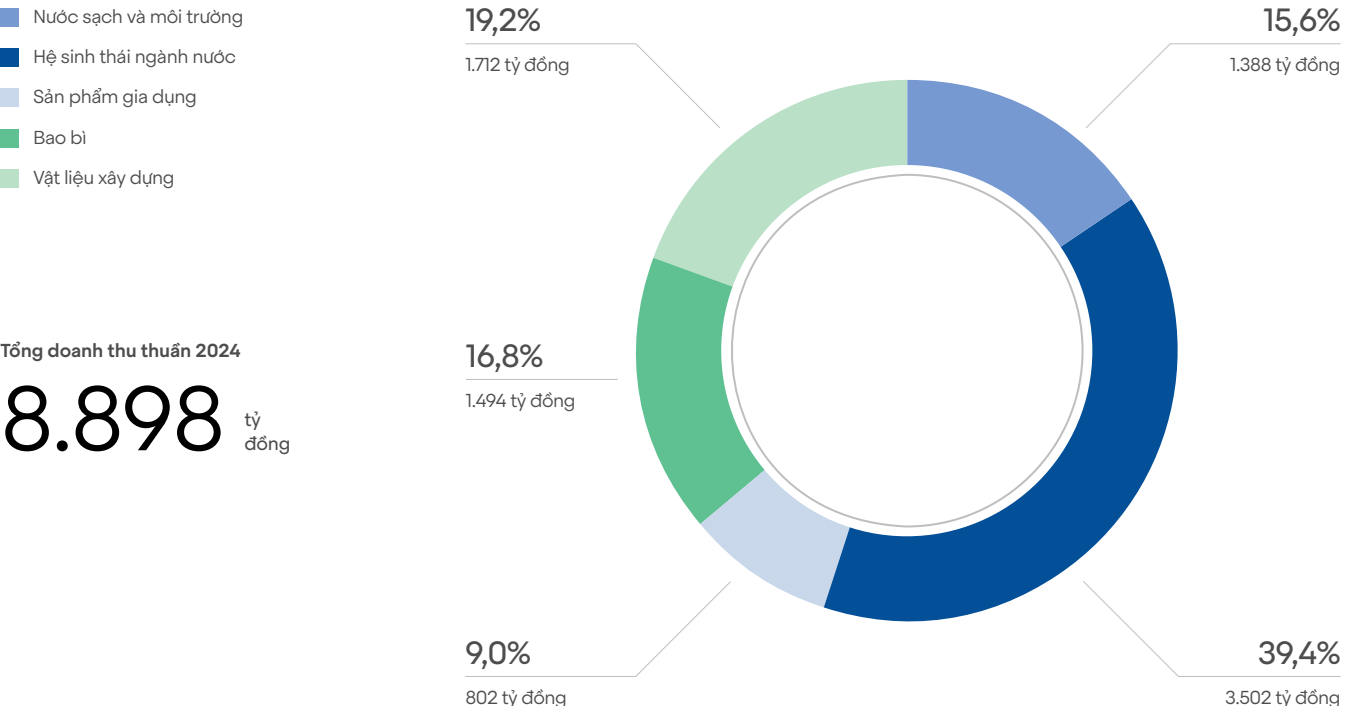
Doanh thu thuần qua các năm
(Đơn vị: Tỷ đồng)



EBITDA thực hiện qua các năm
(Đơn vị: Tỷ đồng)



Cơ cấu doanh thu thuần 2024



Sự kiện tiêu biểu năm 2024

1

DNP Holding thuộc Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2024

Với kết quả kinh doanh ấn tượng, tháng 1/2025, DNP Holding vinh dự được ghi nhận trong Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, do Vietnam Report và Vietnamnet tổ chức.

Đây là lần thứ 4 DNP có mặt trong danh sách, với sự thăng hạng từ vị trí 399/500 năm 2020 lên 171/500 năm 2024. DNP Holding cũng tiếp tục giữ vị trí Top 4

trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhựa, đồng thời khẳng định vị thế dẫn đầu trong các lĩnh vực nước sạch, hệ sinh thái ngành nước, gia dụng cao cấp và vật liệu xây dựng hoàn thiện. Thành tựu này là minh chứng cho chiến lược phát triển bền vững, tập trung vào đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng hệ sinh thái ngành nước tại Việt Nam.

2

Cải tiến công nghệ, mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu đến 20 quốc gia

Năm 2024, Inochi tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển, mở rộng danh mục sản phẩm lên 785 SKU, với nhiều cải tiến về công năng và chất liệu. Công ty cũng chú trọng phát triển kênh thương mại điện tử để mở rộng độ phủ và gia tăng doanh số, đưa Inochi trở thành một trong những thương hiệu có sản lượng bán cao nhất trên các nền tảng này.

Hiện Inochi đã có mặt tại 20 quốc gia, bao gồm Nhật Bản, Hy Lạp, Thụy Sĩ... và được phân phối tại các hệ thống lớn như Costco, Woolworths. Doanh thu

xuất khẩu năm 2024 đã tăng gấp đôi so với năm 2023, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chiến lược mở rộng thị trường quốc tế của thương hiệu.

Bao bì mềm cũng tiếp tục xuất khẩu đi các thị trường có yêu cầu cao về chất lượng như châu Âu, Úc, Mỹ..., duy trì sản lượng xuất khẩu trên 2.000 tấn/tháng. Bao bì mềm cũng dịch chuyển cơ cấu sản phẩm lên chuỗi giá trị gia tăng cao hơn thông qua đầu tư mở rộng nhà máy túi thực phẩm zipper, slider và màng bọc thực phẩm.



3

DNP Water khánh thành Nhà máy xử lý nước sạch Sơn Thạnh, góp phần hoàn thiện hạ tầng cấp nước tại Khánh Hòa

Tháng 09/2024, Nhà máy xử lý nước sạch Sơn Thạnh – một trong những dự án trọng điểm của DNP Water – đã chính thức đi vào vận hành sau 12 tháng thi công, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện hạ tầng cấp nước của tỉnh Khánh Hòa. Với công suất giai đoạn 1 đạt 25.000 m³/ngày đêm và công suất quy hoạch trong tương lai lên tới 200.000 m³/ngày đêm, Nhà máy không chỉ góp phần đảm bảo nguồn nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia cho người dân thành phố Nha Trang, huyện Diên Khánh, huyện Khánh Vĩnh và khu vực phụ cận, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển hạ tầng, thúc đẩy tiềm năng phát triển mạnh mẽ của tỉnh trong tương lai.

Trong năm 2025, DNP Water dự kiến sẽ khởi công một số dự án mới, bao gồm Giai đoạn I - Nhà máy cung cấp nước sạch Trảng Bàng (Tây Ninh) với công suất 100.000 m³/ngày đêm và Dự án cấp nước thô Vùng 1 với công suất 300.000 m³/ngày đêm cho các tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre. Công ty cũng đang triển khai kế hoạch phát triển thêm các dự án hạ tầng cấp nước cho khu vực bán đảo Cà Mau (gồm các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng), nhằm giải quyết tình trạng khai thác quá mức tài nguyên nước ngầm gây sụt lún và xâm nhập mặn, hạn chế tác động của hạn hán, đồng thời góp phần xây dựng hạ tầng cấp nước phục vụ phát triển bền vững.

Sự kiện tiêu biểu năm 2024 (Tiếp theo)



4

DNP Holding lần thứ hai liên tiếp có 3 đại diện được vinh danh Thương hiệu quốc gia Việt Nam

Ngày 4/11/2024, tại Lễ công bố sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam (THQG) năm 2024 do Bộ Công thương tổ chức, Công ty cổ phần DNP Holding (DNP) lần thứ 2 liên tiếp có 3 thương hiệu lớn được vinh danh là Nhựa Đồng Nai với sản phẩm ống nhựa và phụ kiện, CMC với gạch ốp lát Prato, gạch ốp lát CMC, ngói tráng men cao cấp CMC Galaxy và Tân Phú Việt Nam với nhựa gia dụng Inochi.

Thành công này không chỉ khẳng định vị thế của DNP Holding trong các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi: Vật tư ngành nước (Nhựa Đồng Nai), Gạch ngói xây dựng (CMC) và Gia dụng tiện ích Inochi (Tân Phú Việt Nam), mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của doanh nghiệp trong việc đầu tư vào chất lượng sản phẩm, hướng tới phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn và sản xuất xanh.

Nhựa Đồng Nai được ghi nhận với nhóm ống và phụ kiện nhựa được sản xuất trên dây chuyền công nghệ sản phẩm hiện đại, tiêu chuẩn cao, thân thiện với môi trường, đạt chứng nhận nhãn xanh Singapore Green Building Product Certificate “Nhãn xanh” Hội đồng Công trình Xanh Singapore (SGBC). Trong năm 2024, Nhựa Đồng Nai cũng được Asia

Business Center bình chọn là “Thương hiệu ống nhựa hạ tầng số 1 Việt Nam”.

Inochi là thương hiệu gia dụng cao cấp thuộc công ty CP Tân Phú Việt Nam, với các sản phẩm gia dụng có chất lượng đạt tiêu chuẩn cao và mang phong cách thân thiện, hiện đại. Sử dụng những nguyên liệu tiên tiến, an toàn như nhựa Tritan, PP nguyên sinh, PPSU,..., Inochi mang đến danh mục sản phẩm phong phú với 785 SKU, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trong cuộc sống thường nhật. Với tinh thần phát triển xanh và bền vững, Inochi luôn chú trọng vào các hoạt động giảm phát thải nhựa trong sản xuất, đầu tư công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, đáp ứng xu hướng thế giới đang chuyển dịch mạnh mẽ.

Gạch ốp lát CMC luôn phát triển dựa trên nền tảng triết lý “Sáng tạo bền vững”, mang đến những giải pháp gạch ngói ưu việt cho mọi công trình. Các sản phẩm đạt giải của CMC đều áp dụng công nghệ tiên tiến như Thẩm muối tan và Vi tinh kim cương, được kiểm chứng bởi quy trình tiêu chuẩn khắt khe nhất, đảm bảo mang đến những sản phẩm chất lượng và thẩm mỹ cho khách hàng. Hiện CMC đang dẫn đầu phân khúc gạch Granite cao cấp tại Việt Nam.

5

Dẫn đầu thị phần ống nhựa và phụ kiện, trở thành thương hiệu “Ống nhựa hạ tầng số 1 Việt Nam”

Năm 2024, lĩnh vực hệ sinh thái ngành nước của Nhựa Đồng Nai ghi nhận tăng trưởng tích cực với doanh thu thuần đạt 3.502 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2023 và hoàn thành 133% kế hoạch năm 2024. Trong đó, mảng ống nhựa và phụ kiện vẫn giữ vững thị phần dẫn đầu, với sản lượng đạt 31.280 tấn và doanh thu 1.512 tỷ đồng, tăng 28,4% so với năm trước. Đồng thời, Nhựa Đồng Nai vinh dự nhận danh hiệu “Thương hiệu ống nhựa hạ tầng số 1 Việt Nam” từ Hội đồng Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp Châu Á (Asia Business Center).

Với uy tín đã khẳng định nhiều năm trong ngành, Nhựa Đồng Nai còn tiếp tục được các chủ đầu tư lớn như Masterise, Nam Long, Keppel, Đất Xanh Group, Khang Điền... tin tưởng lựa chọn làm nhà cung cấp giải pháp ống và phụ kiện cho các dự án hạ tầng trọng điểm. Không chỉ dẫn đầu trong lĩnh vực ống nhựa, Nhựa Đồng Nai còn mở rộng vai trò trở thành nhà cung cấp giải pháp toàn diện cho ngành cấp thoát nước, với danh mục sản phẩm hoàn chỉnh, từ ống, vật tư, thiết bị bơm, van đến các giải pháp phần mềm tiên tiến, góp phần tối ưu hóa việc quản lý và sử dụng nguồn nước.





CHƯƠNG

02

Tổng quan

- | | | | |
|----|----------------------------------|----|--------------------------------------------------------|
| 20 | Thông tin tổng quát | 30 | Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị |
| 22 | Lĩnh vực kinh doanh | 32 | Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán |
| 26 | Lịch sử hình thành và phát triển | 38 | Định hướng chiến lược phát triển |
| 28 | Địa bàn kinh doanh | 49 | Các yếu tố rủi ro |

Thông tin tổng quát

DNP Holding là đơn vị đầu tư vào lĩnh vực nước sạch và môi trường, hệ sinh thái ngành nước, vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện công trình, sản phẩm gia dụng cao cấp và bao bì.

Tên giao dịch

Công ty Cổ phần
DNP Holding

Mã chứng khoán

DNP

(Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX)

Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2024)

1.410 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2024)

6.075 tỷ đồng

Trụ sở chính

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

DNP Holding khát vọng xây dựng một cộng đồng tốt đẹp hơn thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp chất lượng cao, góp phần giải quyết các thách thức xã hội và hiện thực hóa cam kết mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho con người.





Lĩnh vực kinh doanh

Nước sạch và môi trường

Doanh thu nước sạch và môi trường

1.388 tỷ đồng

Doanh thu 2024 tăng

↑ 30% so với năm 2023

- Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn cho người sử dụng;
- Đầu tư tăng công suất và hiệu quả của các nhà máy nước hiện hữu;
- Phát triển các dự án xây dựng nhà máy nước mới với quy mô lớn, các dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch đến các khu vực đô thị và cận đô thị;
- Tiên phong phát triển các giải pháp cấp nước tại nông thôn, biển đảo và những khu vực chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu;
- Tham gia đầu tư và vận hành các dự án nước thải.

Với hơn 30 nhà máy trải dài từ Bắc vào Nam, tổng công suất 1.000.000 m³/ngày đêm, hệ thống quản lý vận hành tinh gọn, chuyên nghiệp, áp dụng chuyển đổi số, và sự quan tâm sâu sát của Ban Lãnh đạo và đội ngũ cán bộ công nhân viên trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm làm việc nhiều năm. Năm 2024, doanh thu của DNP Water tăng trưởng 30% so với năm 2023, chủ yếu đến từ việc CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn trở thành công ty con cùng với sự tăng trưởng về sản lượng tiêu thụ và giá bán nước tại một số đơn vị trong hệ thống.

Hệ sinh thái ngành nước

Thị phần đồng hồ nước tại Việt Nam gần

60%

Tổng doanh thu Hệ sinh thái ngành nước

3.502 tỷ đồng

Doanh thu mảng vật tư thiết bị ngành nước

802 tỷ đồng

Doanh thu mảng ống nhựa và phụ kiện

1.512 tỷ đồng

Vật tư thiết bị, giải pháp ngành nước

- DNP Hawaco là đơn vị hàng đầu cung cấp giải pháp công nghệ và vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước tại Việt Nam, với quy mô doanh số hợp nhất đạt 802 tỷ vào 2024 và phục vụ hơn 500 khách hàng chiến lược hàng năm và chuyên sâu trong 3 lĩnh vực cốt lõi: Nước sạch, Nước thải và Thủy lợi.
- DNP Hawaco tiên phong trong chiến lược chuyển đổi số và quản trị thông minh ngành nước tại Việt Nam với dịch vụ trọn gói từ tư vấn giải pháp, thiết bị đầu cuối và phần mềm quản lý.
- DNP Hawaco tiếp tục giữ vững là đơn vị số 1 về cung cấp đồng hồ đo nước trong ngành cấp nước tại Việt Nam với gần 60% thị phần. DNP Hawaco cung ứng toàn diện vật tư thiết bị ngành nước khác (bơm, van, hóa chất...); là đơn vị tiên phong nội địa hoá sản xuất (tấm lắng Lamella, module xử lý...), tích hợp giải pháp (SCADA, điện điều khiển...), tự động hoá, chuyển đổi số, công nghệ xử lý nước cho hạ tầng ngành nước và xây dựng dân dụng, toà nhà.

Ống nhựa và phụ kiện

- Nhựa Đồng Nai sản xuất và cung cấp ống nhựa và phụ kiện HDPE, uPVC, PPR... cho hạ tầng cấp thoát nước, các công trình xây dựng dân dụng, tưới tiêu nông nghiệp và thủy lợi.
- Công suất mảng ống nhựa và phụ kiện đạt 60.000 tấn/năm, Nhựa Đồng Nai được thị trường ghi nhận 10 năm liên tục dẫn đầu thị phần Việt Nam mảng hạ tầng cấp thoát nước với chứng nhận “Thương hiệu ống nhựa Hạ tầng số 1 Việt Nam”.
- Sản xuất trên dây chuyền hiện đại từ các nhà cung cấp thiết bị và nguyên liệu hàng đầu châu Âu, Nhựa Đồng Nai là Thương hiệu Quốc Gia với trên 45 năm kinh nghiệm.

Sản phẩm gia dụng cao cấp

Công suất đồ gia dụng

5.500 tấn/năm

Inochi là thương hiệu sản phẩm gia dụng cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam (mã chứng khoán: TPP). Nền tảng kỹ thuật công nghệ tiên tiến của TPP chính là bệ đỡ vững chắc cho sự phát triển của Inochi.

Với sứ mệnh tiên phong trong lĩnh vực sản xuất đồ gia dụng, Inochi mang đến cho người tiêu dùng Việt Nam những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng về nguyên vật liệu, mang đậm phong cách và tiêu chuẩn Nhật Bản:

- **Tiêu chuẩn Nhật Bản:** Inochi áp dụng tiêu chuẩn Nhật Bản trong quy trình sản xuất, đảm bảo sản phẩm an toàn cho sức khỏe và thân thiện với môi trường.
- **Chất lượng cao:** Inochi sử dụng nguyên liệu cao cấp và dây chuyền sản xuất hiện đại, cho ra đời những sản phẩm bền bỉ, đẹp mắt và tiện dụng.
- **Giàu tiện ích, đa giải pháp:** Inochi luôn nghiên cứu và cải tiến để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, mang đến những sản phẩm tích hợp nhiều tiện ích thông minh.
- **An toàn cho người sử dụng:** Inochi luôn đặt an toàn lên hàng đầu, đảm bảo sản phẩm không chứa chất độc hại, phù hợp với mọi lứa tuổi.

Doanh thu Inochi năm 2024

802 tỷ đồng

Tăng trưởng doanh thu 2024

↑36% so với năm 2023

CAGR trong giai đoạn 2019 - 2024

77,1% /năm

Tổng số mã sản phẩm gia dụng

785 SKU

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, tập trung vào phát triển thị trường nội địa. Nhờ đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả năm đạt hơn 6,39 triệu tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2023.

Trên nền tảng tăng trưởng kinh tế tích cực, Inochi tiếp tục duy trì đà phát triển vững chắc, đạt doanh thu 802 tỷ đồng, tăng 36% so với năm trước. Thành công này có sự đóng góp quan trọng từ việc ra mắt các sản phẩm gia dụng điện mới như máy làm sữa hạt, máy xay đa năng và sự hoàn thiện chuỗi sản phẩm thuộc Hệ sinh thái bình sữa và phụ kiện “Aoi”. Những đổi mới này không chỉ giúp mở rộng danh mục sản phẩm mà còn tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ cho Inochi và TPP trong thời gian tới.

Năm 2024 cũng đánh dấu cột mốc quan trọng khi Inochi lần thứ hai liên tiếp được vinh danh là Thương hiệu Quốc gia, minh chứng cho những nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn thể cán bộ, công nhân viên Tân Phú. Với định hướng phát triển bền vững, Inochi tiếp tục chú trọng nghiên cứu và ứng dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao cho xã hội.

Kênh phân phối siêu thị (MT) tiếp tục là trụ cột trong chiến lược phát triển dài hạn của Inochi, giúp mở rộng quy mô và nâng cao vị thế toàn ngành. Mục tiêu của Inochi là giữ vững vị trí dẫn đầu trong ngành hàng gia dụng tại hệ thống siêu thị kênh MT tại Việt Nam. Bên cạnh đó, kênh dự án (quà tặng doanh nghiệp)

cũng phát triển mạnh mẽ, tiếp tục chứng tỏ sức hút của Thương hiệu Quốc gia thông qua hợp tác với các doanh nghiệp lớn như Vinamilk, TH Truemilk, FPT Long Châu, Nutifood,...

Giữ vững vị thế Thương hiệu Quốc gia, Inochi đặt ra tầm nhìn chiến lược trở thành lựa chọn số 1 của khách hàng trong lĩnh vực gia dụng cao cấp, không chỉ trong nước mà còn vươn tầm quốc tế. Hướng đến mục tiêu mở rộng quy mô, gia tăng hiệu quả, Inochi cam kết theo đuổi chiến lược bền vững, đồng thời triển khai những chương trình hành động cụ thể, quyết liệt nhằm nâng tầm thương hiệu Việt trên thị trường toàn cầu.

Năm 2024 cũng là năm bản lề trong hành trình xây dựng Inochi trở thành “Thương hiệu gia dụng được ưa chuộng nhất Đông Nam Á” vào năm 2025. Doanh thu từ kênh xuất khẩu trong năm nay ghi nhận mức tăng gần gấp đôi so với năm 2023, cho thấy tiềm năng phát triển mạnh mẽ. Đây sẽ tiếp tục là trọng tâm trong chiến lược mở rộng của Inochi trong năm 2025.

Bên cạnh việc mở rộng quy mô trong nước, Inochi còn khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường quốc tế khi tham gia các hội chợ đồ gia dụng danh tiếng như Ambiente (Đức), Home Instyle (Hong Kong), Canton Fair (Trung Quốc). Việc góp mặt tại các sự kiện này chứng tỏ năng lực cạnh tranh toàn cầu của thương hiệu. Đến nay, Inochi đã có mặt tại 20 quốc gia, bao gồm Malaysia, Philippines, Indonesia, Myanmar, Hong Kong, Qatar, Nhật Bản, Hy Lạp, Thụy Sĩ, Australia,...

Bao bì

Tổng công suất bao bì cứng

18.000 tấn/năm

Tổng công suất bao bì mềm

24.000 tấn/năm

Vật liệu xây dựng

Sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng

>1.600 mẫu thiết kế

Công suất Gạch ốp lát và ngói các loại

26 triệu m² /năm

Bao bì cứng

Sản xuất bao bì cứng, cho các ngành thiết yếu:

- Kỹ thuật Công nghiệp: Vỏ ốc quy, thùng sơn.
- Hóa mỹ phẩm: Chai HDPE, PP, chai PET.
- Bảo vệ thực vật: Chai 3 lớp, chai PET, can, thùng.
- Thực phẩm và đồ uống: Chai HDPE, PP, chai PET.
- Dược phẩm: Chai HDPE, PP, chai PET
- Khuôn mẫu: Chế tạo khuôn mẫu phục vụ cho sản xuất ngành nhựa

Một số khách hàng lớn: Pinaco, Sữa Quốc tế (IDP), Sữa Việt Nam (Vinamilk), Nestle, Lavie, P&G, Masan Consumer... Trong năm 2024, mảng kinh doanh của bao bì cứng vẫn hoạt động ổn định, là nền tảng sản xuất vững chắc giúp tối ưu về mặt quản trị cộng hưởng ở các ngành hàng khác

Bao bì mềm

Sau khi thực hiện tái cơ cấu và chuyển mảng sản xuất kinh doanh từ Nhựa Đồng Nai về Tân Phú Việt Nam, bao bì mềm đã ổn định và từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất:

Sản xuất các loại bao bì mềm xuất khẩu: túi siêu thị, túi bánh sandwich, túi zipper, túi rác,... đạt tiêu chuẩn châu Âu.

Các nước xuất khẩu bao bì mềm: Mỹ, Úc, Nhật, Đức, Anh, Pháp, Hà Lan...

Sản phẩm bao bì cao cấp liên quan đến thực phẩm: túi zipper, túi slider màng bọc.

Năm 2024 cũng là một năm thành công của bao bì mềm với doanh thu đạt 780 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với năm 2023. Công ty đã thực hiện tối ưu chi phí nguyên vật liệu đầu vào, gia tăng sản lượng sản xuất, làm chủ công nghệ nhằm tiết giảm chi phí sản xuất gia tăng hiệu quả cho bao bì mềm.

Gạch ốp lát và ngói các loại CMC

- Sản xuất, cung cấp gạch ốp tường, gạch lát sàn, gạch trang trí và ngói tráng men cao cấp cho các công trình xây dựng từ dân dụng tới công nghiệp và thương mại.







- Sở hữu hai nhà máy với tổng công suất hơn 26 triệu m² gạch và ngói mỗi năm, CMC khẳng định vị thế là

một trong những thương hiệu dẫn đầu tại Việt Nam. Với danh mục sản phẩm đa dạng, bao gồm hơn 16 dòng kích thước, 10 định dạng bề mặt và hơn 1.600 mẫu thiết kế, CMC không chỉ đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường mà còn nổi bật nhờ chất lượng vượt trội, trở thành thương hiệu được ưa chuộng hàng đầu.

CMC tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong với bộ sưu tập mới, mang đến những dòng sản phẩm đột phá như gạch Granite kích thước 100x100 và 80x80 với độ hút nước <0,5%, cùng với các dòng Bán sứ và gạch Ceramic 40x60. Tất cả sản phẩm đều được sản xuất trên xương gạch cao cấp, đảm bảo độ bền vượt trội và khả năng chống mài mòn ấn tượng. Không ngừng đổi mới, CMC ứng dụng công nghệ men hiện đại như vi tinh kim cương, nano bóng, matt microcid, mang đến bề mặt hoàn thiện tinh xảo. Đặc biệt, hiệu ứng chạm khắc (Carving Effect) trên men Microcid đánh dấu bước đột phá công nghệ, lần đầu tiên được CMC áp dụng, tạo nên sự khác biệt đẳng cấp cho các dòng sản phẩm mới.



Lịch sử hình thành và phát triển

	<div>1976</div> <div>Thành lập với mô hình công ty Nhà nước</div> <div></div>	<div>2004</div> <div>Cổ phần hóa doanh nghiệp</div> <div></div>	<div>2006</div> <div>Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) - mã chứng khoán DNP</div> <div></div>	<div>2012</div> <div>Tái cấu trúc toàn diện theo mô hình DNP, thay đổi Hội đồng quản trị và Ban điều hành</div> <div></div>	<div>2014</div> <div>Trở thành nhà sản xuất và cung cấp ống nhựa hạ tầng số 1 Việt Nam</div> <div></div>
<div>2015</div> <div><ul style="list-style-type: none">Đầu tư sở hữu nhà máy nước Bình Hiệp công suất 50.000 m³/ngày đêm.Tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng.</div> <div></div>	<div>2016</div> <div><ul style="list-style-type: none">Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.Đầu tư sở hữu Nhựa Tân Phú (đã đổi tên thành Tân Phú Việt Nam).Đầu tư sở hữu nhà máy nước Đồng Tâm công suất 90.000 m³/ngày đêm.</div> <div></div>	<div>2017</div> <div><ul style="list-style-type: none">Thành lập DNP Water với vốn điều lệ 1.100 tỷ đồng.Trở thành công ty tư nhân đầu tiên trong ngành nước ở Việt Nam được IFC cam kết đầu tư 24,9 triệu USD.</div> <div></div>	<div>2018</div> <div><ul style="list-style-type: none">Xây dựng Nhà máy nước sạch DNP - Bắc Giang, hoàn thành giai đoạn 1 công suất 30.000 m³/ngày đêm.Tăng vốn điều lệ của DNP thêm 500 tỷ đồng, DNP Water thêm 680 tỷ đồng.Chính thức ra mắt thương hiệu gia dụng cao cấp INOCHI.</div> <div></div>	<div>2019</div> <div><ul style="list-style-type: none">Huy động thành công nguồn vốn lên tới 20 triệu USD từ trái phiếu chuyển đổi với Olympus Capital Asia.Ra mắt DNP Hawaco – công ty liên doanh giữa 2 thương hiệu hàng đầu lĩnh vực vật tư ngành nước tại Việt Nam.</div> <div></div>	<div>2020</div> <div><ul style="list-style-type: none">Tăng vốn điều lệ của DNP thêm 91 tỷ đồng, DNP Water thêm 200 tỷ đồng.</div> <div></div>
<div>2021</div> <div><ul style="list-style-type: none">DNP trở thành cổ đông lớn sở hữu 51,14% CTCP CMC – một trong những công ty sản xuất gạch ốp lát lớn nhất Việt Nam.DNP trở thành nhà cung cấp số 1 Việt Nam về quy mô và sự đa dạng của vật liệu khâu hoàn thiện các công trình (giải pháp và thiết bị điện, thoát nước, bơm, van, gạch ốp lát...)Nâng vốn điều lệ lên 1.189 tỷ đồng.</div> <div></div>	<div>2022</div> <div><ul style="list-style-type: none">DNP cùng lúc đạt 3 thương hiệu quốc gia cho 3 sản phẩm thuộc các lĩnh vực trụ cột: Vật tư ngành nước (Nhựa Đồng Nai), gạch ngói xây dựng (CMC), sản phẩm gia dụng tiện ích (INOCHI/ thuộc Tân Phú Việt Nam).Tháng 06/2022, Samsung Engineering tiếp nối Tập đoàn Tài chính Quốc tế IFC trở thành đối tác đầu tư chiến lược của DNP Water. Vốn điều lệ của DNPWater được tăng thêm 562 tỷ đồng.Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được đổi tên thành Công ty Cổ phần DNP Holding từ tháng 04/2022.</div> <div></div>	<div>2023</div> <div><ul style="list-style-type: none">Thương hiệu gia dụng cao cấp Inochi ra mắt Hệ sinh thái bình sữa và phụ kiện Aoi dành riêng cho mẹ và bé.DNP Holding xuất sắc ghi danh trong top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023.</div> <div></div>	<div>2024</div> <div><ul style="list-style-type: none">Lần thứ 2 liên tiếp, 3 thương hiệu lớn của DNP (Nhựa Đồng Nai, CMC và Tân Phú Việt Nam) được vinh danh Thương hiệu quốc gia Việt Nam; DNP hiện diện trong danh sách VNR500, và nằm trong Top 4 trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhựa tại Việt Nam.Khánh thành Nhà máy nước Sơn Thành (công suất giai đoạn 1: 25.000 m³/ngày đêm).Vốn điều lệ của DNP tăng lên 1.410 tỷ đồng.</div> <div></div>		

Địa bàn kinh doanh



Nước sạch và môi trường

Cấp nước tại 11 tỉnh thành, thoát nước và vệ sinh môi trường tại 5 tỉnh thành.



Hệ sinh thái Ngành nước

63 tỉnh thành



Bao bì

Bao bì mềm xuất khẩu đi các thị trường Châu Âu, Úc, Mỹ,... Bao bì cứng gia công cho các doanh nghiệp.



Vật liệu xây dựng

Kênh phân phối ở tất cả 63 tỉnh thành cả nước.

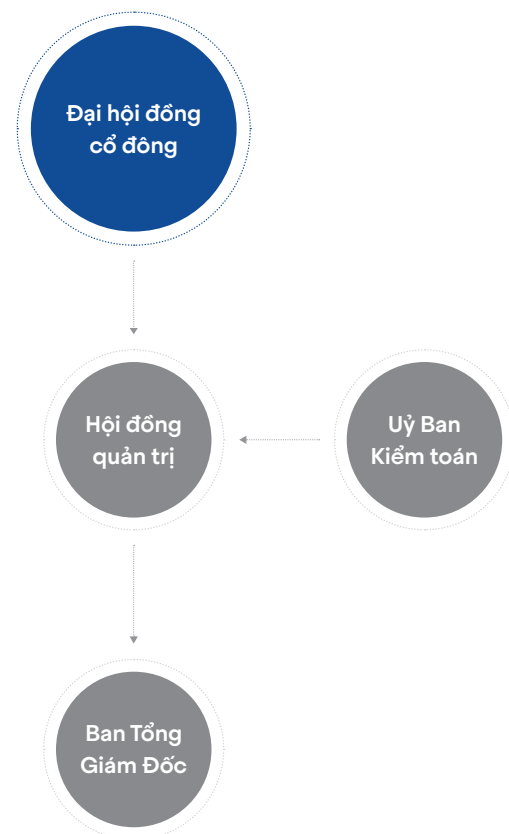


Sản phẩm gia dụng

Kênh phân phối hiện đại và truyền thống, hiện diện ở 63/63 tỉnh thành trên cả nước và đã xuất khẩu đi 20 thị trường quốc tế như: Nhật Bản, Hy Lạp, Thụy Sĩ, Australia, Hồng Kông, Malaysia...



Cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị



DNP Holding (“DNP”) hoạt động theo mô hình công ty đầu tư (investment holding), theo đó DNP thực hiện (i) quản lý vốn, (ii) quản lý chiến lược đầu tư phát triển các công ty thành viên, (iii) nghiên cứu phát triển và tổ chức triển khai các dự án chuyển đổi số để gia tăng lợi thế cạnh tranh, nghiên cứu các giải pháp cải tiến về công nghệ.

Các đơn vị thành viên tập trung phát triển sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực cốt lõi phù hợp với chiến lược phát triển chung của DNP.

Mô hình quản trị gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và có Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Ngoài ra, còn có Ban cố vấn cấp cao gồm các chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực quản trị và vận hành, tài chính, công nghệ... tư vấn cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và thực thi các chiến lược kinh doanh.

Nền tảng tổ chức

Khối Quản trị hoạt động đơn vị thành viên

Xây dựng hệ thống quản trị hoạt động chung của các đơn vị ở các lĩnh vực kinh doanh, đảm bảo tính hiệu quả, an toàn, và tuân thủ các thông lệ tốt về môi trường xã hội (E&S).

- **Khối Sản xuất:** Các nhà máy sản xuất nhựa/nước sạch/gạch ngói tại các đơn vị thành viên.
- **Khối Kinh doanh:** Các đội kinh doanh được tổ chức theo mảng kinh doanh, nhóm ngành hàng, thị trường, kênh phân phối... cho các sản phẩm ống và vật tư ngành nước cho các công trình hạ tầng và dân dụng, vật tư thiết bị ngành nước, sản phẩm gia dụng, gạch ngói, bao bì cứng và mềm...
- **Khối Phát triển:** Gồm các nhóm nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển lĩnh vực kinh doanh và giải pháp mới.



Khối Holding

- **Khối Ngân hàng đầu tư (IB):** Nghiên cứu phát triển, cấu trúc vốn, huy động vốn tăng trưởng quy mô và đảm bảo tính pháp lý trong quá trình hoạt động và phát triển.
- **Khối Nguồn vốn và Quản trị tài chính (TAF):** Quản trị dòng tiền, đầu tư tập trung, quản trị kế toán, thuế và quản trị hiệu quả hoạt động, rủi ro tài chính.
- **Khối Nhân sự - Phát triển tổ chức (HROD):** Xây dựng đội ngũ tinh nhuệ, tổ chức tinh gọn chuyên nghiệp & linh hoạt.
- **Khối Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số:** Đưa công nghệ thông tin vào vận hành, kinh doanh và quản trị trên toàn hệ thống DNP, gia tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của DNP.
- **Khối Hành chính (Administration):** Thực hiện và giám sát các thủ tục hành chính, lễ tân, đón tiếp, văn thư lưu trữ, quản lý lịch trình, phối hợp tổ chức sự kiện và hỗ trợ các bộ phận khác trong tổ chức...
- Danh sách các đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên kết, và các thông tin về vốn góp, tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích tại từng đơn vị được trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tại Chương VI - Báo cáo thường niên 2024 của DNP Holding.

Hội đồng quản trị



Ông Trần Đức Huy

Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Đức Huy là một thành viên có kinh nghiệm phong phú trong hệ thống của DNP Holding. Ông Trần Đức Huy có 25 năm kinh nghiệm và từng giữ các chức vụ quan trọng tại các tập đoàn hàng đầu thế giới và Việt Nam. Ông từng là Tổng Giám đốc của Saint - Gobain Vietnam - tập đoàn nổi tiếng thế giới về sản xuất và phân phối giải pháp vật liệu xây dựng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Vĩnh Tường, ... Ông có kiến thức quản trị sâu rộng khi hoàn tất các chương trình lãnh đạo cao cấp quốc tế như Chương trình GMP của Trường Kinh doanh Harvard, Chương trình đào tạo lãnh đạo cấp cao tại Anderson Business School (UCLA), Sloan Business School (MIT), Chứng chỉ Giảng viên quản trị doanh nghiệp của IFC.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Ông Trần Đức Huy được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 và sau đó được HĐQT bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.



Ông Ngô Đức Vũ

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Ngô Đức Vũ có bằng Thạc sỹ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu Âu ESCP (Pháp) và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan. Trước đây, ông từng là Giám đốc đầu tư CTCP Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai (tên cũ: CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung), Tổng Giám đốc DNP Holding. Năm 2017, ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT DNP Holding.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Ngô Đức Vũ tiếp tục được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.



Ông Hoàng Anh Tuấn

Thành viên HĐQT

Ông Hoàng Anh Tuấn là Thạc sỹ Quản lý kinh tế với 15 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh doanh, tài chính - kế toán và vận hành doanh nghiệp. Gia nhập DNP Holding từ năm 2012, ông Tuấn từng đảm nhận các vị trí Kế toán trưởng và Giám đốc vận hành và được bổ nhiệm vào nhiều vị trí chủ chốt như Phó Tổng Giám đốc (2018), Tổng Giám đốc (2019-2022) tại Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam, Tổng Giám đốc DNP Holding (2023-2024).

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Ông Hoàng Anh Tuấn được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027. Hiện tại, ông giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DNP Hawaco.



Bà Nguyễn Thị Huyền

Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Huyền là Thạc sỹ Kế toán - Kiểm toán và đã có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty Cổ phần DNP Holding. Bà Huyền gia nhập Công ty từ năm 2007 và đã từng đảm nhận các vị trí phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Vật tư, Giám đốc mảng Bao bì mềm Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam. Hiện Bà đang là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Bà Nguyễn Thị Huyền được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.



Ông Bùi Thành Việt

Thành viên HĐQT độc lập

Ông Bùi Thành Việt có bằng Thạc sỹ Tài chính Đầu tư. Trước đây, ông từng là Chủ nhiệm Kế toán - CT Ernst & Young Việt Nam, chuyên viên Ban Tài chính - Tập đoàn Vingroup, Phó Giám đốc Khối Tài chính Tập đoàn MIK Group, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Tập đoàn INFINITY GROUP. Năm 2022, ông được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Khối Quản trị Tài chính Công ty Cổ phần Tasco và Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn. Hiện tại, ông là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Ô tô Bình Định và thành viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Ông Bùi Thành Việt được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

Ban tổng giám đốc



Ông Trịnh Kiên

Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Kiên là cử nhân chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán của Đại học Kinh tế Quốc dân, và đã từng đảm nhận nhiều vị trí lãnh đạo quan trọng tại các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Trước khi gia nhập DNP Holding năm 2013, ông đã có nhiều năm kinh nghiệm làm Phó phòng Kiểm toán tại Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam, Trưởng phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Công ty Chứng khoán VPBank, và Phó Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Công ty Chứng khoán Lanexang, tham gia dự án Sacombank tại Lào.

Với hơn một thập kỷ đồng hành cùng sự phát triển của DNP Holding, ông Trịnh Kiên đã giữ nhiều vị trí quan trọng như Trưởng ban Kiểm soát, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, Giám đốc khách hàng chiến lược, Phó Tổng Giám đốc DNP Holding, và Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Nhựa Đồng Nai.

Tháng 9/2024, Ông Trịnh Kiên được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc DNP Holding. Hiện tại, ông là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DNP Hawaco, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.



Ông Trần Hữu Chuyển

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Hữu Chuyển – Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội, chuyên ngành Kỹ sư công nghệ hóa học. Ông Chuyển đã gắn bó với công ty gần 40 năm và có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình phát triển DNP, đặc biệt là trong các mảng kỹ thuật, sản xuất và vận hành. Ông từng giữ nhiều vị trí chủ chốt trong Công ty như: Trưởng phòng Kỹ thuật, Quản đốc Phân xưởng, Tổng Giám đốc Công ty... Tháng 4 năm 2017, ông Chuyển được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc DNP Holding.

Hiện tại, ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.



Bà Phan Thùy Giang

Phó Tổng Giám đốc

Bà Phan Thùy Giang là Thạc sỹ chuyên ngành tài chính với gần 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng... Gia nhập công ty từ năm 2017, bà Giang từng giữ vị trí Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư và đã có nhiều đóng góp quan trọng về đầu tư, tài chính doanh nghiệp, công tác vận hành cho công ty. Tháng 8/2021, bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc DNP Holding.

Hiện tại, bà giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP.



Bà Nguyễn Thị Huyền

Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Huyền là Thạc sỹ Kế toán – Kiểm toán và đã có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc tại CTCP DNP Holding. Bà Nguyễn Thị Huyền đã giữ các chức vụ quan trọng tại DNP Holding như Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc vận hành, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Tháng 8/2024, bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc DNP Holding.

Hiện Bà đang là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DNP Holding, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC.



Bà Phạm Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thị Thu Hằng tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP HCM, khoa Kế toán Kiểm toán và khoa Luật Doanh nghiệp. Trước khi gia nhập CTCP DNP Holding, bà từng làm Kế toán trưởng Ban quản lý xây dựng tỉnh Đồng Nai - Sở Xây Dựng, Giám sát Kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất Toàn cầu Lixil Việt Nam. Sau khi gia nhập CTCP DNP Holding, bà đã giữ các chức như Kế toán tổng hợp, Phó phòng Kế toán.

Tháng 4/2023, bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng CTCP DNP Holding.

Ủy ban kiểm toán



Ông Bùi Thành Việt

Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán

Ông Bùi Thành Việt có bằng Thạc sỹ Tài chính Đầu tư. Trước đây, ông từng là Chủ nhiệm Kế toán – Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, chuyên viên Ban Tài chính – Tập đoàn Vingroup, Phó Giám đốc Khối Tài chính Tập đoàn MIK Group, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Tập đoàn INFINITY GROUP. Năm 2022, ông được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Khối quản trị Tài chính Công ty Cổ phần Tasco và Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Ông Bùi Thành Việt được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.



Ông Ngô Đức Vũ

Thành viên Ủy Ban Kiểm toán

Ông Ngô Đức Vũ có bằng Thạc sỹ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu Âu ESCP (Pháp) và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan. Trước đây, ông từng là Giám đốc đầu tư CTCP Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai (tên cũ: CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung), Tổng Giám đốc DNP Holding. Năm 2017, ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT DNP Holding.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Ngô Đức Vũ tiếp tục được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.



Định hướng chiến lược phát triển

Chiến lược phát triển đến 2029

DNP định hướng trở thành lựa chọn số 1 của khách hàng trong lĩnh vực nước sạch, môi trường, sản phẩm gia dụng cao cấp và vật liệu xây dựng hoàn thiện dựa trên nền tảng các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi:

Nước sạch và môi trường

Giữ vững vị thế Công ty giải pháp, dịch vụ và đầu tư hàng đầu trong ngành nước tại Việt Nam.

Cam kết tham gia giải quyết những thách thức về nguồn nước và môi trường với công nghệ tiên tiến, giải pháp đột phá và toàn diện.

Gia dụng cao cấp

Phát triển INOCHI thành thương hiệu gia dụng cao cấp, Top 2 thương hiệu được yêu thích ở Việt Nam và từng bước trở thành thương hiệu gia dụng & phong cách sống số 1 tại Đông Nam Á.

Hướng đến gia tăng quy mô và tốc độ tăng trưởng bình quân 30%/ năm.

Phát triển Thương hiệu Mẹ và bé “AOI” thông qua chiến lược phủ mạnh các điểm phân phối Mẹ và Bé trong nước, mở rộng phân khúc, tạo tiến để hướng ra thế giới.

Vật liệu xây dựng

Trở thành đơn vị Top 3 Việt Nam về gạch ốp lát và ngói tráng men cao cấp.

Hệ sinh thái ngành nước

Duy trì vị thế Top 3 Việt Nam về ống nhựa và vật tư thiết bị ngành nước.

Trở thành nhà cung cấp số 1 Việt Nam về giải pháp công nghệ, vật tư trang thiết bị cho ngành cấp thoát nước và xử lý nước thải, từng bước mở rộng ra thị trường quốc tế.

Bao bì

Phát triển bền vững mảng bao bì cứng và bao bì mềm, nâng cao hiệu quả, đạt mức tăng trưởng cơ hữu 5-10%/năm.

Bao bì cứng định hướng nằm trong Top 3 lựa chọn của các Tập đoàn đa quốc gia và hàng đầu tại Việt Nam (Masan, Vinamilk, Nestle, Lavie, Cholimex, Pinaco...)

Bao bì mềm định hướng nằm trong Top 3 chọn lựa của các Chuỗi bán lẻ/siêu thị hàng đầu thế giới (Hiện tại Bao bì mềm đã xuất khẩu đến 16 nước trên thế giới)

Sở hữu hệ sinh thái có sức cộng hưởng lớn, DNP Holding có nhiều lợi thế để cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và mang đến những trải nghiệm toàn diện cho khách hàng, đối tác, nhà đầu tư thông qua các giải pháp:

Phát huy lợi thế hệ sinh thái

Tạo lợi thế cộng hưởng nhờ sức mạnh hợp lực của các đơn vị trên toàn hệ thống.

Tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường

Xây dựng phát triển thị trường mới, mở rộng xuất khẩu quốc tế cho chuỗi sản phẩm mà DNP có thế mạnh.

Quản trị công ty

Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, tối ưu nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực có ưu thế; Tích hợp các vấn đề ESG trong hoạt động kinh doanh, kiểm soát rủi ro hoạt động, hướng tới phát triển bền vững.

Tăng cường ứng dụng công nghệ và máy móc hiện đại

Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quy trình vận hành, sản xuất kinh doanh tại các nhà máy và văn phòng, từng bước ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) vào việc phân tích và dự báo dữ liệu, tự động hóa việc quản lý dữ liệu, các quy trình, cải tiến chuỗi cung ứng... Nhằm nâng cao hiệu quả, tăng năng suất lao động và tối ưu hóa các nguồn lực; Đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại; Hợp tác với các đối tác, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước để rút ngắn thời gian chuyển giao công nghệ và quản trị.

Phát triển Nguồn nhân lực

Đầu tư cho con người và tập trung phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ; xây dựng cơ chế thưởng thường xứng đáng và có lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo kế nhiệm.

Chiến lược ngành nước

Triển vọng ngành nước

Dự báo tăng trưởng ngành nước
CAGR 2025-2033

13%

/năm

Theo Báo cáo thị trường hệ thống xử lý nước tại Việt Nam của Công ty nghiên cứu thị trường quốc tế IMARC, quy mô ngành nước dự báo sẽ đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) 13% trong giai đoạn giai đoạn 2025–2033. Một số tỉnh thành phố lớn có mức tăng trưởng cao như Hà Nội được dự báo tăng 12% hay Thành phố Hồ Chí Minh tăng 8%/năm trong giai đoạn 2025-2030.

Yếu tố nền tảng thúc đẩy ngành bao gồm tốc độ đô thị hóa nhanh và sự gia tăng dân số. Dân số Việt Nam đạt 100,3 triệu người vào năm 2023 và dự báo sẽ đạt 105 triệu người vào năm 2030, kéo theo nhu cầu nước tăng lên. Hiện chỉ khoảng 52% hộ dân tiếp cận nước máy, trong đó khu vực nông thôn chỉ đạt 34,8%, tạo động lực lớn cho các doanh nghiệp trong ngành xử lý nước.

Việt Nam cũng đang đẩy mạnh phát triển công nghiệp với tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp dự kiến đạt 11,0–12,5%/năm trong giai đoạn

2021–2025. Sự mở rộng quy mô công nghiệp sẽ tăng nhu cầu về xử lý nước thải sản xuất và bảo đảm nguồn nước sạch trong khu công nghiệp.

Tuy nhiên, thiếu hụt hạ tầng và vấn đề đầu tư là thách thức lớn. Chủ tịch Hiệp hội Cấp thoát nước Việt Nam ước tính cần 9 tỷ USD để cung cấp nước sạch cho toàn dân đến năm 2030. Tổng vốn đầu tư cho ngành nước, theo GS. Nguyễn Việt Anh - Viện trưởng Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường, cần đạt 20–30 tỷ USD trong 10 năm tới.

Ngoài ra, tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long và khan hiếm nước sạch tại các vùng sâu, vùng xa đang thúc đẩy nhu cầu đối với các hệ thống xử lý nước linh hoạt và thông minh. Công nghệ hiện đại như IoT, AI và vật liệu mới trong lọc nước đang mở ra nhiều cơ hội phát triển cho ngành.

Định hướng chiến lược

Trong bối cảnh ngành nước tại Việt Nam còn nhiều dư địa tăng trưởng, DNPW tập trung thực hiện các giải pháp chiến lược để duy trì vị thế là công ty giải pháp, dịch vụ và đầu tư hàng đầu trong ngành thông qua chiến lược phát triển bền vững và đổi mới.

DNP Water không ngừng mở rộng quy mô bằng cách triển khai các dự án cấp nước mới có quy mô lớn, đồng thời giải quyết căn cơ hiện trạng sử dụng tài nguyên nước ngầm quá mức, gây sụt lún và xâm nhập mặn, hạn hán, góp phần xây dựng hạ tầng cấp nước bền vững.

Các dự án lớn tiêu biểu như: i) Dự án Nhà máy nước thô Vùng 1 (Tiền Giang, Long An, Bến Tre) với công suất thiết kế 2 giai đoạn 600.000 m³/ngày đêm. Dự án nằm trong quy hoạch được Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch cấp nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn 2050 từ tháng 3 năm 2021. Sau đó, tỉnh Tiền Giang đã phê duyệt chủ trương đầu tư cho DNP Water, dự kiến khởi công xây dựng trong năm 2025. ii) Nhà máy nước Trảng Bàng – Tây Ninh với công suất 100.000 m³/ngày đêm. DNP Water cũng đang đề xuất Dự án Nhà máy nước thô Vùng 2 (Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng) với công suất thiết kế 300.000 m³/ngày đêm giai đoạn 1 và các dự án khác. Với định hướng tăng trưởng bền vững song hành với trách nhiệm xã hội, DNP Water hướng đến mục tiêu:

i) 100% người dân, bao gồm cả khu vực nông thôn, được tiếp cận và sử dụng nước sạch đạt chuẩn, góp phần đảm bảo quyền lợi cơ bản về sức khỏe và chất lượng sống cho cộng đồng.

ii) Tập trung vào các giải pháp nhằm giải quyết những thách thức ngày càng gia tăng về tài nguyên nước, đặc biệt là các vấn đề xâm nhập mặn, hạn hán, và thiếu nguồn tại các khu vực hạ lưu và ven biển. Chủ động đầu tư cho các sáng kiến thích ứng và ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu.

iii) Mở rộng hoạt động trong các lĩnh vực xử lý nước thải, làm sạch môi trường, góp phần nâng cao điều kiện sống cho người dân, đồng thời song hành với quá trình chuyển dịch đô thị hóa và sản xuất công nghiệp.

Bên cạnh việc mở rộng hệ thống cấp nước, DNP Water cũng đẩy mạnh hiệu quả hoạt động tại các công ty thành viên thông qua quá trình chuyển đổi số toàn diện. Công ty ứng dụng công nghệ số vào mọi khâu vận hành, từ xây dựng hệ thống đến quản trị doanh nghiệp, nhằm nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa sản xuất, đảm bảo an toàn và chất lượng nước, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Ngoài ra, DNP Water cũng tập trung vào việc quản lý và mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển tệp khách hàng, tăng cường hiệu quả đầu nối, cũng như triển khai các dự án giảm thất thoát nước, đảm bảo an ninh nguồn nước và chất lượng nước cung cấp cho người dân.

Dưới sự dẫn dắt của đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm cùng với lực lượng nhân sự lành nghề, DNP Water tận dụng thế mạnh về công nghệ, kỹ thuật, tài chính và quản trị từ các đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Những nền tảng này giúp công ty từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành nhà điều hành hàng đầu trong ngành nước tại Việt Nam.





Hệ sinh thái ngành nước

Triển vọng hệ sinh thái ngành nước

Tỷ lệ đô thị hóa đến 2030 dự báo đạt

50%

Mảng kinh doanh ống nhựa hạ tầng và vật tư thiết bị, giải pháp cho ngành nước, được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào tốc độ giải ngân đầu tư công vào xây dựng hạ tầng và quá trình đô thị hóa nhanh chóng tại Việt Nam. Theo Bộ Xây dựng, tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc năm 2024 ước đạt 44,3%, vượt kế hoạch 0,6%. Dự kiến đến năm 2030, tỷ lệ này sẽ vượt 50%, với khoảng 1.000 – 1.200 đô thị, đóng góp 85% GDP cả nước. Quá trình đô thị hóa này sẽ

thúc đẩy đáng kể nhu cầu sử dụng nước và nhu cầu đầu tư vào hạ tầng cấp thoát nước đô thị.

Bên cạnh đó, xu hướng dòng vốn FDI đăng ký và giải ngân liên tục tăng trưởng, cùng với sự dịch chuyển của nhiều nhà máy sản xuất vào Việt Nam, đang tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của các khu công nghiệp, qua đó thúc đẩy nhu cầu đối với ống nhựa hạ tầng và vật tư thiết bị ngành nước.

Duy trì và giữ vững vị trí Top 3 tại Việt Nam về ống nhựa và phụ kiện, đồng thời tiếp tục củng cố vị thế thương hiệu ống nhựa hạ tầng số 1 tại Việt Nam. Mục tiêu trong 5 năm tới trở thành số 1 về MEP cao tầng.

Nhựa Đồng Nai là đơn vị tiên phong nghiên cứu và sản xuất nội địa hóa sản phẩm nhựa phục vụ cho xử lý nước thải và cấp nước như: Tấm lắng Lamen và Đan lọc tải trọng cao...

- Tiếp tục tiên phong là nhà cung cấp sản phẩm ống và phụ kiện xanh, thân thiện với môi trường, tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, thúc đẩy các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn Xanh quốc tế.
- Phát huy lợi thế làm chủ công nghệ sản xuất ống nhựa và phụ kiện chất lượng cao; sở hữu tệp khách hàng chất lượng (cấp thoát nước, công ty BĐS thương mại và KCN), dịch vụ cung ứng 24/07 xuất sắc đã bồi đắp, xây dựng thương hiệu tại thị trường miền Bắc và duy trì quan hệ sâu rộng với khách hàng tới 63 tỉnh thành trong cả nước.

Định hướng chiến lược

- Hợp tác sâu rộng đối với các đối tác quốc tế hàng đầu: hợp tác sản xuất, chuyển giao công nghệ..là ưu tiên tại Nhựa Đồng Nai nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới sản phẩm.
- Vững bước phát triển phân khúc ống nhựa và phụ kiện cho toà nhà, khu dân cư, bệnh viện, nghỉ dưỡng gắn liền với xu hướng đô thị hoá; Nâng cao vị thế trên thị trường dự án với năng lực và uy tín đã được khẳng định thông qua triển khai hầu hết các dự án của các chủ đầu tư lớn, điển hình như Masterise, Nam Long, Keppel, Đất Xanh group, CapitaLand... Nhựa Đồng Nai được công nhận là nhà cung cấp dẫn đầu các giải pháp ống và phụ kiện cho công trình cao tầng.
- Phát triển mạnh mẽ hơn nữa các giải pháp phụ kiện thông minh và đa dạng nhằm giúp khách hàng có thể gia

tăng hiệu quả thi công cũng như tối ưu hóa không gian cho kiến trúc công trình. Phát triển thị trường kênh bán lẻ: tiếp nối sự hiện diện trên kênh bán lẻ trong 3 năm vừa qua, Nhựa Đồng Nai tiếp tục đẩy mạnh phương thức tiếp cận hiện đại kết hợp giữa bán hàng trực tiếp và gián tiếp online; Phát triển những đối tác nhà phân phối có năng lực tốt; Nắm bắt xu hướng tiếp thị số hiện đại để tiếp cận khách hàng mục tiêu một cách hiệu quả cao cho cả hai miền Nam Bắc.

- Làm chủ công nghệ sản xuất đa dạng hóa các sản phẩm cung ứng cho hệ sinh thái ngành nước như tấm lắng, đan lọc, keo dán ống PVC, hóa chất và các sản phẩm khác thông qua thương mại.

Định hướng chiến lược

VỀ ỐNG NHỰA VÀ PHỤ KIỆN

Tiếp tục củng cố vị thế

Top 1 Việt Nam

Màng ống nhựa hạ tầng

VỀ VẬT TƯ THIẾT BỊ CHO NGÀNH NƯỚC

Trở thành nhà cung cấp

Top 1 Việt Nam

Về giải pháp công nghệ và vật tư thiết bị ngành nước

Trở thành nhà cung cấp số 1 về giải pháp công nghệ và vật tư thiết bị ngành nước.

Là đơn vị tiên phong nội địa hóa sản xuất các sản phẩm như module xử lý, bể chứa.

Làm giàu hệ sinh thái các công ty cấp nước truyền thống, mở rộng sang ngành thoát nước, thủy lợi, hiện diện và hoạt động trên địa bàn cả nước và từng bước vươn ra khu vực.

Tăng tốc mạnh mẽ để chuyển đổi DNP Hawaco thành 1 công ty giải pháp, công nghệ, tăng năng lực triển khai, tích hợp giải pháp, công nghệ lõi của ngành nước, từng bước chuyển đổi số và quản trị thông minh.

Chiến lược sản phẩm gia dụng cao cấp

Triển vọng ngành gia dụng



Thị trường đồ gia dụng tại Việt Nam ước tính đạt

12,5-13 tỷ USD

Tốc độ tăng trưởng trung bình

10% /năm

Theo báo cáo của Bộ Công Thương, quy mô thị trường đồ gia dụng tại Việt Nam ước tính đạt 12,5-13 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng trung bình 10%/năm, cao gấp 10 lần so với các thị trường phát triển như Mỹ và châu Âu.

Năm 2023, ngành hàng gia dụng chiếm 9% tổng chi tiêu cá nhân của người Việt, đứng thứ tư trong 11 nhóm ngành hàng chính về quy mô tiêu dùng. Những con số này phản ánh tiềm năng lớn của ngành, đặc biệt trong bối cảnh thu nhập tăng trưởng và nhu cầu tiêu dùng ngày càng chú trọng đến chất lượng, mẫu mã sản phẩm.

Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường gia dụng còn được thúc đẩy bởi cơ cấu dân số vàng, khi nhóm người trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) chiếm 66% tổng dân số, dẫn đến nhu cầu sử dụng các sản phẩm gia dụng ngày càng lớn. Bên cạnh đó, GDP bình quân đầu người của Việt Nam cũng liên tục tăng. Năm 2024, GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người/năm (tương đương 4.700 USD), tăng 377 USD so với năm 2023.

Quốc hội Việt Nam cũng đã thông qua việc nâng mục tiêu tăng trưởng năm 2025 lên “ít nhất 8%” và đặt mục tiêu tăng trưởng “hai con số” cho giai đoạn

2026-2030. Nhận định về mục tiêu này, Ngân hàng UOB (Singapore) cho rằng Việt Nam hoàn toàn có thể đạt mức tăng trưởng cao 8% hoặc thậm chí hai con số, như kinh nghiệm của Singapore và Trung Quốc, đặc biệt khi Việt Nam đã có động lực tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024 với mức tăng trưởng trên 7%. Với kịch bản này, GDP bình quân đầu người dự kiến đạt 7.500 USD vào năm 2030, 14.500 USD vào năm 2040 và khoảng 32.000 USD vào năm 2050.

Nắm bắt xu hướng phát triển này, Tân Phú Việt Nam đã khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực gia dụng cao cấp với thương hiệu INOCHI. Từ khi ra mắt năm 2018, INOCHI đã phát triển mạnh mẽ với danh mục sản phẩm đa dạng, đạt 785 SKU vào tháng 12/2024, bao gồm nhiều dòng sản phẩm tiện ích với chất liệu phong phú như nhựa, gốm sứ, thủy tinh, silicon và inox. Song song với việc không ngừng mở rộng danh mục sản phẩm, doanh nghiệp cũng chú trọng tham gia sâu vào các kênh phân phối, đảm bảo sản phẩm tiếp cận rộng rãi người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường gia dụng.

Định hướng chiến lược

Mục tiêu doanh thu 2029

2.500 tỷ đồng

Tốc độ tăng trưởng trung bình

30% /năm

Với vị thế là thương hiệu gia dụng cao cấp, đạt danh hiệu Thương hiệu Quốc gia và mở rộng xuất khẩu đến 20 quốc gia, INOCHI sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ và hướng tới mục tiêu trở thành thương hiệu gia dụng được ưa chuộng nhất tại Đông Nam Á.

- INOCHI hướng đến trở thành thương hiệu gia dụng cao cấp, được yêu thích nhất tại Đông Nam Á và nằm trong top 2 thương hiệu gia dụng được ưa chuộng tại Việt Nam. Danh mục sản phẩm sẽ tiếp tục mở rộng với đa dạng chất liệu như nhựa, gốm sứ, thủy tinh, kim loại và đồ điện tử nhỏ. Mục tiêu doanh thu đạt khoảng 2.500 tỷ đồng vào năm 2029, với tốc độ tăng trưởng bình quân 30%/năm. Trong 5 năm tới, INOCHI sẽ tập trung mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm gia tăng quy mô doanh thu và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- AOI – Thương hiệu Mẹ & Bé ra mắt năm 2023, đã được phát triển mạnh mẽ thông qua chiến lược mở rộng độ phủ tại hệ thống phân phối Mẹ & Bé trong nước, tạo nền tảng vững chắc để vươn ra thị trường quốc tế trong những năm tiếp theo. Với đặc thù ngành hàng và biên lợi nhuận cao, AOI không chỉ mở rộng phân khúc sản phẩm mà còn đóng góp tích cực vào hiệu quả kinh doanh của Tân Phú Việt Nam.



Chiến lược ngành bao bì

Triển vọng ngành bao bì

Sản lượng bao bì nhựa vào năm 2028 ước tính đạt

15,09 triệu tấn

Thị trường bao bì của Việt Nam đang chứng kiến sự mở rộng nhanh chóng, được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng ở nhiều lĩnh vực khác nhau, như thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, hóa chất, công nghiệp và nông nghiệp. Các yếu tố tạo động lực cho sự tăng trưởng của thị trường bao bì bao gồm: tăng trưởng GDP, tiêu dùng nội địa phục hồi, thương mại điện tử phát triển mạnh, sự tiến bộ của công nghệ. Những yếu tố này tạo đà mạnh mẽ cho ngành bao bì, đặc biệt là bao bì cho ngành thực phẩm và đồ uống. Các doanh nghiệp trong và ngoài nước đều đang đầu tư mạnh vào lĩnh vực này, thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh và đa dạng về chất lượng và giá cả sản phẩm.

Phân khúc bao bì nhựa dự báo sẽ duy trì ưu thế trên thị trường với sản lượng ước tính đạt 15,09 triệu tấn vào năm 2028, với tốc độ tăng trưởng hàng năm (CAGR) đạt 8,44% trong giai đoạn 2023-2028.

Về nhu cầu bao bì mềm, sự gia tăng dân số và mở rộng tầng lớp trung lưu đang thúc đẩy nhu cầu về bao bì mềm. Dự kiến, dân số toàn cầu sẽ đạt 9,2 tỷ người vào năm 2040, với phần lớn sự tăng trưởng diễn ra ở các nước đang phát triển, đặc biệt là khu vực Châu Á – Thái Bình Dương

Tuy có những thách thức như cạnh tranh gia tăng và chi phí đầu vào, ngành công nghiệp đang thích ứng thông qua các sáng kiến đổi mới và phát triển bền vững. Với các điều kiện thuận lợi như phát triển kinh tế, nhu cầu tiêu dùng tăng cao và các hiệp định thương mại có lợi, ngành bao bì của Việt Nam sẵn sàng cho sự tăng trưởng liên tục và mang đến nhiều cơ hội đầu tư và phát triển.



Định hướng chiến lược

Duy trì Mạng bao bì cứng và bao bì mềm phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả, tăng trưởng cơ hữu 5-10%/năm.



Duy trì sản lượng màng bao bì mềm xuất khẩu truyền thống

2.000 tấn/tháng

BAO BÌ MỀM

- Duy trì sản lượng cao màng bao bì mềm xuất khẩu truyền thống trên 2.000 tấn/tháng.
- Nâng cấp và chuyển đổi cơ cấu sản phẩm lên chuỗi giá trị gia tăng cao hơn thông qua đầu tư mở rộng nhà máy túi thực phẩm zipper, slider và màng bọc thực phẩm.
- Chiếm lĩnh số 1 thị trường bao bì mềm tại các kênh siêu thị.

BAO BÌ CỨNG

Công ty định hướng khai thác tối ưu công suất sản xuất hiện hữu, tận dụng được tăng trưởng cơ học của ngành, chuyển dịch cơ cấu khách hàng và sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị, tập trung vào các tệp khách hàng lớn và các ngành hàng có hiệu quả cao như thực phẩm đồ uống, nông dược và hóa chất...



Chiến lược ngành vật liệu xây dựng

Triển vọng ngành Vật liệu Xây dựng

Trở thành thương hiệu gạch, ngói được ưa chuộng nhất tại Việt Nam. Tiên phong giải pháp sản phẩm đa dạng, sáng tạo, chất lượng phù hợp với nhu cầu khách hàng.

Bước vào năm 2025, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với những thách thức từ năm trước, nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội cho sự phục hồi và tăng trưởng. Trong bối cảnh đó, CMC kiên định với chiến lược phát triển bền vững, linh hoạt thích ứng với thị trường, tiếp tục tập trung vào ba mũi nhọn chiến lược nhằm nâng cao vị thế trong ngành:

- **Gia tăng năng lực sản xuất và hiệu quả vận hành:** CMC tiếp tục đầu tư mạnh vào cải tiến công nghệ và tự động hóa, hợp tác với các đối tác quốc tế để nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa chi phí sản xuất. Quản trị sản xuất tinh gọn, kết hợp với chiến lược R&D đột phá, giúp tối ưu lợi nhuận gộp và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.
- **Đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu và mở rộng thị trường:** Công ty thực hiện tái cấu trúc danh mục sản phẩm để tối ưu biên lợi nhuận, đồng thời đẩy mạnh kênh bán hàng dự án và thương mại.

Việc mở rộng xuất khẩu tiếp tục được thúc đẩy, hướng đến các thị trường trọng điểm như Lào, Philippines, Hàn Quốc, Đài Loan và thử nghiệm ở một số thị trường tiềm năng khác trong khu vực.

- **Tối ưu hóa sức mạnh nội bộ, xây dựng nền tảng phát triển bền vững:** CMC chú trọng vào văn hóa doanh nghiệp dựa trên sự đổi mới, minh bạch và hiệu quả. Công tác tổ chức nhân sự tiếp tục tinh gọn, nâng cao tính chuyên nghiệp và trách nhiệm. Mô hình quản trị được cải tiến nhằm tăng cường tính chủ động, tạo động lực phát triển cho toàn hệ thống.

Bằng việc triển khai đồng bộ các chiến lược trên, CMC đặt mục tiêu không chỉ duy trì sự ổn định mà còn tạo đà tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2025, khẳng định vị thế tiên phong trong ngành vật liệu xây dựng.

Các yếu tố rủi ro

Rủi ro chính sách

Hoạt động của công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đầu tư... và các Nghị định và các Thông tư hướng dẫn liên quan. Bên cạnh đó, công ty còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi các văn bản pháp luật liên quan đến ngành khai thác, xử lý và cung cấp nước, tiêu biểu như:

- Vấn đề khai thác nguồn nước, xả thải nước vào các nguồn nước đều được điều tiết chung bởi Luật Tài nguyên nước, Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ Môi trường...
- Công tác sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được điều tiết bởi Nghị định 124/2011/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP)
- Công tác đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát, chất lượng nước được điều tiết bởi Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước...

Hướng tới phát triển bền vững ngành Nước, thời gian tới, các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về cấp, thoát nước; ban hành cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cấp thoát nước, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, Bộ Xây dựng đang khẩn trương hoàn thiện dự thảo Luật, trình Chính phủ xem xét trong phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật trong năm 2025.

Vi vậy, Công ty cần liên tục cập nhật những thông tin mới để tránh gây ra những tổn thất không đáng có cho doanh nghiệp, cũng như cải thiện môi trường pháp lý cho các hoạt động của doanh nghiệp.

Rủi ro Pháp lý

Với hoạt động ở nhiều mảng kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, ngoài hệ thống Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định liên quan, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật, quy định và chính sách về xây dựng, bất động sản, quản lý ngành nước sạch... Một số văn bản pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty có thể kể đến Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025, Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, Chỉ thị 34/CT-TTg

ngày 28/8/2020 về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục...

Để quản lý rủi ro về mặt pháp lý, bộ phận Pháp chế và các đơn vị chuyên môn tham mưu, tư vấn cho HĐQT và Ban điều hành về những vấn đề liên quan đến luật pháp, thường xuyên theo dõi, cập nhật các thay đổi trong các văn bản pháp luật và các ảnh hưởng nếu có đến hoạt động kinh doanh của công ty, rà soát các văn bản liên quan đến chính sách, định hướng phát triển của công ty để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ quy định pháp luật.

Rủi ro về môi trường

Cùng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội thì tình trạng ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt tài nguyên môi trường cũng diễn ra phức tạp, có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững của ngành nước. Hiện nay, nguồn nước sạch đã bị ô nhiễm, chủ yếu là ô nhiễm nước thải sinh hoạt.

Việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình còn hạn chế. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, tỷ lệ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt đô thị vẫn còn ở mức thấp, mới chỉ đạt khoảng 15%, còn lại hầu hết nước thải từ các hộ dân đều xả trực tiếp vào hệ thống cống, rãnh, sông ngòi.

Tại các KCN, cụm KCN việc đầu tư và áp dụng công nghệ xử lý nước thải chưa đáp ứng yêu cầu, Nhiều KCN, cụm KCN không có hệ thống xử lý nước thải tập trung, hoặc một số cơ sở sản xuất có xử lý nước thải nhưng không đạt quy chuẩn cho phép. Ngoài ra, còn một lượng lớn nước thải công nghiệp từ các làng nghề tiểu thủ công nghiệp, từ các hộ sản xuất công nghiệp vừa và nhỏ gần như không được xử lý trước khi xả vào các nguồn nước tiếp nhận.

Để giải quyết tình trạng này cần có giải pháp tổng thể cấp bách và lâu dài. Trước tiên phải thực hiện giải pháp song song

là cải thiện chất lượng các nguồn nước cấp qua việc đầu tư các công trình thu gom, xử lý nước thải, rác thải và cơ chế đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hiệu quả các công trình cấp nước tập trung.

Để bảo đảm cho người dân được sử dụng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế thì việc bảo vệ các nguồn cấp nước, bao gồm cả nước mặt và nước dưới đất, cũng vô cùng cần thiết. Công ty và các đơn vị thành viên trong mảng cấp thoát nước thường xuyên phối hợp với các cơ quan ban ngành phụ trách kiểm tra nguồn nước đầu vào, báo cáo nếu có hiện tượng bất thường và đưa ra biện pháp giải quyết khẩn cấp, tránh để xảy ra các rủi ro, cũng như thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, tránh xả rác thải xuống nguồn nước cấp. Bên cạnh đó, công ty cũng kiểm tra chất lượng nước đầu vào thường xuyên để đánh giá chất lượng nguồn nước đầu vào một cách toàn diện và đưa ra giải pháp xử lý nước phù hợp. Tất cả những biện pháp trên nhằm đảm bảo an ninh, an toàn nguồn nước, và cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn đến người tiêu dùng cuối cùng.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh đa ngành, DNP Holding có nguy cơ bị ảnh hưởng từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào. Sự thay đổi này ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất, biên lợi nhuận và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Với Nhựa Đồng Nai và Tân Phú Việt Nam, hạt nhựa – chiếm tỷ trọng khá cao trong giá vốn – chủ yếu được nhập khẩu và chịu ảnh hưởng từ giá dầu thô, khí đốt. Để kiểm soát rủi ro, công ty đa dạng hóa nhà cung cấp, theo dõi sát biến động giá, sử dụng các biện pháp quản trị rủi ro, tối ưu quy trình sản xuất và áp dụng công nghệ để giảm hao hụt.

Trong ngành nước, giá hóa chất xử lý, nhân công và điện tăng cao trong khi giá nước sạch bị điều tiết bởi Nhà nước, nên DNP Water luôn có các giải pháp kiểm soát chặt chẽ giá vốn. Doanh nghiệp đã cải tiến công nghệ, chuyển đổi số và tối ưu hóa sử dụng điện nhằm giảm chi phí. Với vật liệu xây dựng, chi phí sản xuất có nguy cơ leo thang do giá than và điện tăng mạnh, gây áp lực lớn lên CMC. Để ứng phó, công ty đầu tư cải tiến công nghệ, tự động hóa sản xuất, hợp tác với đối tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng và tối ưu chi phí. Kết hợp quản trị sản xuất tinh gọn với chiến lược R&D đột phá giúp nâng cao lợi nhuận và năng lực cạnh tranh.

Công ty đầu tư cải tiến công nghệ, tự động hóa sản xuất, hợp tác với đối tác quốc tế nhằm **nâng cao chất lượng và tối ưu chi phí.**





CHƯƠNG

03

Báo cáo của
Ban Tổng Giám đốc

- 54 Tổng quan kinh tế vĩ mô 2024 và dự báo 2025
- 56 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024
- 62 Tình hình tài chính
- 64 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025

Tổng quan kinh tế vĩ mô 2024 và dự báo 2025

Thế giới

Năm 2024, kinh tế thế giới phục hồi ở mức ~3,2% (IMF, 2024) nhưng không đồng đều giữa các khu vực. Lạm phát hạ nhiệt giúp các NHTW nới lỏng chính sách, hỗ trợ tăng trưởng. Tuy nhiên, rủi ro vẫn cao do các vấn đề căng thẳng địa chính trị (Trung Đông, Ukraine), an ninh năng lượng, cạnh tranh thương mại, công nghệ, bảo hộ gia tăng. Lạm phát, lãi suất dù giảm nhưng vẫn cao, tỷ giá hối đoái biến động gây sức ép lên dòng vốn khiến rủi ro tài chính – tiền tệ vẫn hiện hữu.

Về triển vọng 2025, các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức khoảng 2,8-3,3%, các đầu tàu kinh tế đều tăng trưởng chậm lại, trong khi các nền kinh tế đang phát triển hồi phục tốt hơn. Lạm phát dần được kiểm soát, giảm từ 6% (2023) xuống 4-4,5% (2024) và 4,2% (2025).

Việt Nam

Tăng trưởng GDP Việt Nam 2024

↑ 7,1%

Quy mô GDP Việt Nam năm 2024

476,3 tỷ USD

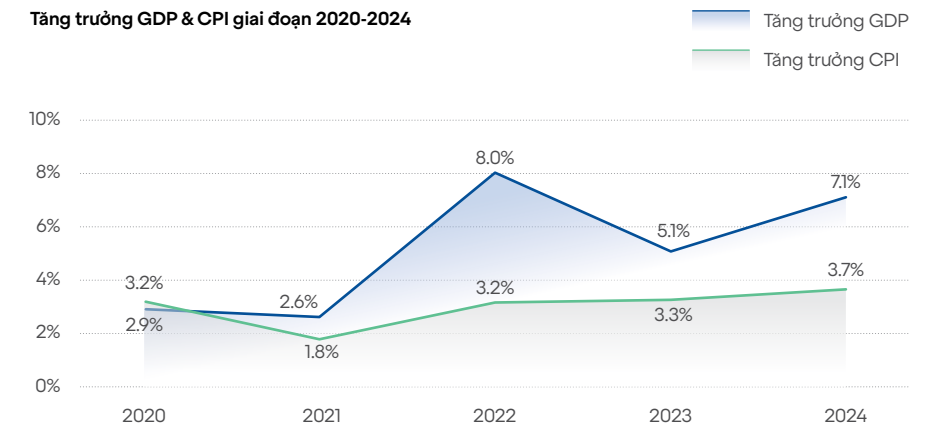
GDP bình quân đầu người năm 2024

4.700 USD

Tại Việt Nam, bức tranh kinh tế 2024 ghi nhận nhiều điểm sáng tích cực, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam đạt khoảng 476,3 tỷ USD, tăng 7,09% so với năm 2023. Theo Tổng cục Thống kê, GDP bình quân đầu người ước đạt 114 triệu đồng, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm trước. Lạm phát được kiểm soát khi CPI bình quân năm 2024 tăng 3,66%, phù hợp với mục tiêu Quốc hội đề ra. Xuất nhập khẩu – một trong những động lực chính của nền kinh tế – tăng trưởng 15,5%, giúp Việt Nam đạt mức xuất siêu 24,7 tỷ USD trong bối cảnh thương mại toàn cầu phục hồi.

Cùng với đó, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục khởi sắc với vốn đăng ký đạt 38,2 tỷ USD, tăng 4,4%, trong khi vốn giải ngân đạt 25,4 tỷ USD, tăng 9,3% so với năm trước. PMI trung bình năm 2024 đạt 51 điểm, có xu hướng giảm nhẹ vào cuối năm. Tổng mức doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2024 đạt 6.391 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với năm trước; Tăng trưởng tín dụng năm 2024 đạt 15,08% so với cuối năm 2023, mặt bằng lãi suất cơ bản ổn định, góp phần hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, tỷ giá trong tầm kiểm soát.

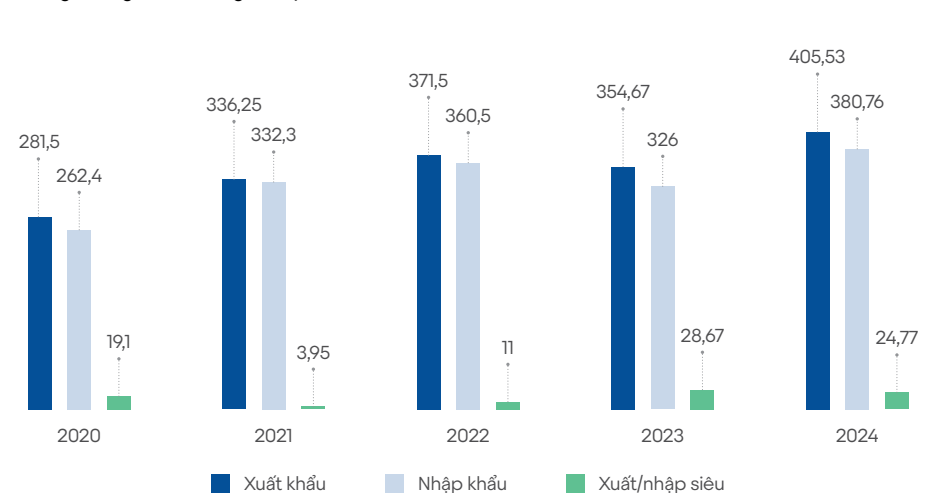
Tăng trưởng GDP & CPI giai đoạn 2020-2024



Năm 2025 được dự báo sẽ là năm tăng trưởng mạnh mẽ với GDP ước đạt khoảng 8%, theo mục tiêu của Chính phủ. Động lực chính đến từ nền kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, lãi suất duy trì ở mức thấp, tỷ giá biến động quanh mức 3%, cùng với các cân đối lớn như cán cân thanh toán, ngân sách, nợ công và an ninh năng lượng, lương thực được đảm bảo. Bên cạnh đó, môi

trường đầu tư – kinh doanh tiếp tục được cải thiện nhờ các đạo luật quan trọng có hiệu lực, đặc biệt là những cải cách thể chế và tinh gọn bộ máy của Đảng, Nhà nước, đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, nền kinh tế cũng đối mặt với thách thức từ những thay đổi trong chính sách thương mại quốc tế, đặc biệt dưới tác động của chính sách thuế quan đối ứng.

Tăng trưởng GDP & CPI giai đoạn 2020-2024



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2024

Năm 2024, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu dần phục hồi nhưng tiềm ẩn nhiều thách thức, Chính phủ Việt Nam đã triển khai các chính sách điều tiết vĩ mô, kích cầu hiệu quả, kiểm soát lạm phát và duy trì các cân đối lớn, tạo nền tảng thuận lợi cho nền kinh tế trong nước.



Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2024

DNP Holding tiếp tục duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh với doanh thu thuần hợp nhất đạt 8.898 tỷ đồng, tăng 17,4% so với năm 2023, hoàn thành 111,4% kế hoạch năm. Tiêu biểu có nhóm ngành nước sạch và hệ sinh thái nước sạch ghi nhận 4.890 tỷ đồng doanh thu, vượt 21,9% kế hoạch, khẳng định vị thế và tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ trong ngành.

Về lợi nhuận, Công ty đạt 229 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 21,2% so với

năm 2023, vượt 213,7% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 192 tỷ đồng, tăng trưởng 50%, phản ánh hiệu quả hoạt động nhờ chiến lược linh hoạt trong phát triển thị trường trọng điểm, mở rộng xuất khẩu, tinh gọn các khoản đầu tư và tối ưu trong quản lý chi phí của Công ty trong năm qua. Nếu loại trừ ảnh hưởng của bút toán phân bổ lợi thế thương mại và giá trị tài sản tăng lên sau M&A, lợi nhuận trước thuế trên báo cáo hợp nhất đạt 417 tỷ đồng, tăng 4,3%.

Những kết quả đạt được trong năm qua là minh chứng cho sự đoàn kết, quyết tâm và khả năng thích ứng mạnh mẽ của toàn hệ thống. Bước sang 2025, DNP Holding sẽ tiếp tục phát huy tinh thần tốc độ, quyết liệt, tận dụng tối đa cơ hội để duy trì đà tăng trưởng, nâng cao vị thế trên thị trường.

Kết quả kinh doanh theo mảng cốt lõi

DNP Water

Doanh thu nước sạch

1.388 tỷ đồng

tăng trưởng 30% so với 2023

Năm 2024 đánh dấu bước tiến mạnh mẽ trong quá trình chuyển đổi số và tối ưu hóa vận hành của các công ty thành viên trong lĩnh vực nước sạch và hệ sinh thái ngành nước DNP. Theo đó, 100% các đơn vị đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, với tỷ lệ ứng dụng trung bình trên 90%. Đặc biệt, một số đơn vị như CTCP Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội, CTCP Cấp thoát nước Bình Phước đã hoàn toàn chuyển đổi sang thanh toán điện tử.

DNP Water tiếp tục phát triển và hoàn thiện nền tảng vận hành WOP (Water Operation Platform) – hệ thống quản lý đa chức năng, mang tính tổng thể, toàn diện nhất trong ngành nước từ trước đến nay, giúp nâng cao hiệu quả quản lý và công tác vận hành. Nền tảng này đã được triển khai trong các lĩnh vực quản lý tài sản, vận hành mạng lưới, sản xuất, nhân sự – chính sách thu nhập, ngân sách và thông tin dự án, đồng thời đang được tiếp tục được

nghiên cứu, hoàn thiện trong thời gian tới. Bên cạnh đó, các chương trình nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên được đẩy mạnh thông qua cải tạo, nâng công suất, tự động hóa vận hành, đầu tư trang thiết bị hiện đại nhằm giảm thất thoát mạng lưới. Nhờ đó, tỷ lệ thất thoát toàn hệ thống được giảm về mức bình quân là 10,12%, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình ngành 15,5%. Đặc biệt, DNP Bắc Giang đã kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát mạng lưới bán lẻ, giảm từ 25,38% (tháng 1) xuống còn 14,42% (tháng 12), phản ánh hiệu quả rõ rệt từ các giải pháp tối ưu hóa. Những kết quả này không chỉ khẳng định bước tiến trong nâng cao năng lực quản trị và vận hành hiệu quả của DNP Water mà còn tạo tiền đề phát triển vững chắc cho giai đoạn tiếp theo.

Doanh thu mảng nước sạch của công ty năm 2024, đạt 1.388 tỷ đồng, tăng trưởng 30% so với năm 2023, hoàn thành 100,5% kế hoạch năm.



Nhà máy nước Sơn Thanh
Công suất thiết kế

25.000 m³/ngày đêm

Tổng vốn đầu tư

>300 tỷ đồng

Năm 2024, công ty đã hoàn thành nhiều dự án quan trọng, tạo dấu ấn trong việc mở rộng và nâng cao năng lực cung cấp nước sạch, bao gồm:

- Nhà máy nước sạch Sơn Thanh (Khánh Hòa) :** Hoàn thành và đưa vào vận hành Nhà máy có công suất thiết kế giai đoạn 1 là 25.000 m³/ ngày đêm, công suất mở rộng giai đoạn 2 là 100.000 m³/ngày đêm và công suất quy hoạch trong tương lai lên tới 200.000 m³/ngày đêm. Tổng vốn đầu tư hơn 300 tỷ đồng.
- Nhà máy nước Trảng Bàng (Tây Ninh)** – Đang hoàn thiện thủ tục pháp lý để sớm khởi công.
- Nâng công suất Nhà máy Cà Giang –** Mở rộng từ 30.000 lên 45.000 m³/ngày, bao gồm tuyến ống DN630 cấp nước cho khu vực phía bắc TP. Phan Thiết.
- Nâng công suất Nhà máy BOO Đồng Tâm –** Tăng từ 50.000 lên 70.000 m³/ ngày, đảm bảo khả năng phát tối đa 85.000 m³/ngày khi cần thiết.

Việc hoàn thành các dự án này không chỉ mở rộng phạm vi phục vụ mà còn khẳng định cam kết của công ty trong việc đáp ứng nhu cầu nước sạch, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển bền vững.

Nhựa Đồng Nai

Năm 2024, mảng ống nhựa và phụ kiện tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực với doanh thu thuần đạt 3.502 tỷ đồng, tăng 29% so với 2023, hoàn thành 133% kế hoạch năm. Một số điểm nổi bật gồm:

- Màng ống và phụ kiện:** Đạt sản lượng 31.280 tấn, doanh số ghi nhận 1.512 tỷ đồng (+28,4% so với 2023), tiếp tục khẳng định thị phần số 1 màng ống nhựa hạ tầng.
- Màng vật tư thiết bị ngành nước:** Doanh thu thuần 2024 đạt 802 tỷ đồng, tăng 14,5% so với 2023, tạo nền tảng vững chắc để mở rộng kinh doanh trên toàn quốc trong năm 2025, đồng thời bổ sung chuỗi sản phẩm và gia tăng cung cấp cho lĩnh vực thoát nước, thủy lợi.
- Màng nguyên vật liệu:** Doanh thu thuần 2024 đạt 1.188 tỷ đồng, tăng 41,9% so với 2023.



Là doanh nghiệp sản xuất được định hướng phục vụ cho hạ tầng quốc gia, Nhựa Đồng Nai đã tập trung thế mạnh và chiếm ưu thế trong dòng sản phẩm ống và phụ kiện HDPE, cung cấp nước cho trên 1.000 công trình cấp thoát nước hạ tầng trên cả nước. Sản phẩm được sử dụng rộng rãi trong các công trình thủy lợi, cấp thoát nước, môi trường, nông nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng cao. Với uy tín và năng lực vượt trội, Nhựa Đồng Nai trở thành lựa chọn hàng đầu của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và đơn vị thi công tại các công trình trọng điểm quốc gia và địa phương.

Trong năm 2024, Nhựa Đồng Nai đã cung cấp tuyến ống hạ tầng cho hàng loạt dự án lớn, bao gồm: Hệ thống kênh mương hồ Nam Xuân (Đắk Nông); Dự án Nhà máy nước An Phước; Hệ thống nước thải Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch...

Công ty là đối tác chiến lược của nhiều chủ đầu tư lớn, điển hình như Masterise, Nam Long, Keppel, Đất Xanh Group, Khang Điền..., khẳng định uy tín

và chất lượng trong ngành. Bên cạnh đó, Công ty cũng định vị là nhà cung cấp giải pháp, vật tư số 1 cho ngành cấp thoát nước với đầy sản phẩm hoàn thiện gồm ống, vật tư, thiết bị bơm, van và cả giải pháp phần mềm chất lượng cao.

Năm 2024, DNP Holding với thương hiệu ống và phụ kiện Nhựa Đồng Nai xếp vị trí thứ nhất trong bảng xếp hạng Top 10 Doanh nghiệp Đổi mới, Sáng tạo 2024 – Nhóm Vật liệu xây dựng hoàn thiện: Nhựa – Sơn công nghiệp, dân dụng do Báo Đầu Tư và Viet Research bình chọn. Thương hiệu tiếp tục được khẳng định qua các giải thưởng lớn: Thương hiệu Quốc gia, Sao vàng Đất Việt.

Với chiến lược phát triển bền vững và không ngừng đổi mới, Nhựa Đồng Nai tiếp tục đóng góp vào hệ thống hạ tầng nước hiện đại, nâng cao chất lượng sống và giải quyết những thách thức ngày càng gia tăng về nguồn nước tại Việt Nam.

Tân Phú Việt Nam

Sản phẩm gia dụng cao cấp có mặt ở

20 quốc gia

Doanh thu mảng sản phẩm gia dụng năm 2024 tiếp tục tăng trưởng mạnh, đạt 802 tỷ đồng, tăng 36% so với 2023. Doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ nhờ đẩy sản phẩm đạt quy mô đủ lớn và đa dạng sau ba năm tập trung đầu tư phát triển, cùng với việc thâm nhập sâu rộng vào hệ thống phân phối đa kênh, bao gồm các siêu thị hiện đại, nhà phân phối truyền thống, các kênh mới như siêu thị mẹ và bé, thương mại điện tử, shop thương hiệu INOCHI, kênh doanh nghiệp với nhóm sản phẩm quà tặng. Đến cuối năm 2024, với tốc độ phát triển sản phẩm ấn tượng hơn 200 sản phẩm mới/năm, thương hiệu gia dụng

INOCHI đã có 785 SKU với đủ các nhóm sản phẩm gia dụng như bộ thau rửa, hộp thực phẩm, sản phẩm mẹ và bé, đồ dùng vệ sinh, các sản phẩm gốm sứ, thủy tinh, nhóm giữ nhiệt, đồ điện tử.... Sản phẩm hiện diện tại tất cả hệ thống siêu thị lớn và các tỉnh thành trên cả nước, được người tiêu dùng đón nhận và phản hồi tích cực. Năm 2024, thương hiệu Inochi tự hào có mặt ở 20 nước trên thế giới như: Malaysia, Philippines, Indonesia, Myanmar, Hong Kong, Qatar, Nhật Bản, Hy Lạp, Thụy Sĩ, Australia,...tạo đà hướng tới khẳng định vị thế thương hiệu Việt trên bản đồ gia dụng quốc tế.

Bao bì

Năm 2024, doanh thu bao bì mềm đạt 780 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với 2023. Điểm sáng trong năm với bao bì mềm là đã từng bước chuyển đổi mô hình kinh doanh, mở rộng đối tượng khách hàng sang các nhà bán lẻ tại thị trường quốc tế thay vì tập trung vào các đối tác thương mại như trước đây. Sự thay đổi này góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động và hướng đến năm 2025 nhiều kỳ vọng đột phá. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường nghiên cứu và phát triển các loại sản phẩm có khả năng phân hủy sinh học cao, an toàn cho sức khỏe và môi trường (nhựa sinh học trong bao bì mềm), đồng thời áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu hao phí.

Doanh thu năm 2024 của mảng bao bì cứng duy trì ổn định, đạt 714 tỷ đồng, tăng trưởng 7% so với năm 2023. Trong ngắn hạn, ngành bao bì cứng tại Việt Nam bị ảnh hưởng phần nào bởi việc cầu tiêu dùng phục hồi chậm. Tuy nhiên, với kỳ vọng tăng trưởng tích cực của GDP tại Việt Nam, tiêu dùng sẽ được kích thích, đặc biệt trong các lĩnh vực thực phẩm, đồ uống, và thương mại điện tử. Bên cạnh đó, nhu cầu bao bì cứng chuyên dụng trong mảng thuốc bảo vệ thực vật và vỏ thiết bị y tế, bao gồm bao bì cho thuốc và chai lọ đựng dung dịch truyền vô trùng..., yêu cầu kỹ thuật cao hơn, sẽ tạo ra nhu cầu lớn đối với bao bì cứng.



CMC

Tổng doanh thu thuần của mảng gạch ốp lát và ngói tráng men đạt

1.712 tỷ đồng

Ngành vật liệu xây dựng năm 2024 tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức cả trong sản xuất lẫn tiêu thụ. Giá nguyên liệu đầu vào như than, dầu và khoáng sản liên tục tăng cao, gây áp lực lớn lên chi phí sản xuất, đặc biệt đối với ngành gạch ngói vốn phụ thuộc nhiều vào các nguồn nguyên liệu này. Hệ quả là giá thành sản phẩm leo thang, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ phục hồi chậm do chuỗi cung ứng vẫn chưa thực sự ổn định, trong khi nhiều công trình xây dựng và dự án hạ tầng quan trọng bị trì hoãn hoặc giãn tiến độ, dẫn đến nhu cầu vật liệu xây dựng giảm sút đáng kể.

Trước những thách thức đó, tổng doanh thu thuần của mảng gạch ốp lát và ngói tráng men đạt 1.712 tỷ đồng, bằng 93% so với năm 2023. Dù vậy, các mảng kinh doanh mới như kênh bán hàng dự án và xuất khẩu vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, gấp đôi so với cùng kỳ năm trước với doanh thu đạt gần 150 tỷ đồng.

Công ty cũng mở rộng xuất khẩu đến các thị trường trọng điểm như Lào,

Philippines, Hàn Quốc, Đài Loan và thử nghiệm ở một số thị trường tiềm năng khác trong khu vực.

CMC cũng đã hoàn thiện quá trình tái cấu trúc bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả và tập trung vào khách hàng, đồng thời đẩy mạnh các dự án cải tiến và tiết kiệm chi phí để tối ưu hóa sản xuất và vận hành. Lũy kế cả năm 2024, các chương trình Kaizen tại Nhà máy đã giúp tiết kiệm gần 24 tỷ đồng chi phí sản xuất mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Các dự án tinh gọn vận hành cũng mang lại hiệu quả đáng kể, giúp giảm khoảng 20 tỷ đồng ngân sách hoạt động.

Bên cạnh đó, hoạt động marketing được triển khai theo hướng tối ưu chi phí nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hình ảnh. Các chiến dịch phủ xanh thương hiệu CMC đã tiếp cận hơn 2.000 đại lý cấp 2 với mức chi phí trung bình dưới 1 triệu đồng mỗi đại lý, góp phần củng cố độ nhận diện và mở rộng thị phần. Với chiến lược linh hoạt và những giải pháp tối ưu, CMC tiếp tục khẳng định vị thế trong ngành, thích ứng hiệu quả trước thách thức thị trường và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Tổng quan tình hình tài chính công ty

Tình hình tài chính năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng tài sản của Công ty đạt 17.673 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt 6.075 tỷ đồng, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm trước.

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi (%)
		31/12/2024	31/12/2023	
1	Tổng tài sản	17.673	16.077	9,9%
2	Vốn chủ sở hữu	6.075	4.659	30,4%
3	Doanh thu thuần	8.898	7.579	17,4%
4	Lợi nhuận trước thuế	229	189	21,2%
5	Lợi nhuận trước thuế (trước ảnh hưởng các bút toán phân bổ LTTM giá trị tài sản tăng thêm)	417	400	4,3%

Cơ cấu nguồn vốn

Kết thúc năm 2024, cơ cấu nguồn vốn của DNP Holding vẫn ở mức an toàn khi hệ số nợ/ tổng tài sản duy trì ở mức 0,66 giảm nhẹ so với các năm trước. Khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ vẫn ở mức tốt khi hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn giữ mức an toàn và có xu hướng cải thiện, đạt 1,5.

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi (%)
		31/12/2024	31/12/2023	
I	NỢ PHẢI TRẢ	11.598	11.418	1,3%
1	Nợ ngắn hạn	5.842	6.099	-4,2%
2	Phải trả người bán ngắn hạn	775	969	-20,0%
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	34	24	41,7%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	121	119	1,7%
5	Phải trả người lao động	133	86	54,7%
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	141	152	-7,2%
7	Phải trả ngắn hạn khác	141	602	-76,6%
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.485	4.138	8,4%
9	Nợ dài hạn	5.756	5.319	8,2%
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	6.075	4.659	30,4%
1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	4.003	3.089	29,6%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		17.673	16.077	9,9%

Cơ cấu tài sản

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		
		31/12/2024	31/12/2023	Thay đổi (%)
Tài sản ngắn hạn		8.859	8.307	6,6%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.893	980	93,2%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	397	326	21,8%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	4.826	5.415	-10,9%
4	Hàng tồn kho	1.583	1.503	5,3%
5	Tài sản ngắn hạn khác	160	83	92,8%
Tài sản dài hạn		8.814	7.770	13,4%
6	Các khoản phải thu dài hạn	82	192	-57,3%
7	Tài sản cố định	7.281	5.858	24,3%
8	Bất động sản đầu tư	-	31	-100,0%
9	Tài sản dở dang dài hạn	673	469	43,5%
10	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	473	864	-45,3%
11	Lợi thế thương mại	172	211	-18,5%
12	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	16	-12,5%
13	Chi phí trả trước dài hạn	113	129	-12,4%
14	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	6	-	100%
TỔNG TÀI SẢN		17.673	16.077	9,9%

Các chỉ tiêu tài chính

Năng lực hoạt động của DNP Holding cũng tiếp tục được cải thiện. Đặc biệt, Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 1,7% lên 2,2%; Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần cũng tăng từ 2,5% lên 4,8%, phản ánh sự cải thiện mạnh mẽ trong hiệu quả kinh doanh cốt lõi.

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất	
		31/12/2024	31/12/2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,52	1,36
2	Hệ số thanh toán nhanh	0,39	0,21
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
3	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,66	0,71
4	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,91	2,45
Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
5	Vòng quay hàng tồn kho	4,79	4,75
6	Vòng quay các khoản phải thu	1,74	1,74
7	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,50	0,50
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
8	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Doanh thu thuần	2,2%	1,7%
9	Hệ số lợi nhuận cổ đông công ty mẹ/ Vốn chủ sở hữu	0,7%	0,9%
10	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Tổng tài sản	1,1%	0,8%
11	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	4,8%	2,5%
12	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	336	340

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025

Trên cơ sở phân tích các yếu tố thách thức và thuận lợi của thị trường vĩ mô và ngành trong năm 2025, cũng như năng lực cạnh tranh của Tập đoàn, DNP Holding đặt mục tiêu kinh doanh theo hướng thận trọng, cụ thể như sau:

Về mục tiêu kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025 của DNP Holding: Doanh thu hợp nhất năm 2025 dự kiến sẽ tăng 8,7% so với năm 2023, đạt 9.673 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 188 tỷ đồng, nếu loại trừ ảnh hưởng của các bút toán phân bổ lợi thế thương mại và khấu hao sau M&A, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 359 tỷ đồng.

Kế hoạch và giải pháp đặc thù theo từng mảng kinh doanh như sau:

Nước sạch và môi trường

Mục tiêu doanh thu nước sạch năm 2025

1.496 tỷ đồng

DNP đặt mục tiêu đạt 1.496 tỷ doanh thu nước sạch năm 2025, tăng 12,1% so với năm 2024. Tăng trưởng đến từ các yếu tố (i) tăng trưởng tự nhiên của thị trường hiện hữu, (ii) nâng công suất và mở rộng địa bàn cấp nước tại một số khu vực như Bắc Giang, Củ Chi – TP.Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Bình Phước, (iii) điều chỉnh tăng giá nước, góp phần tăng doanh thu tại một số công ty con.

Năm 2025, Tập đoàn sẽ tiếp tục tập trung công tác chuyển đổi số và tự động hóa vận hành sản xuất, nhằm cải thiện năng suất, đem lại hiệu quả cao trong hoạt động cũng như tạo ra những tiện ích, sự hài lòng cho người dân, khách hàng, cụ thể: (i) Dịch vụ khách hàng: đồng bộ quy trình, tập trung dữ liệu, điều hành hoạt động dựa trên dữ liệu, 100% tương tác

khách hàng được xác nhận/phản hồi, (ii) Quản lý vận hành nhà máy: bao gồm quản lý tài sản nhà máy nước trên phần mềm; giám sát và xử lý bất thường, tích hợp lưu dữ liệu lịch sử vận hành, công việc hiện trường, hỗ trợ lập kế hoạch và nhắc lịch bảo trì bảo dưỡng thiết bị định kỳ, (iii) Quản lý vận hành mạng lưới phần CDS và phần nghiệp vụ đơn vị bán lẻ như tạo bản đồ mạng lưới cấp nước, tích hợp đồng hồ tổng, CRM, tính toán tỷ lệ thất thoát toàn mạng lưới, cảnh báo được bất thường, tích hợp xử lý hiện trường và cập nhật chuỗi dữ liệu, (iv) Tự động hóa hạ tầng mạng lưới thông qua việc thúc đẩy các đơn vị phân vùng tách mạng triệt để, áp dụng thiết bị công nghệ (van điện, cảm biến áp lực, cảm biến nghe rò, đồng hồ đo xa).



Hệ sinh thái ngành nước

Mục tiêu doanh thu hệ sinh thái ngành nước năm 2025

3.616 tỷ đồng

Tổng doanh thu hệ sinh thái ngành nước năm 2025 đặt mục tiêu đạt 3.615 tỷ đồng, tăng nhẹ 3,3% so với năm 2024. Mức tăng trưởng này phản ánh dự báo nhu cầu thị trường duy trì ổn định nhưng chưa có sự bứt phá, trong bối cảnh tiến độ triển khai các dự án khu đô thị, khu công nghiệp và nhà ở thương mại có thể bị giãn tiến độ hoãn, gián tiếp ảnh hưởng đến nhu cầu thiết bị ngành nước cho các công trình.

Trong cơ cấu doanh thu, 1.635 tỷ đồng đến từ mảng ống và phụ kiện, 780 tỷ đồng từ mảng vật tư thiết bị ngành nước,

và 1.201 tỷ đồng từ mảng nguyên vật liệu. Nhằm thúc đẩy tăng trưởng trong năm 2025, Công ty sẽ đẩy mạnh doanh thu tại thị trường miền Bắc, bao gồm ống hạ tầng và ống dân dụng. Đồng thời, danh mục sản phẩm sẽ tiếp tục được mở rộng với tấm lợp, đan lọc, keo dán ống UPVC, hóa chất và các sản phẩm thương mại khác, nhằm đa dạng hóa nguồn thu và tối ưu hóa chuỗi cung ứng.

Vật liệu xây dựng

Mục tiêu doanh thu vật liệu xây dựng năm 2025

1.960 tỷ đồng

Tổng doanh thu đạt 1.960 tỷ đồng, tăng 14,5 % so với năm 2024. Năm 2025, Công ty dự kiến: (i) Cải thiện hiệu quả sản xuất, giảm giá thành thông qua việc hợp tác với các chuyên gia quốc tế, cải tiến thiết bị công nghệ, tinh chỉnh hệ thống, (ii) Đưa CMC trở lại quỹ đạo tăng trưởng với lợi nhuận tốt thông qua việc mở rộng

thị trường: đẩy mạnh xuất khẩu, khai thác phân khúc dự án công, nhà ở xã hội, quy hoạch kênh phân phối miền Nam/OEM và cải thiện biên lợi nhuận: tập trung khai thác các dòng sản phẩm Granite cao cấp với chất lượng hoàn thiện cao.

Sản phẩm gia dụng

Mục tiêu doanh thu sản phẩm gia dụng năm 2025

1.031 tỷ đồng

Với vị thế vững chắc trên thị trường, danh mục sản phẩm đa dạng và hệ thống phân phối đa kênh, INOCHI đặt mục tiêu tăng trưởng đột phá trong năm 2025, hướng đến doanh thu 1.031 tỷ đồng, tăng 28,6% so với năm trước. Động lực chính đến từ việc mở rộng kênh xuất khẩu, đưa thương hiệu hiện diện tại 20 quốc gia trên toàn cầu. Từ một thương hiệu quốc gia, INOCHI đang từng bước khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của thương hiệu Mẹ & Bé Aoi cũng là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng, với kế hoạch hoàn thiện danh mục sản phẩm và mở rộng độ phủ tại hơn 3.000 đại lý, cửa hàng mẹ & bé trên toàn quốc.

Về Nghiên cứu & Phát triển (R&D), công ty sẽ tiếp tục ra mắt các mẫu SKU mới, tập trung vào tính tiện ích, thiết kế hiện đại, giá thành hợp lý, đáp ứng tối ưu nhu cầu khách hàng trong cuộc sống hàng ngày.

Bao bì

Mục tiêu doanh thu bao bì năm 2025

1.570 tỷ đồng

Năm 2025, bao bì mềm tiếp tục khai thác các khách hàng, sản phẩm mới mang lại hiệu quả cao với mục tiêu doanh thu 850 tỷ, tăng 9,0% so với 2024. Bao bì cứng duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, và chuyển dịch cơ cấu khách hàng và sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị,

tập trung vào các tệp khách hàng lớn thuộc mảng nông dược/hóa chất/thực phẩm đồ uống với chỉ tiêu doanh thu năm 2025 là 720 tỷ đồng.



CHƯƠNG

04

Quản trị Doanh nghiệp

- 68 Tổng quan về mô hình quản trị DNP
- 69 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 74 Thông tin Cổ phiếu và Cơ cấu Cổ đông

Tổng quan về Mô hình Quản trị DNP

Với định hướng quản trị tinh gọn, DNP đã xây dựng mô hình quản trị nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong việc ra quyết định để phù hợp với tốc độ phát triển của doanh nghiệp với cơ cấu như sau:

Đại hội đồng cổ đông

Là Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của DNP, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

Hội đồng quản trị

Hoạch định chiến lược phát triển, tầm nhìn của Công ty.

Ban Kiểm toán nội bộ

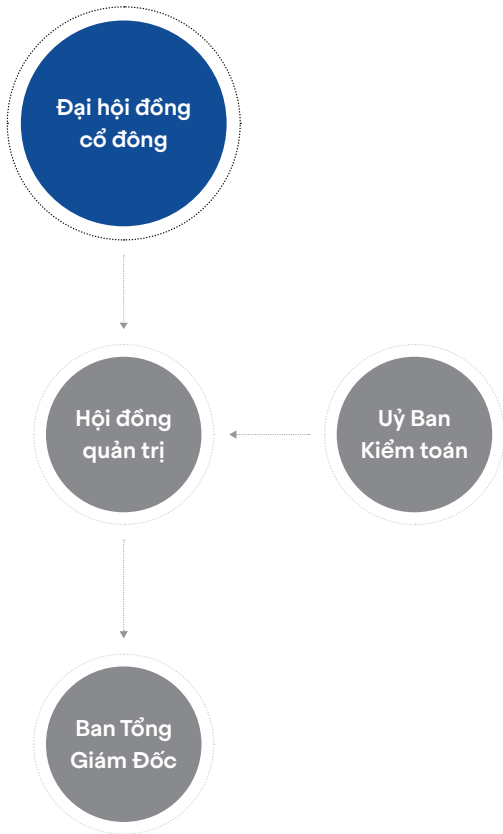
Vai trò giúp việc HĐQT trong việc giám sát, quản trị rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc

Tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh theo định hướng chiến lược đã được phê duyệt.

Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo DNP cam kết thực hiện chiến lược quản trị doanh nghiệp hiệu quả, bền vững, tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật Việt Nam và tiệm cận các thông lệ quốc tế. Công ty không ngừng nâng cao chuẩn mực quản trị, tham chiếu Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho Công ty đại chúng tại Việt Nam, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, và đặc biệt là Thông tư 68/2024/TT-BTC với các quy định nâng cao chất lượng công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Những nỗ lực này không chỉ giúp DNP đảm bảo minh bạch và tuân thủ tốt hơn mà còn đón đầu các cơ hội đầu tư mới khi Việt Nam tiến gần hơn đến mục tiêu nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi.

DNP cũng tích cực áp dụng các tiêu chuẩn ESG, chú trọng quản trị rủi ro và giám sát hoạt động kinh doanh nhằm tối ưu hiệu suất vận hành và gia tăng giá trị dài hạn. Việc tích hợp các tiêu chuẩn ESG với các quy định mới về quản trị công ty giúp DNP kiểm soát rủi ro tốt hơn, tăng cường tính minh bạch và thúc đẩy phát triển bền vững. Khi thị trường chứng khoán vận hành theo các chuẩn mực quốc tế cao hơn, sự chuẩn bị vững chắc này sẽ giúp DNP tận dụng tối đa cơ hội thu hút dòng vốn ngoại, thúc đẩy tăng trưởng ổn định và tạo nền tảng phát triển mạnh mẽ cho cả doanh nghiệp và nền kinh tế.



Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm
Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	24/05/2024
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị	26/04/2022
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	13/05/2023
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên HĐQT	13/05/2023
Ông Bùi Thành Việt	Thành viên HĐQT độc lập	13/05/2023

Số hữu của thành viên Hội đồng quản trị	Số lượng cổ phần nắm giữ	% sở hữu	Chức vụ
Ông Ngô Đức Vũ	36	0%	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
Ông Hoàng Anh Tuấn	6.038.524	4,28%	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Huyền	105	0%	Thành viên HĐQT



Hoạt động của HĐQT

Năm 2024, sau Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị (HĐQT) có 05 thành viên, bao gồm, 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 01 thành viên HĐQT độc lập và 01 thành viên HĐQT không điều hành. Hoạt động của HĐQT được duy trì theo Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, được phân công cụ thể cho các thành viên để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

Về hoạch định chiến lược, đầu tư

Trong năm 2024, HĐQT đã cùng với Ban Tổng Giám đốc thảo luận, phân tích đánh giá và đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển của DNP Holding. Trong bối cảnh kinh tế xã hội đối mặt với các thách thức từ lạm phát, lãi suất, sụt giảm nhu cầu tiêu dùng,... HĐQT đã định hướng và đề ra những kế hoạch thích ứng với thị trường như thay đổi cơ cấu sản phẩm,

kênh bán hàng để tiếp cận với khách hàng, tinh gọn bộ máy vận hành để tối ưu chi phí... Định kỳ hàng tháng, các thành viên thường trực HĐQT cùng làm việc để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch, đồng thời đưa ra các định hướng, giải pháp để tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo tiến độ dự án và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.

Về công tác quản trị

HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty. Năm 2024, HĐQT đã thực hiện 07 cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, theo đó ban hành 11 Nghị quyết. Chi tiết xem tại website DNP mục Công bố thông tin Báo cáo quản trị.

HĐQT thực hiện tốt vai trò, theo đó vai trò của thành viên không điều hành được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông thiểu số. HĐQT giám sát việc thực hiện của Ban Tổng Giám đốc đối với các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Về công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua một số công việc cụ thể như sau:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.
- Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, phân tích những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp khắc phục và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2025.
- Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban

Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả hoạt động và đạt mục tiêu kế hoạch kinh doanh dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên 2025.

- Kiểm tra, giám sát việc duy trì áp dụng Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ trong Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và các quy định của Pháp luật.

Kết quả giám sát

Qua quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao năm 2024. Cụ thể:

- Chủ động và tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin bán hàng, hỗ trợ giải phóng hàng tồn; đẩy mạnh hoạt động marketing, bán hàng và dịch vụ;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy, mô hình tổ chức, đào tạo và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ kế thừa; tiến hành các hoạt động truyền thông, văn hóa nội bộ tạo gắn kết.
- Tập trung quản trị nguồn vốn, tiết kiệm chi phí, tăng khả năng xoay vòng vốn để chủ động giảm thiểu áp lực thanh toán;

Doanh thu thuần hợp nhất

8.898 tỷ đồng

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế

229 tỷ đồng

Lợi nhuận hợp nhất sau thuế

192 tỷ đồng

Trong năm 2024, HĐQT và Ban lãnh đạo cũng đã tham gia sâu sát vào quá trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ nhân sự nhằm tăng năng suất lao động, tổ chức lại mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, chuyên nghiệp theo định hướng chuyển đổi số, phát triển kinh doanh. Kết quả là các đơn vị thành viên tăng trưởng tích cực so với năm trước trên nhiều khía cạnh, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của toàn Công ty.

Về kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2024, DNP Holding vẫn duy trì ổn định với Doanh thu thuần hợp nhất đạt 8.898 tỷ đồng, tăng 17,4% so với năm 2023 và đạt 111,4% kế hoạch năm 2024. Tiêu biểu có nhóm ngành nước sạch và hệ sinh thái ngành nước sạch đạt tổng doanh thu 4.890 tỷ đồng vượt 21,9% kế hoạch.

Về chỉ tiêu lợi nhuận: Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 229 tỷ đồng, tăng 21,2% so với năm 2023 và cao hơn so với mức kế hoạch đặt ra cho năm 2024 là 313,7%. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế ở mức 192 tỷ đồng, tăng trưởng 50% so với năm 2023.

Về hoạt động kinh doanh theo các mảng cốt lõi: Công ty đạt mức tăng trưởng tích cực trong hầu hết các mảng, đặc biệt là ngành nước và sản phẩm gia dụng, tiếp tục mở rộng quy mô và cải thiện hiệu quả hoạt động.

Công ty đạt **mức tăng trưởng tích cực** trong hầu hết các mảng, đặc biệt là ngành nước và sản phẩm gia dụng.





Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Hội đồng Quản trị Công ty có 01 thành viên độc lập là ông Bùi Thành Việt và 01 thành viên không điều hành là ông Ngô Đức Vũ, đáp ứng quy định có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh;
 - Xem xét, đánh giá độc lập báo cáo của Tổng giám đốc và các bộ phận khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro, đầu tư chiến lược mới của Công ty.

Các thành viên đều tích cực tham gia các cuộc họp của HĐQT, đóng góp những phản biện tốt cho các đề xuất định hướng chiến lược, cũng như các giải pháp hiệu quả, kịp thời giúp Ban TGĐ vượt qua thách thức trong quá trình vận hành, đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tiêu chí tuân thủ pháp luật và tuân thủ Điều lệ công ty.

Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2024, các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý đã tham dự các buổi hội thảo và đào tạo về quản trị công ty do Công ty tự tổ chức để cập nhật các thay đổi của pháp luật hiện hành, các văn bản pháp luật hướng dẫn và các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước có ảnh hưởng đến hoạt động quản trị của doanh nghiệp.

Thành viên Ủy ban Kiểm toán

Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ngày không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
Ông Bùi Thành Việt	Chủ tịch	29/05/2023	Thạc sỹ Tài chính Đầu tư
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên	29/05/2023	Thạc sỹ Quản trị Tài chính

Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán

Trong năm 2024, Ủy ban Kiểm toán đã tổ chức 02 cuộc họp để thảo luận, thống nhất việc thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán. Theo đó, các nhiệm vụ chính trong năm 2024 của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

- Giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
 - Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
 - Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
 - Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, các dịch vụ phi kiểm toán khác;
 - Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc năm 2024

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, các thành viên HĐQT điều hành và thành viên HĐQT kiêm nhiệm không nhận thù lao. Đối với các thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách và thành viên Ban Tổng Giám đốc, DNP Holding đã thực hiện chi trả thu nhập và thù lao trong năm 2024. Thông tin chi tiết về thu nhập và thù lao của từng thành viên được trình bày tại thuyết minh số 32 Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần DNP Holding.



Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

Thông tin cổ phiếu

Cổ phiếu của CTCP DNP Holding (DNP) được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNP. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Tên giao dịch

Công ty Cổ phần
DNP Holding

Mã giao dịch chứng khoán

DNP

Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại 31.12.2024

140.966.036

Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

Không

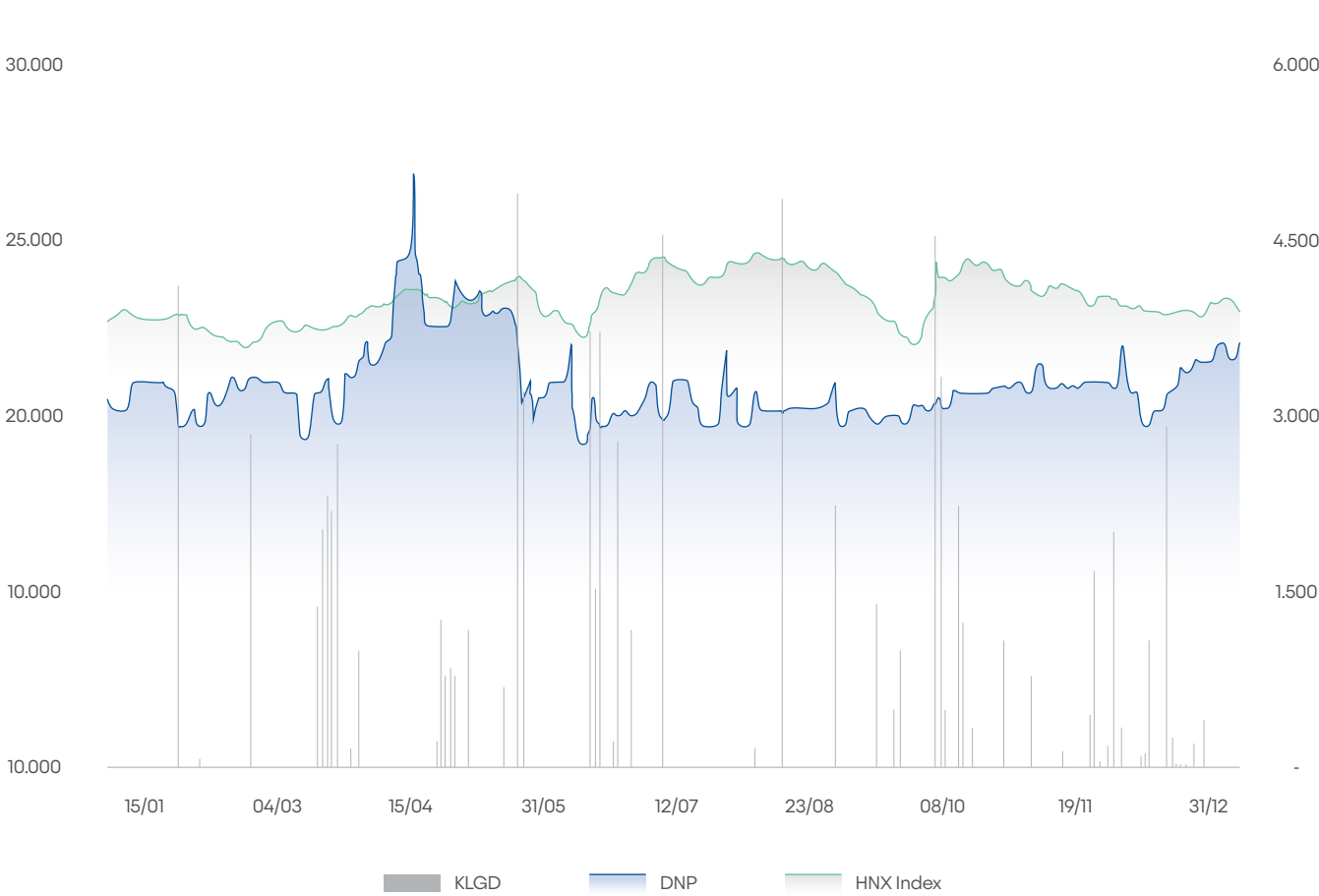


Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

Diễn biến giá cổ phiếu

Mức giá cổ phiếu giao dịch	Ngày	Giá (đồng/cổ phiếu)
Đóng cửa	31.12.2024	20.500
Cao	27.09.2024	26.800
Thấp	05.08.2024	19.100
Khối lượng cổ phiếu giao dịch cao nhất trong 52 tuần	26.05.2023	3.298.799 cổ phiếu

Diễn biến cổ phiếu DNP và HNX Index năm 2024



Số lượng cổ phiếu

Nội dung	31/12/2024	31/12/2023
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	140.966.036	118.901.103
Tổng số cổ phiếu quỹ	8.810	8.810
Tổng số lượng cổ phiếu	140.974.846	118.909.913

Tỷ lệ sở hữu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	36	0
2	Hoàng Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	6.038.524	4,28%
3	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	105	0%
4	Trần Hữu Chuyển	Phó Tổng Giám đốc	4	0

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan
Không phát sinh

Hoạt động Quan hệ Cổ đông

Phòng Quan hệ Cổ đông (IR) đã triển khai nhiều hoạt động gặp gỡ nhà đầu tư, công ty chứng khoán, đối tác trong và ngoài nước thông qua hình thức online và trực tiếp để chia sẻ thông tin và giải đáp câu hỏi về hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển của DNP và đơn vị thành viên. DNP cũng triển khai tuyển bài chia sẻ thông tin chuyên sâu đến công chúng và nhà đầu tư về các chủ đề nước sạch, vật tư thiết bị ngành nước, gia dụng cao cấp, hệ sinh thái sản phẩm

cho mẹ và bé, vật liệu xây dựng, đây vốn là các hoạt động cốt lõi của DNP.

Năm 2025, bên cạnh các hoạt động thường niên, DNP tiếp tục nâng cao chất lượng báo cáo thường niên để tăng cường tính minh bạch và toàn diện đối với thông tin cung cấp đến cổ đông, tổ chức các hoạt động truyền thông định kỳ thông qua earning calls, đăng tải Tài liệu thuyết trình nhà đầu tư trên website mục Quan hệ Cổ đông nhằm tạo kênh

thông tin kịp thời, cập nhật với cộng đồng cổ đông và nhà đầu tư quan tâm. Phòng Quan hệ Cổ đông và Nhà Đầu tư của DNP Holding sẽ tiếp tục phát huy các hoạt động của mình trong tương lai, tích cực phản hồi những yêu cầu, câu hỏi của nhà đầu tư và các chuyên gia phân tích một cách nhanh chóng nhất.

Quý vị vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: ir@dnpcorp.vn.

Năm 2025, DNP sẽ tập trung nâng cao minh bạch thông tin, tối ưu hóa các kênh công bố và cải thiện hiệu quả kinh doanh nhằm **gia tăng giá trị cho cổ đông và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.**





CHƯƠNG

05

Phát triển
bền vững

- 82 Tổng quan Chiến lược Phát triển Bền vững
- 84 Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và Xã hội
- 92 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Tổng quan Chiến lược phát triển bền vững

DNP nhận thức rõ các cơ hội và tác động từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn, từ đó định hướng chiến lược kinh doanh theo mô hình phát triển bền vững, phù hợp với Mục tiêu Quốc gia của Việt Nam và Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc.

Chương trình Nghị sự 2030, được tất cả các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc thông qua, kêu gọi hành động chung nhằm xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo đến năm 2030, mọi người dân đều được hưởng hòa bình và thịnh vượng. Chương trình đặt ra

17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) với 169 mục tiêu cụ thể, định hướng các phương thức thực hiện và thúc đẩy quan hệ đối tác toàn cầu.

Tại Hội nghị COP26, Việt Nam đã cùng gần 150 quốc gia cam kết đưa mức phát thải ròng về “0” vào năm 2050. Tiếp nối cam kết này, tại Hội nghị COP27 năm 2022, Việt Nam tái khẳng định mục tiêu trên và nộp Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật lần thứ hai, phản ánh các hành động cụ thể cần thực hiện đến năm 2030 để đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” và giảm 30% phát thải khí mê-tan.

17 Mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc đến năm 2030



Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực thiết yếu như nước sạch và môi trường, vật liệu xây dựng, sản phẩm gia dụng cao cấp và bao bì, DNP xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với tầm nhìn doanh nghiệp, gắn kết với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc và chương trình hành động quốc gia của Việt Nam.

Bên cạnh mục tiêu kinh tế, DNP chú trọng thực hiện các mục tiêu ESG về Bảo vệ môi trường (E), Trách nhiệm xã hội (S) và Quản trị doanh nghiệp (G)

tin gọn, hiệu quả - những yếu tố quan trọng cho sự phát triển bền vững dài hạn. Chiến lược này được cụ thể hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu OKRs, truyền thông đến lãnh đạo qua các cuộc họp chiến lược, và phổ biến tới toàn thể nhân viên qua các chương trình Leader’s Talk, khóa đào tạo và truyền thông nội bộ.

DNP phấn đấu trở thành công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực nước sạch và môi trường, sản phẩm gia dụng cao cấp, vật liệu xây dựng hoàn thiện công trình, với khát vọng tạo ra sản phẩm, dịch vụ, giải pháp chất lượng cao, nâng tầm thương hiệu Việt.

Mục tiêu của Liên Hợp Quốc, Mục tiêu Quốc gia	Mục tiêu của DNP
<div>3 CUỘC SỐNG KHỎE MẠNH</div> <div>6 NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH</div> <div>15 TÀI NGUYÊN ĐẤT</div>	<div><ul style="list-style-type: none">Đảm bảo 100% các chỉ tiêu nước sạch cấp ra mạng đều đạt quy chuẩn của QCVN 01-1:2018/BYT Bộ Y tế;Giải quyết các bài toán khó của ngành nước như:<ul style="list-style-type: none">Giải quyết vấn đề hạn mặn cho vùng ĐBSCL bằng dự án cấp nước thô, nước sạch;Giải quyết bài toán thiếu nước sinh hoạt cho vùng núi và hải đảo;Giải quyết vấn đề ô nhiễm nước sông ở hạ nguồn phục vụ phát triển kinh tế thông qua việc sử dụng nguồn nước tốt từ thượng nguồn cung cấp cho các hệ tiêu thụ.An toàn, sức khỏe, tinh mạng người lao động là trên hết;Cuộc sống tốt hơn cho người lao động.</div>
<div>1 XÓA NGHÈO</div> <div>2 XÓA ĐÓI</div> <div>11 ĐỘ THỊ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG</div> <div>17 HỢP TÁC ĐỂ HIỆN THỰC HOÁ CÁC MỤC TIÊU</div>	<div><p>Phát triển mạnh mẽ tại các nơi có sự hiện diện của DNP thông qua:</p><ul style="list-style-type: none">Tạo việc làm, thu nhập để đảm bảo đời sống cho người dân;Phát triển kinh tế, hạ tầng mạnh mẽ;Thường xuyên đóng góp và ủng hộ Quỹ vì Người nghèo cũng như trực tiếp đến các hộ gia đình và cộng đồng;Tạo sự công bằng, văn minh thông qua các dự án, chương trình xã hội như: Hỗ trợ sinh kế cho người dân các tỉnh Bắc Giang, Long an; Trụ uống nước sạch tại vôi...Trong 5 năm tới, tham gia xây dựng 2 nhà máy vùng cho Miền Tây có tổng công suất 1.200.000m3 nước/ngày đêm (Một nhà máy Vùng 1 cho 3 tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Long An và 1 Nhà máy hạ tầng cấp nước cho bán đảo Cà Mau gồm các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng) nhằm giải quyết căn cơ hiện trạng sử dụng tài nguyên nước ngầm quá mức, gây sụt lún, ngập mặn...</div>
<div>5 BÌNH ĐẲNG GIỚI</div> <div>10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG</div> <div>12 TIÊU DÙNG VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM</div> <div>13 HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</div>	<div><ul style="list-style-type: none">Luôn tuân thủ các quy định về môi trường, trách nhiệm với con người, phát triển cộng đồng, xã hội thông qua tuân thủ đầy đủ các quy định trong nước và quốc tế như Tiêu chuẩn Thực hiện về Môi trường, Sức Khỏe và An toàn của IFC (IFC Performance Standards); các Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe & An toàn của Ngân hàng Thế giới (WB EHS Guidelines); Chính sách An toàn của Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB Safeguard Policy Statement);Nâng cao hiệu suất đồng thời giảm tối đa lượng nguyên, nhiên liệu đầu vào cho mỗi đơn vị sản phẩm thông qua các chương trình như Kaizen, 6S, cải tiến không ngừng, áp dụng công nghệ tiên tiến, tối đa hóa sử dụng năng lượng sạch như năng lượng mặt trời...;Giảm thiểu tối đa các sản phẩm phải thải bỏ và áp dụng triệt để nguyên tắc của Kinh tế tuần hoàn (Circular Economy) để biến chất thải đầu ra của ngành này thành nguồn tài nguyên đầu vào của ngành khác hoặc cho chính nội tại doanh nghiệp thông qua các hoạt động tái chế và tái sử dụng...</div>

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Báo cáo tác động môi trường được DNP giám sát và đánh giá thông qua: Quản lý nguồn nguyên vật liệu; Tiêu thụ năng lượng (trực tiếp và gián tiếp) và các sáng kiến tiết kiệm năng lượng; Tiêu thụ nước và các sáng kiến tiết kiệm nước; Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Báo cáo tác động xã hội được đánh giá thông qua thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng bền vững.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Các hoạt động sản xuất của DNP năm 2024 trong 3 lĩnh vực chính gồm Nhựa, Nước sạch và Gạch ngói có mức tiêu thụ nguyên, nhiên liệu như sau:

Nội dung	Sản lượng	Tổng điện tiêu thụ (kWh)	Tổng nước tiêu thụ (m³)	Điện tiêu thụ cho 1 đơn vị sản phẩm (kWh)	Nước tiêu thụ cho 1 đơn vị sản phẩm (m³)
2024					
Nhựa (tấn)	64.072	71.952.856	135.192	1,123	2,11
Nước sạch (m³)	168.526.530	45.502.163		0,27	
Gạch ngói (m²)	17.879.744	57.393.978	178.797	3,21	0,01
2023					
Nhựa (tấn)	46.591	52.414.875	100.637	1,125	2,16
Nước sạch (m³)	125.149.728	35.522.237		0,28	
Gạch ngói (m²)	18.734.400	60.325.768	288.690	3,22	0,01
2022					
Nhựa (tấn)	30.000	33.800.000	65.000	1,127	2,17
Nước sạch (m³)	112.540.000	34.000.000		0,30	
Gạch ngói (m²)	21.900.000	71.000.000	251.000	3,24	0,01

Sản phẩm nhựa sản xuất

64 nghìn tấn

Nước sạch cung cấp

168 triệu m³

Gạch ngói đưa ra thị trường

17,5 triệu m²

Lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nhựa

Hai đơn vị sản xuất nhựa thuộc DNP là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và Tân Phú Việt Nam là các đơn vị hàng đầu trong sản xuất ống nhựa hạ tầng và gia dụng tại Việt Nam với các sản phẩm đa dạng như ống nhựa phục vụ cho các ngành cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; sản xuất và xuất khẩu sang Châu Âu các sản phẩm bao bì mềm, bao bì công nghiệp... Trong năm 2024, ngành nhựa sản xuất được hơn 64 nghìn tấn

sản phẩm nhựa phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, tạo việc làm và thu nhập cho hàng nghìn người lao động.

Trong quá trình sản xuất, tỷ lệ sản phẩm lỗi của toàn ngành chiếm khoảng 7%, tương đương với khoảng gần 4.5 nghìn tấn/năm. Các sản phẩm này được tái chế 100% để đảm bảo tiết kiệm chi phí cho đơn vị và góp phần bảo vệ môi trường.

Lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch

Việc cung cấp nước sạch đến người dân là một sứ mệnh của DNP để đảm bảo cung cấp 100% nước sạch cho người tiêu dùng. Trong năm 2024, DNP Water

(một công ty thành viên của DNP) đã cung cấp khoảng 168 triệu m3 nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn đến các hộ tiêu thụ.

Lĩnh vực sản xuất gạch ngói

Trong năm 2024, CMC (một công ty thành viên của DNP) đã đưa ra thị trường hơn 17,5 triệu m2 gạch ngói giúp góp

phần vào việc cung ứng nguyên vật liệu xây dựng cho thị trường.

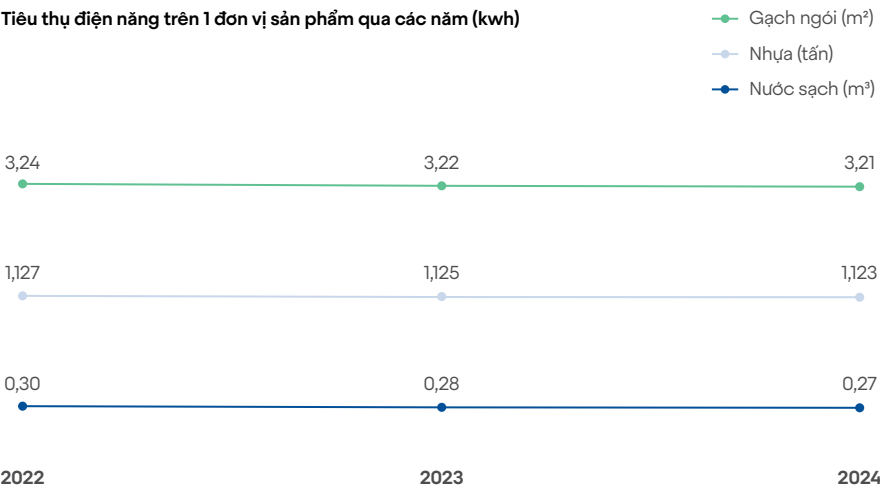
Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Nguồn năng lượng chủ yếu sử dụng trong các đơn vị sản xuất là năng lượng điện, phục vụ cho hoạt động của các thiết bị máy móc sản xuất và các hoạt động sinh hoạt khác. Trong đó, lượng

điện tiêu thụ trong năm 2024 cho ngành nhựa, nước và gạch ngói lần lượt là 71,9triệu kWh, 45,5 triệu kWh và 57,2 triệu kWh.



Nhờ tối ưu quy trình kiểm soát và áp dụng triệt để các sáng kiến tiết kiệm năng lượng, từ năm 2021 đến nay, lượng điện tiêu thụ trung bình trên 1 đơn vị sản phẩm của DNP Holding đã giảm đến mức tối đa và không có nhiều biến động.

Thực hiện tốt các mục tiêu phát triển của quốc gia cũng như của Liên Hợp Quốc để ra cũng đồng nghĩa giúp doanh nghiệp giảm thiểu tiêu thụ các nguồn tài nguyên, giảm thiểu chi phí sản xuất... Trong đó, theo bảng thống kê

tiêu thụ điện, nước nêu trên có thể thấy, so với năm 2023 các ngành vẫn duy trì được mức giảm tiêu thụ nguyên vật liệu nhưng con số giảm không đáng kể do đã và đang áp dụng triệt để các giải pháp tối ưu sử dụng năng lượng điện, tiết kiệm nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. Theo sản lượng sản xuất năm 2024, so với năm 2023, các ngành của DNP tiết kiệm được:

Giảm tiêu thụ điện so với 2023 (kWh)

Ngành	Giảm tiêu thụ điện so với 2023 (kWh)
Nhựa	178.797
Nước sạch	1.685.256
Gạch ngói	374.688



TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM TRẦN BẾN MŨI

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

Tiết kiệm hơn

68,6 tỷ đồng

Giảm thiểu

2.374 tấn CO₂

Để đạt được kết quả trên là tất cả nỗ lực không ngừng nghỉ của người lao động trong các đơn vị để triển khai mạnh mẽ chương trình Kaizen đến từng cá nhân, phân xưởng, nhằm tìm tòi, nghiên cứu, cải tiến không ngừng cũng như duy trì các hoạt động tốt đang thực hiện để:

- Giảm thiểu các nguyên vật liệu đầu vào bao gồm cả tiêu thụ năng lượng trong các khâu, công đoạn, thiết bị sản xuất;
- Giảm thiểu các sản phẩm lỗi, các phế phẩm;
- Tăng năng suất và tăng hiệu quả công việc,
- Các hoạt động Kaizen đã giúp DNP tiết kiệm khoảng 68,6 tỷ đồng trong năm 2024 với hàng chục các cải tiến lớn nhỏ, đóng góp đáng kể nhất trong các hoạt động này là:
 - » Cải tiến quy trình vận hành bơm công suất lớn trong các nhà máy nước, tăng số lượng bơm chạy với tần số thấp thay vì chạy ít bơm với tần số cao, vượt tải vừa gây tổn thất do sinh nhiệt cao vừa giảm tuổi thọ của bơm;

- » Lắp đặt hệ thống quan trắc, các biến tần cho các mô tơ công suất lớn như hệ thống bơm trong nhà máy nước, các mô tơ động cơ nghiền... giúp điều chỉnh liên tục việc vận hành phù hợp với sản xuất, giảm điện năng tiêu thụ;
- » Cải tiến về công nghệ, nhiên liệu, quy trình kiểm soát giúp tiết kiệm chi phí, tăng năng suất đồng nghĩa với với giảm điện năng tiêu thụ so với trước kia. Ngoài ra, thông qua hệ thống điều khiển, giám sát tự động như SCADA tại các nhà máy đã giúp can thiệp, tối ưu công tác vận hành, giảm thiểu tối đa tiêu thụ nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất.

DNP cũng đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng sạch mà cụ thể là năng lượng mặt trời trong quá trình sản xuất của mình với việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại một số nhà máy và định hướng tiếp tục nhân rộng ra các nhà máy còn lại.

Năm 2024 các nhà máy đã tiêu thụ khoảng 2,6 GWh điện mặt trời, tương ứng với việc giảm thiểu được khoảng 2.374 tấn CO2 quy đổi (theo hệ số phát thải quốc gia năm 2019).



Tiêu thụ nước

Lượng nước được tái xử lý và tái sử dụng năm 2024

6 triệu m³

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Ngoài các nhà máy nước sử dụng nguồn nước từ sông, suối, hồ làm nguồn nguyên liệu sản xuất đầu vào thì đối với các ngành nhựa và gạch ngói sử dụng 100% nước máy. Trong năm 2024,

lượng nước sử dụng trong ngành nhựa và gạch ngói tương ứng là 135 nghìn và 178 nghìn m³. Riêng ngành nước sản xuất được 168.526.530 m³ nước thương phẩm.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào trong đó có nước là một trong các ưu tiên hàng đầu của DNP trong quá trình sản xuất giúp giảm chi phí sản xuất, tiêu thụ nguyên vật liệu đầu vào và sản xuất có trách nhiệm với tài nguyên, môi trường. Nước từ quá trình sản xuất không bị thải bỏ ra ngoài môi trường mà được tái sử dụng, trong đó:

- Lượng nước dùng để làm mát các thiết bị sản xuất, ngoài lượng bốc hơi tự nhiên thì phần còn lại cũng được quay vòng và tái sử dụng 100% cho các mục đích khác nhau của nhà máy;
- Với nước có lẫn các thành phần tạp chất sẽ được lắng lọc trước khi được tái sử dụng trong các hoạt động sản xuất;
- Nước rửa lọc chiếm khoảng 1 - 4% lượng nước sản xuất, trong các nhà máy nước thông thường nước này sẽ được thải bỏ ra ngoài môi trường. Tuy nhiên, tại các nhà máy của DNP lượng nước này được đưa quay trở lại quá trình xử lý để tái sử lý thành nước sạch. Do vậy, nếu tính theo sản lượng năm 2024 lượng nước tiết kiệm được của DNP khoảng 6 triệu m³;

Sản phẩm tái chế, năng lượng xanh

Chung tay bảo vệ môi trường bằng việc hướng tới sản xuất các sản phẩm “xanh”, an toàn và thân thiện với môi trường.

- Nhựa Đồng Nai là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nhận được chứng nhận “Nhân xanh” - Green Building Product từ Hội đồng Công trình Singapore (SGBC) cho nhóm sản phẩm ống nhựa và phụ kiện PP-R.
- 100% các đơn vị thành viên thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý các chất thải rắn
- Bố trí đầy đủ các kho chứa chất thải thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định; Ký hợp đồng thu gom, xử lý rác với các đơn vị chức năng;
- 100% phế liệu/phế phẩm từ quá trình sản xuất được tái chế, tái sử dụng (ngành nhựa);
- Không thải nước sản xuất ra môi trường - quay vòng 100% nước làm mát (ngành nhựa) và tái xử lý 100% nước thải sản xuất thành nước cấp (ngành nước);
- 100% các đơn vị sản xuất đều đã được trang bị đầy đủ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước của khu vực hoặc môi trường.

Tăng cường sử dụng nguồn năng lượng xanh bằng việc sử dụng tối đa nguồn điện từ năng lượng mặt trời tại nhà máy nước Bình Hiệp, Bình Thuận và nhà máy nhựa Tân Phú - Long An, định hướng mở rộng ra các đơn vị khác của DNP.

Tích cực tái chế rác thải thông qua nhiều sáng kiến và hoạt động đa dạng: Tân Phú Việt Nam chú trọng vào hoạt động tái chế rác thải, thu hồi và tự tái chế nhựa thải, giúp giảm thiểu nhu cầu về nguyên liệu thô và giảm lượng rác thải nhựa. Khi phát triển sản phẩm mới, Tân Phú ưu tiên thiết kế sản phẩm có khả năng sử dụng nhiều lần, kéo dài vòng đời sản phẩm. Bên cạnh đó, nhà máy sản xuất của Tân Phú luôn đầu tư vào các công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo để giảm thiểu lượng khí thải nhà kính. Máy móc thiết bị, khuôn mẫu được đầu tư hiện đại, sử dụng inverter (biến tần), quy trình sản xuất liên tục được cải tiến nhằm tăng chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế thải phát sinh và giảm thiểu năng lượng sử dụng.

Trong năm 2024, Inochi - thương hiệu gia dụng cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam tiếp tục thực hiện chương trình “Thu cũ đổi mới” tại một số shop Inochi trên cả nước nhằm thu gom rác thải nhựa để đổi lấy các sản phẩm Inochi. Chương trình đã góp phần vào nâng cao ý thức cộng đồng trong việc thu gom và tái chế rác thải nhựa cũng như phân loại rác tại nguồn. Tổng kết Chương trình thu cũ đổi mới năm 2024, tổng số lượng nhựa thu gom được đạt 3.214kg; Tổng số lượng quà tặng đạt 430 phần quà.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Để đảm bảo cho việc quản lý hiệu quả và thực hiện tốt các quy định về Môi trường - Sức khỏe - An toàn (EHS) cho toàn hệ thống, DNP đã phối hợp với IFC, AEP xây dựng và ban hành cho toàn bộ các đơn vị trực thuộc tài liệu Hệ thống Quản lý Môi trường & Xã hội (ESMS). Hệ thống Quản lý Vận hành (OMS cho ngành nước, nhựa) đáp ứng các quy định của Việt Nam và Quốc tế để làm cơ sở cho quá trình hoạt động của mình; tuyển dụng 01 chuyên gia chuyên trách thực hiện các công tác EHS từ năm 2018; bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách EHS tại mỗi đơn vị thành viên. Do vậy, công tác EHS tại DNP luôn được đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định, được các cơ quan quản lý trong nước và các tổ chức quốc tế liên quan công nhận.

100% các đơn vị thành viên tại DNP đều có các Đánh giá tác động môi trường được cơ quan chức năng địa phương phê duyệt trước khi xây dựng nhà máy hoặc mở rộng, nâng công suất. Các đơn vị đều tuân thủ nghiêm túc công tác giám sát chất lượng môi trường tự nhiên, môi trường lao động với tần suất giám sát 02 - 04 lần/năm và báo cáo cho cơ quan chức năng địa phương.

Nhờ các nỗ lực và chính sách nhất quán về công tác Bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống của DNP, đến nay, chưa có đơn vị nào của DNP bị xử phạt vì vi phạm hành chính trong lĩnh vực này cũng như có các phản đối, đơn thư, khiếu nại từ các cộng đồng dân cư địa phương.

Công tác EHS tại DNP luôn được đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định, được các cơ quan quản lý trong nước và các tổ chức quốc tế liên quan công nhận.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng.

Tại DNP, bên cạnh những định hướng phát triển hoạt động kinh doanh, chúng tôi luôn xác định trách nhiệm của mình với cộng đồng, nỗ lực đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội theo đúng tinh thần “See Ahead - Nhìn xa Nghĩ lớn”.

Tại DNP, chúng tôi quan niệm rằng mỗi cá nhân tốt hơn, mỗi đội nhóm tốt hơn, mỗi doanh nghiệp tốt hơn thì đất nước cũng sẽ tốt hơn. Với tinh thần đó, vượt lên trên những khó khăn bởi khủng hoảng kinh tế thời kỳ hậu Covid, năm 2023 tiếp tục ghi nhận những dấu ấn của người DNP với các dự án cộng đồng ý nghĩa.

Những con số nổi bật

Tổng ngân sách dành cho cộng đồng năm 2024

1,8 tỷ đồng

Ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi bão Yagi

1 tỷ đồng

Hỗ trợ hoàn cảnh khó khăn trên cả nước

230 phần quà

Tài trợ

450 m²

gạch ốp lát để xây dựng trường mầm non Sơn Ca, bản Huổi Hòm, xã Ảng Tở, Điện Biên

Lắp đặt

34 trụ nước miễn phí

tại 10 tỉnh thành trên cả nước

Trao tặng

20 suất

quà tặng, học bổng cho học sinh, sinh viên cho chương trình Chắp cánh ước mơ tỉnh Bắc Giang



DNP ủng hộ 1 tỷ đồng, chung tay hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi bão Yagi

Tháng 09/2024, cơn bão lịch sử Yagi đổ bộ vào miền Bắc Việt Nam, gây ra những thiệt hại nặng nề về người và tài sản, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân. Nhằm sẻ chia khó khăn đến đồng bào bị bão lũ, DNP đã kịp thời ủng hộ 1 tỷ đồng để hỗ trợ công tác khắc phục hậu quả và giúp bà con sớm nhân dân sớm ổn định cuộc sống. Trong đó 1 phần được trao cho Ủy ban MTTQ tỉnh Bắc Giang - một trong những tỉnh chịu

ảnh hưởng trực tiếp của bão và gửi đến Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam để hỗ trợ các địa phương khác. Khoản hỗ trợ này không chỉ là sự giúp đỡ về vật chất mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội và tấm lòng nhân ái của người DNP. Chúng tôi tin rằng, với sự chung tay của cộng đồng, người dân vùng bão sẽ sớm vượt qua khó khăn, tái thiết cuộc sống và vững vàng trước những thử thách của thiên tai.



DNP ưu tiên đầu tư cho giáo dục

Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Với phương châm đó, trong suốt nhiều năm qua, DNP đã luôn đặc biệt ưu ái, dành nhiều sự quan tâm và nguồn lực tài trợ cho các dự án giáo dục, đặc biệt là các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, ở vùng sâu vùng xa.

Năm 2024, DNP đã tài trợ toàn bộ gạch ốp lát, phục vụ xây dựng mầm non Sơn Ca (điểm trường Huổi Hỏm) nằm tại bản Huổi Hỏm, xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Đây là một dự án đặc biệt, được xây dựng từ nền móng của

tình yêu thương. Những viên gạch nhỏ bé, sắc màu đã góp phần tạo nên ngôi trường mơ ước, viết tiếp giấc mơ đến trường cho hàng trăm em nhỏ người dân tộc thiểu số của một xã vùng cao thuộc tỉnh Điện Biên.

DNP cũng đã tài trợ 8 năm liên tiếp cho chương trình học bổng “Chắp cánh ước mơ” tại tỉnh Bắc Giang; trao học bổng cho các em học sinh nghèo vượt khó tại tỉnh Đồng Tháp, Khánh Hòa, Bình Phước...



Tài trợ trụ nước sạch miễn phí tại vòi đến 10 tỉnh thành trong cả nước

Tính đến năm 2024, dự án tài trợ xây dựng các trụ nước uống tại vòi là một trong những án thiện nguyện có ý nghĩa rất lớn của DNP được triển khai từ năm 2019, được thực hiện xuyên suốt trong nhiều năm qua. Tính đến hết năm 2024, DNP đã triển khai xây dựng được 34 trụ nước uống sạch, đặt tại các điểm du lịch, bệnh viện, khu dân cư đông đúc ở 10 tỉnh thành phố trên cả nước, với tổng chi phí tài trợ khoảng 4,2 tỷ đồng.

Dự án đã được người dân và chính quyền đánh giá cao vì những giá trị thiết thực, không chỉ mang lại nguồn nước uống sạch miễn phí cho hàng ngàn người dân và du khách mỗi ngày mà còn góp phần giảm thiểu rác thải nhựa, gây ô nhiễm môi trường, nâng cao tiện ích giúp diện mạo địa phương thêm phần khang trang, hiện đại, nâng cao hình ảnh trong mắt du khách và bạn bè quốc tế. Đây cũng là động lực để DNP cố gắng thực hiện thêm nhiều dự án có ý nghĩa hơn nữa, mang nước sạch đến muôn nơi phục vụ cộng đồng.



DNP Water khánh thành Nhà máy nước sạch Sơn Thạnh – Chung tay vì một tương lai xanh

Ngày 20/09/2024, DNP Water chính thức khánh thành Nhà máy Xử lý Nước sạch Sơn Thạnh tại huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Sự kiện đánh dấu một bước tiến quan trọng trong nỗ lực cung cấp nước sạch ổn định, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương.

Nhà máy Sơn Thạnh có công suất giai đoạn 1 lên tới 25.000 m³/ngày đêm, hướng tới mở rộng lên 200.000 m³/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu nước sạch cho các khu vực Nha Trang, Diên Khánh, Khánh Vĩnh và vùng lân cận. Với công nghệ hiện đại và quy trình vận hành tiên tiến, nhà máy không chỉ đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quốc gia mà còn tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên, thể hiện rõ cam kết phát triển bền vững của DNP Water.

Sự kiện không chỉ đánh dấu sự đầu tư dài hạn vào hạ tầng cấp nước, mà còn phản ánh tinh thần trách nhiệm xã hội của DNP Water trong việc bảo vệ môi trường và cải thiện điều kiện sống của cộng đồng. Đây cũng là một phần trong chiến lược ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) mà DNP đang theo đuổi, khẳng định vai trò tiên phong của doanh nghiệp trong lĩnh vực nước sạch và phát triển bền vững tại Việt Nam.

Với sứ mệnh "Vì một tương lai xanh", DNP Water tiếp tục hành trình đồng hành cùng cộng đồng, mang lại nguồn nước sạch và giải pháp bền vững cho nhiều thế hệ mai sau.



CHƯƠNG

06

Báo cáo tài chính
hợp nhất

98 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

102 Báo cáo kiểm toán độc lập

104 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

108 Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

109 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

111 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị		
Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm kể từ ngày 24/05/2024
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch	Miễn nhiệm kể từ ngày 24/05/2024
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 24/05/2024
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Akhil Jain	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm kể từ ngày 24/05/2024
Ông Bùi Thành Việt	Thành viên độc lập	

Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị	
Ông Bùi Thành Việt	Chủ tịch
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc (tiếp)

Ban Tổng Giám đốc		
Ông Trịnh Kiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 04/09/2024
Ông Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 04/09/2024
Ông Trần Hữu Chuyển	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 07/08/2024
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 03/02/2025
Ông Lê Cát Hanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 11/01/2024

Kế toán trưởng
Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Đại diện pháp luật

Ông Trịnh Kiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 04/09/2024
Ông Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 04/09/2024

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

(tiếp)

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Trách nhiệm của ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính đã được kiểm toán hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Công bố của ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31/12/2024, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Kiên
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Báo cáo kiểm toán độc lập

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DNP Holding cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 55, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

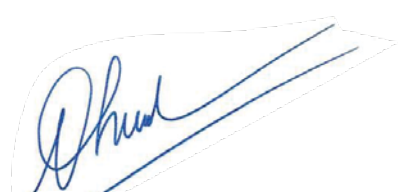
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DNP Holding tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DNP Holding cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác theo báo cáo kiểm toán số 12845954/66923155-HN ngày 23/03/2024. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 29/03/2024.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số 3660-2021-112-1
Thay mặt và đại diện cho



Nguyễn Thị Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số 4710-2023-112-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.859.009.475.274	8.307.329.570.423
Tiến và các khoản tương đương tiến	110	5	1.892.725.495.847	980.472.894.157
Tiến	111		572.159.760.776	253.300.610.657
Các khoản tương đương tiến	112		1.320.565.735.071	727.172.283.500
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		397.384.395.412	325.709.359.310
Chứng khoán kinh doanh	121		37.500.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	359.884.395.412	325.709.359.310
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.825.761.790.033	5.415.352.824.914
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.444.688.405.792	1.570.310.253.205
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	827.319.211.821	754.701.886.322
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	570.861.134.593	351.744.793.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	2.210.932.610.479	2.871.807.115.783
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8, 9, 10, 11	(228.039.572.652)	(133.211.223.396)
Hàng tồn kho	140	12	1.582.968.735.755	1.503.263.286.642
Hàng tồn kho	141		1.597.486.980.838	1.517.533.076.273
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.518.245.083)	(14.269.789.631)
Tài sản ngắn hạn khác	150		160.169.058.227	82.531.205.400
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	30.477.956.721	24.623.868.488
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		84.462.820.994	53.674.001.088
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	13.142.062.501	4.233.335.824
Tài sản ngắn hạn khác	155		32.086.218.011	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.814.453.856.582	7.769.415.418.062
Các khoản phải thu dài hạn	210		83.747.185.346	191.230.511.457
Trả trước người bán dài hạn	212		100.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	11	83.647.185.346	191.230.511.457
Tài sản cố định	220		7.280.658.796.375	5.858.291.012.578
Tài sản cố định hữu hình	221	14	5.710.514.270.634	4.113.555.696.990
Nguyên giá	222		11.513.561.992.434	8.495.013.788.481
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.803.047.721.800)	(4.381.458.091.491)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	16	245.290.186.438	137.088.078.796
Nguyên giá	225		283.128.920.688	168.418.162.137
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(37.838.734.250)	(31.330.083.341)
Tài sản cố định vô hình	227	15	1.324.854.339.303	1.607.647.236.792
Nguyên giá	228		1.540.976.977.310	1.766.713.785.232
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.122.638.007)	(159.066.548.440)
Bất động sản đầu tư	230		-	30.711.000.000
Nguyên giá	231		-	31.770.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(1.059.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		672.524.877.351	469.320.560.866
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	672.524.877.351	469.320.560.866
Đầu tư tài chính dài hạn	250	18	472.945.067.211	864.078.846.416
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		100.655.251.951	837.442.426.156
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		357.009.815.260	3.856.420.260
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.280.000.000	22.780.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		304.577.930.299	355.783.486.745
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	113.027.811.768	129.008.282.911
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		13.881.649.085	16.152.049.084
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		6.115.886.930	-
Lợi thế thương mại	269		171.552.582.516	210.623.154.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	17	17.673.463.331.856	16.076.744.988.485


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024


Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		11.598.181.791.879	11.418.246.619.352
Nợ ngắn hạn	310		5.842.208.389.597	6.098.814.338.312
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	775.205.342.563	968.912.918.321
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	33.655.671.216	24.251.626.769
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	121.222.428.629	118.852.085.726
Phải trả người lao động	314		132.569.235.135	85.744.668.990
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	140.530.390.661	151.534.846.681
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		136.363.638	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	141.314.616.277	602.002.870.582
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	4.484.777.445.438	4.138.443.683.104
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.561.706.075	2.499.739.999
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.235.189.965	6.571.898.140
Nợ dài hạn	330		5.755.973.402.282	5.319.432.281.040
Phải trả người bán dài hạn	331	19	-	1.311.643.977
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	20	44.744.959.832	54.154.131.396
Chi phí phải trả dài hạn	333	22	41.727.969.317	641.794.521
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.979.749.359	152.180.199
Phải trả dài hạn khác	337	23	1.503.051.288.900	1.625.080.875.266
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	3.809.149.970.420	3.254.612.161.324
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		351.386.091.464	381.301.125.156
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.933.372.990	2.178.369.201

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	25	6.075.281.539.977	4.658.498.369.133
Vốn chủ sở hữu	410		6.075.281.539.977	4.658.498.369.133
Vốn cổ phần	411		1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		506.898.575.480	270.847.905.480
Vốn khác của chủ sở hữu	414		45.780.003.942	45.780.003.942
Cổ phiếu quỹ	415		(28.342.000)	(28.342.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		17.186.013.442	3.513.332.924
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.899.052.068	60.583.409.261
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		49.402.581.684	20.128.017.010
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		43.496.470.384	40.455.392.251
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.002.797.777.045	3.088.702.929.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		17.673.463.331.856	16.076.744.988.485

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2025


Nguyễn Văn Định
Người lập biểu


Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng


Trịnh Kiên
Tổng Giám đốc


Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	9.080.994.413.188	7.769.672.257.671
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	182.574.378.955	190.261.104.554
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.898.420.034.233	7.579.411.153.117
Giá vốn hàng bán	11	28	7.390.350.107.326	6.257.448.475.376
Lợi nhuận gộp	20		1.508.069.926.907	1.321.962.677.741
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	470.041.799.894	592.409.303.157
Chi phí tài chính	22	30	649.693.735.939	808.443.399.835
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		549.022.797.771	658.318.044.478
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		97.151.515.667	5.413.975.285
Chi phí bán hàng	25	31	527.120.243.660	475.804.884.772
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	467.256.252.225	442.837.070.749
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		431.193.010.644	192.700.600.827
Thu nhập khác	31		83.212.592.962	12.424.809.812
Chi phí khác	32		285.685.646.758	16.434.969.640
Lợi nhuận khác	40		(202.473.053.796)	(4.010.159.828)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		228.719.956.848	188.690.440.999
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	101.016.434.885	98.388.231.919
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(64.087.786.895)	(37.632.366.437)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		191.791.308.858	127.934.575.517
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		43.496.470.384	40.455.392.251
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		148.294.838.474	87.479.183.266
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	336	340
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	336	340

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2025


Nguyễn Văn Định
Người lập biểu


Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng


Trịnh Kiên
Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
LƯU CHUYỂN TIẾN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		228.719.956.848	188.690.440.999
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		712.380.047.679	655.803.626.285
Các khoản dự phòng	03		18.723.457.238	29.306.965.036
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		467.945.635	(2.075.764.163)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(349.535.487.193)	(490.957.057.100)
Chi phí lãi vay	06		549.022.797.771	658.318.044.478
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.159.778.717.978	1.039.086.255.535
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		716.070.936.772	(321.946.207.231)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(65.864.001.114)	(36.685.000.443)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(451.455.433.750)	46.661.768.041
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		14.448.887.857	6.457.081.982
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(37.500.000.000)	541.911.500.000
Tiến lãi vay đã trả	14		(584.244.303.509)	(663.901.812.758)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(108.005.046.804)	(95.939.054.748)
Tiến chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.523.242.171)	(1.286.832.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		640.706.515.259	514.357.698.106
LƯU CHUYỂN TIẾN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiến chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(545.180.029.949)	(312.620.682.360)
Tiến thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		103.250.700.142	8.061.368.578
Tiến chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(43.835.964.372)	(361.178.570.547)
Tiến chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(248.900.245.523)	(1.038.214.543.702)
Tiến thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		822.950.241.116	656.837.780.476
Tiến thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		439.375.563.046	304.112.547.534
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		527.660.264.460	(743.002.100.021)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(tiếp)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		140.000.000	30.997.520.000
Tiền trả lại vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(11.040.033.600)
Tiền thu từ đi vay	33		9.565.412.908.398	7.829.761.976.272
Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.752.150.381.566)	(7.491.753.310.043)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(48.483.800.716)	(50.045.300.681)
Tiền trả cổ tức	36		(20.502.592.580)	(20.564.250.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(255.583.866.464)	287.356.601.756
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		912.782.913.255	58.712.199.841
Tiến và các khoản tương đương tiến đầu năm	60		980.472.894.157	921.222.811.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(530.311.565)	537.882.479
Tiến và các khoản tương đương tiến cuối năm	70	5	1.892.725.495.847	980.472.894.157

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Văn Định
Người lập biểu

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Trịnh Kiên
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Chỉ tiết vui lòng xem tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần DNP Holding đã công bố tại đường link:
<https://dnpcorp.vn/ir#thong-tin-tai-chinh>)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 17 tháng 07 năm 2024.

Hiện tại Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu: DNP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty chi tiết như sau:

- Tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ của Công ty là: 1.409.748.460.000 đồng, tương đương 140.974.846 cổ phần, theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25 ngày 17 tháng 07 năm 2024.
- Mệnh giá cổ phiếu tại Công ty là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2024 là 3.868 người (tại 31/12/2023 là 3.671 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa như ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE, các sản phẩm bao bì HDPE, phụ tùng, linh kiện và hàng gia dụng nhựa; khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét, hoạt động tư vấn quản lý và hoạt động tư vấn đầu tư.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh chính

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp (tiếp)

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 04 Công ty con trực tiếp như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Lô 06, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33	99,33
2	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	Số 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp	51,01	51,01
3	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Thôn Càn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang	Đầu tư vào các công ty/ dự án nước sạch	51,15	51,15
4	Công ty Cổ phần CMC	Lô B10 – B11, KCN Thụy Vân, Xã Thụy Vân, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh và phân phối gạch men	51,14	51,14

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 25 Công ty con gián tiếp (tại ngày 31/12/2023: 18 công ty con gián tiếp) như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023
1	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP-Bắc Giang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang)	Thôn Càn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	47,50	51,15	99,998	99,998
2	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Số 8C, đường Đình Công Tráng, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	45,41	45,41	89,24	89,24
3	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A6 – A7 KDC Kênh Bàu, Phường Xuân An, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	44,95	44,95	97,04	97,04
4	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Số 137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	29,29	29,29	57,26	57,26
5	Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	26,94	26,94	52,68	52,68

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 25 Công ty con gián tiếp (tại ngày 31/12/2023: 18 công ty con gián tiếp) như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023
6	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Số 489 đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, TP Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	28,99	28,99	59,47	59,47
7	Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành hệ thống nước sạch	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,13	51,13	99,97	99,97
8	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	M5, Tôn Đức Thắng, Phường Phú Thủy, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	40,28	40,28	99,03	99,03
9	Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Số 25 Phó Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh vật tư ngành nước	49,67	49,67	50,00	50,00
10	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	Số 27 Lê Trung Nghĩa, Phường 12, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	49,17	49,17	99,00	99,00
11	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Số 198 Đường 16/7, phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích	26,34	26,34	51,51	51,51
12	Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	243 Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước	26,34	26,34	100,00	100,00
13	Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	Số 198 Đường 16/7, phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất	26,34	26,34	100,00	100,00
14	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	Số 216 Nguyễn Văn Linh, Khu phố Tân Phú, phường Tân Phú, TP Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	43,06	43,06	84,19	84,19
15	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco VN	Số 7 hẻm 194/70/4 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực xử lý nước cấp và nước thải	34,76	34,76	70,00	70,00
16	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Lô B10 – B11 KCN Thụy Vân, Xã Thụy Vân, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Hoạt động dịch vụ tài chính	51,13	51,13	99,99	99,99

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp (tiếp)

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 25 Công ty con gián tiếp (tại ngày 31/12/2023: 18 công ty con gián tiếp) như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023
17	Công ty TNHH Nước thô DNP-Sông Tiền	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	47,18	51,14	99,99	99,99
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	STH19.25 Đường số 13 Khu đô thị mới Lê Hồng Phong II, Phường Phước Hải, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	28,13	28,13	55,00	55,00
19	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kía (Thuyết minh số 4.2)	Đường Dankia, Phường 7, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	23,30	-	50,61	-
20	Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai (Thuyết minh số 4.3)	388 Lý Thái Tổ, P. Yên Đỗ, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	13,20	-	50,61	-
21	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi (Thuyết minh số 4.4)	Số 928, Quốc lộ 22, Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	25,88	-	50,61	-
22	Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Thuyết minh số 4.1)	477 – 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25,88	25,07	50,61	49,02
23	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghệ PT (Thuyết minh số 4.5)	Lô B10 – B11 Khu Công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51,14	-	51,14	-
24	Viện khoa học và công nghệ nước (Thuyết minh số 4.6)	Tầng 19, tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và thực hiện các dự án trong lĩnh vực cấp thoát và xử lý nước	39,73	-	50,00	-
25	Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê (Thuyết minh số 4.7)	12 Trần Quang Khải, Phường An Phước, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	20,02	-	77,33	-

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 5 Công ty liên kết gián tiếp (tại ngày 31/12/2023 có 6 Công ty liên kết) như sau:

STT	Tên Công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023
1	Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phú Trinh, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	7,32	25,01	25,01
2	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đồng Hải	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phú Trinh, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	7,32	25,00	25,00
3	Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Số 386 Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	12,41	13,37	24,99	26,35
4	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta (trước đây là Công ty Cổ phần DNP Hawaco Co điện)	Tầng 18, Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	12,17	12,17	24,50	24,50
5	Công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku	86 Phó Đức Chính, Xã Biển Hồ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	12,68	-	49,00	-

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Các số

liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Cơ sở lập báo cáo và năm tài chính

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được

chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn,

các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

3. Các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ

và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	» Chi phí mua, giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	» Giá gốc nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

3.4 Hàng tồn kho (tiếp)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác

thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa

chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định thuê tài chính

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất quy định trên hợp đồng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm: quyền sử dụng đất; phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên

giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời gian thuê
Chương trình phần mềm	3 - 8 năm

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính được tính theo thời hạn cho thuê tài sản được nêu trên hợp đồng như sau:

Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ 1 đến 5 năm hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí công cụ, dụng cụ;
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài;
 - Đồng hồ nước;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
 - Các chi phí khác liên quan đến nhiều kỳ sản xuất hoạt động kinh doanh.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài

sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ Tập đoàn phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.13 Các khoản đầu tư

ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp, giá trị được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần điều chỉnh tăng giá trị hợp lý của tài sản

thuần của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (“SII”), tại ngày SII trở thành Công ty con của Tập đoàn (Thuyết minh 4.1).

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cản trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

3.13 Các khoản đầu tư (tiếp)

DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÁC KHOẢN CHO VAY

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trả trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận các khoản dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và

Tập đoàn có thể đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

• Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và

• Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh

3.Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

DOANH THU BÁN HÀNG

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được
- ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp)

TIỀN LÃI

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

CỔ TỨC

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.20 Thuế

THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3.Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

3.20 Thuế (tiếp)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Thông tin bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động

sản xuất kinh doanh được chia thành ngành vật liệu xây dựng (ngành nhựa, vật tư và gạch ốp lát) và ngành nước sạch và môi trường trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chủ yếu của Tập đoàn theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên

kia cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. Các sự kiện trọng yếu phát sinh trong năm

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Trong tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất mua bổ sung 1.027.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (“SII”) với tổng giá trị là 22.102.580.500 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong SII tăng từ 49,02% tại 31 tháng 12 năm 2023 lên 50,61%. SII trở thành công ty con của Tập đoàn từ tháng 1 năm 2024.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kì

SII là công ty mẹ sở hữu 90% Công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn - Dankia (“Dankia”). Sau giao dịch chuyển nhượng tại điểm 4.1, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong Dan Kì là 50,61% dẫn đến Công ty này trở thành công ty con gián tiếp của Tập đoàn từ tháng 1 năm 2024.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

SII là công ty mẹ sở hữu 51% Công ty Cổ phần cấp thoát nước Gia Lai (“Gia Lai”). Sau giao dịch chuyển nhượng tại điểm 4.1, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong Gia Lai là 50,61% dẫn đến Công ty này trở thành công ty con của Tập đoàn từ tháng 1 năm 2024.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi

SII là công ty mẹ sở hữu 100% Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi (“Củ Chi”). Sau giao dịch chuyển nhượng tại điểm 4.1, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong Củ Chi là 50,61% dẫn đến Công ty này trở thành Công ty con của Tập đoàn từ tháng 1 năm 2024.

Đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghệ PT

Trong tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghệ PT với tổng giá trị là 150 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghệ PT là 51,00% dẫn đến Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghệ PT trở thành công ty con của Tập đoàn từ tháng 1 năm 2024.

Đầu tư vào Viện khoa học và công nghệ nước

Trong tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã góp vốn vào Viện khoa học và công nghệ nước với tổng giá trị là 400 triệu VND. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong Viện khoa học và công nghệ nước là 51,00% dẫn đến Viện khoa học và công nghệ nước trở thành công ty con của Tập đoàn từ tháng 1 năm 2024.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, SII sở hữu 49,00% Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê (An Khê). Sau giao dịch chuyển nhượng tại điểm 4.1, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong An Khê là 49,00% dẫn đến Công ty này trở thành công ty liên kết của Tập đoàn từ tháng 1 năm 2024. Trong tháng 12 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất mua bổ sung 4.000.000 cổ phần trong An Khê với tổng giá trị là 10.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong An Khê tăng từ 49,00% lên 77,33%. An Khê trở thành công ty con của Tập đoàn từ tháng 12 năm 2024.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Tiền mặt	9.860.194.228	5.836.862.322
Tiền gửi ngân hàng	562.299.566.548	247.463.748.335
Các khoản tương đương tiền (*)	1.320.565.735.071	727.172.283.500
Tổng cộng	1.892.725.495.847	980.472.894.157

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi và đầu tư có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất áp dụng tối đa 6%/năm. Một phần khoản tương đương tiền đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (Thuyết minh 24).

6. Chi phí trả trước

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Ngắn hạn	30.477.956.721	24.623.868.488
• Chi phí nước mua buôn	5.524.294.460	5.041.559.520
• Thuê văn phòng, kho	3.399.319.140	4.975.556.861
• Công cụ, dụng cụ	7.780.529.581	4.655.992.508
• Chi phí sửa chữa tài sản	1.181.585.192	1.181.655.949
• Chi phí ngắn hạn khác	12.592.228.348	8.769.103.650
Dài hạn	113.027.811.768	129.008.282.911
• Chi phí sửa chữa và thay thế động hồ nước định kỳ	30.085.954.835	51.593.865.744
• Công cụ, dụng cụ	35.407.991.252	39.111.399.802
• Chi phí thuê biển quảng cáo	16.170.445.627	23.783.978.934
• Chi phí khác	31.363.420.054	14.519.038.431
Tổng cộng	143.505.768.489	153.632.151.399

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (*) (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (*) (VND)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	359.884.395.412	359.884.395.412	325.709.359.310	325.709.359.310
• Tiền gửi có kỳ hạn (*)				

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng từ 2,8%/năm đến 7,0%/năm. Một phần khoản tiền gửi có kỳ hạn giá trị khoảng 318 tỷ VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 24).

8. Phải thu khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Phải thu các bên khác	1.444.688.405.792	(151.336.208.818)	1.561.052.493.205	(128.581.886.840)
Phải thu khách hàng kinh doanh ống và phụ kiện	511.109.463.693	(135.900.008.502)	736.857.918.770	(122.879.928.589)
Phải thu khác hàng kinh doanh nhựa công nghiệp và gia dụng	157.884.582.158	(651.367.640)	151.294.398.755	-
Phải thu khác hàng kinh doanh gạch ốp lát	224.927.355.690	(6.406.296.881)	236.695.299.820	(2.212.274.906)
Phải thu khác hàng kinh doanh nước sạch	48.334.049.042	(7.944.049.131)	45.622.663.995	(2.282.395.966)
Phải thu khách hàng kinh doanh bao bì	353.698.373.420	-	345.372.197.762	(1.207.287.379)
Phải thu khác hàng kinh doanh vật tư và thiết bị ngành nước	126.612.983.693	(241.795.037)	20.726.057.831	-
Khách hàng khác	22.121.598.096	(192.691.627)	24.483.956.272	-
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 37.2)	-	-	9.257.760.000	-
Tổng cộng	1.444.688.405.792	(151.336.208.818)	1.570.310.253.205	(128.581.886.840)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản phải thu giá trị khoảng 311 tỷ đồng đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng (Thuyết minh số 24).

9. Trả trước cho người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Trả trước cho nhà cung cấp khác	827.319.211.821	(3.378.490.389)	754.638.789.730	(3.378.490.389)
• Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nước	318.994.632.606	-	303.962.904.759	-
• Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh gạch ốp lát	180.676.669.932	-	164.615.478.148	-
• Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa	230.333.298.839	(3.378.490.389)	161.319.811.885	(3.378.490.389)
• Trả trước cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước	95.177.815.659	-	121.982.763.355	-
• Trả trước cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	1.717.086.944	-	581.171.300	-
• Các khoản khác	419.707.841	-	2.176.660.283	-
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh 37.2)	-	-	63.096.592	-
Tổng cộng	827.319.211.821	(3.378.490.389)	754.701.886.322	(3.378.490.389)

10. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Ngắn hạn	570.861.134.593	(61.678.672.501)	351.744.793.000	(200.000.000)
• Cho vay bên khác (*)	451.200.000.000	(200.000.000)	12.270.000.000	(200.000.000)
• Cho vay bên liên quan (Thuyết minh 37.2)	119.661.134.593	(61.478.672.501)	339.474.793.000	-
Tổng cộng	570.861.134.593	(61.678.672.501)	351.744.793.000	(200.000.000)

(*) Các khoản cho các tổ chức và cá nhân vay tín chấp thời hạn tối đa mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất áp dụng thỏa thuận từ 9,5% - 11,5%/năm.

11. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Ngắn hạn	2.210.932.610.479	(11.646.200.944)	2.871.807.115.783	(1.050.846.167)
Các bên khác	2.210.932.610.479	(11.646.200.944)	2.871.165.368.914	(1.050.846.167)
• Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*)	1.927.734.319.799	-	1.888.309.661.521	-
• Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, cho vay	127.576.841.967	-	111.218.795.008	-
• Các khoản tạm ứng	66.293.197.540	-	36.328.442.672	-
• Kỳ quỹ, kỳ cược	50.467.531.490	-	53.441.110.432	-
• Phải thu liên quan đến chuyển nhượng trái phiếu (**)	-	-	706.947.847.222	-
• Phải thu khác	38.860.719.683	(11.646.200.944)	74.919.512.059	(1.050.846.167)
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh 37.2)	-	-	641.746.869	-
Dài hạn	83.647.185.346	-	191.230.511.457	-
• Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*)	52.460.000.000	-	150.333.156.855	-
• Kỳ quỹ, kỳ cược	23.131.718.328	-	14.811.703.808	-
• Thuế GTGT của tài sản cố định thuế tài chính	4.014.454.420	-	4.641.371.319	-
• Phải thu khác	4.041.012.598	-	21.444.279.475	-
Tổng cộng	2.294.579.795.825	(11.646.200.944)	3.063.037.627.240	(1.050.846.167)

(*) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác doanh nghiệp, lợi nhuận được chia cho các bên theo tỷ lệ thỏa thuận tại thời điểm thanh lý hợp đồng. Các khoản này được đảm bảo bằng tài sản của các bên thứ ba.

(**) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi Công ty được nắm giữ bởi AEP II Holdings Pte. Ltd (Thuyết minh số 23).

12. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Nguyên vật liệu	697.435.085.309	(5.692.630.681)	571.432.272.499	(4.809.948.630)
Thành phẩm	461.002.947.092	(7.542.465.806)	529.425.736.283	(2.093.782.218)
Hàng hóa	305.618.710.171	(1.263.652.704)	219.889.390.874	(7.347.141.651)
Công cụ và dụng cụ	28.281.184.650	(19.495.892)	113.714.796.842	(18.917.132)
Hàng mua đang đi trên đường	75.280.533.458	-	61.392.169.071	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.393.200.831	-	8.946.547.163	-
Hàng gửi đi bán	19.475.319.327	-	12.732.163.541	-
Tổng cộng	1.597.486.980.838	(14.518.245.083)	1.517.533.076.273	(14.269.789.631)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Mua sắm tài sản cố định	12.672.557.911	68.711.086.040
• Máy móc thiết bị	12.672.557.911	68.711.086.040
Xây dựng cơ bản dở dang	659.852.319.440	400.609.474.826
• Nhà máy nước tại Bắc Giang	241.609.727.341	199.572.527.715
• Nhà máy nước Sơn Thành	300.341.326.429	90.389.408.033
• Hệ thống cấp nước mới Bình Hiệp	21.855.453.000	17.557.350.000
Chi phí khác	96.045.812.670	93.090.189.078
Tổng cộng	672.524.877.351	469.320.560.866

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	1.839.636.592.209	3.107.872.435.084	3.514.861.805.171	32.642.956.017	8.495.013.788.481
Mua trong năm	2.685.502.525	90.582.817.484	5.309.648.356	765.705.169	99.343.673.534
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.801.773.995	66.466.518.645	75.261.575.142	3.019.741.031	154.549.608.813
Mua tài sản thuê tài chính	-	33.916.135.554	3.780.516.566	-	37.696.652.120
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.986.528.229)	(17.837.567.483)	(496.702.692)	(49.320.798.404)
Thanh lý tài sản để tái thuê	-	(52.460.280.077)	(1.663.478.416)	-	(54.123.758.493)
Phân loại lại	(61.600.000)	(707.544.083)	707.544.083	61.600.000	-
Tăng do mua công ty con	323.939.832.329	213.131.981.460	2.284.065.010.968	5.041.502.779	2.826.178.327.536
Tăng/(giảm) khác	-	4.224.498.847	-	-	4.224.498.847
31/12/2024	2.176.002.101.058	3.432.040.034.685	5.864.485.054.387	41.034.802.304	11.513.561.992.434
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(946.933.984.593)	(2.014.653.617.900)	(1.402.924.796.247)	(16.945.692.751)	(4.381.458.091.491)
Khấu hao trong năm	(105.508.065.066)	(231.724.958.959)	(240.971.623.228)	(4.665.981.325)	(582.870.628.578)
Mua tài sản thuê tài chính	-	(13.771.914.305)	-	-	(13.771.914.305)
Phân loại lại	(8.422.224)	472.173.271	(467.698.874)	3.947.827	-
Thanh lý, nhượng bán	-	3.304.657.036	19.472.367.953	496.702.692	23.273.727.681
Tăng do mua công ty con	(133.492.082.849)	(138.922.254.596)	(621.850.300.580)	(3.509.272.284)	(897.773.910.309)
Thanh lý tài sản để tái thuê	-	28.746.415.547	840.263.511	-	29.586.679.058
Xóa sổ	3.948.093.354	14.037.803.983	1.820.843.318	159.675.489	19.966.416.144
31/12/2024	(1.181.994.461.378)	(2.352.511.695.923)	(2.244.080.944.147)	(24.460.620.352)	(5.803.047.721.800)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	892.702.607.616	1.093.218.817.184	2.111.937.008.924	15.697.263.266	4.113.555.696.990
31/12/2024	994.007.639.680	1.079.528.338.762	3.620.404.110.240	16.574.181.952	5.710.514.270.634

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2024 là 3.750.083.030.697 đồng (tại 01/01/2024 là 2.857.530.024.111 đồng) (Thuyết minh số 24);

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2024 là: 2.237.400.066.983 đồng (tại 01/01/2024 là: 1.921.236.481.660 đồng).

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm (VND)	Khác (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2024	1.724.061.683.117	24.462.104.426	18.189.997.689	1.766.713.785.232
Mua trong năm	-	689.932.001	-	689.932.001
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	210.000.000	-	210.000.000
Tăng do mua công ty con	1.210.448.833	4.831.128.146	-	6.041.576.979
Xóa sổ	(232.678.316.902)	-	-	(232.678.316.902)
31/12/2024	1.492.593.815.048	30.193.164.573	18.189.997.689	1.540.976.977.310
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2024	(139.438.786.687)	(11.278.206.494)	(8.349.555.259)	(159.066.548.440)
Phân bổ trong năm	(51.959.965.435)	(3.895.532.886)	(644.999.992)	(56.500.498.313)
Tăng do mua công ty con	(163.630.871)	(2.707.289.033)	-	(2.870.919.904)
Xóa sổ	2.315.328.650	-	-	2.315.328.650
31/12/2024	(189.247.054.343)	(17.881.028.413)	(8.994.555.251)	(216.122.638.007)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2024	1.584.622.896.430	13.183.897.932	9.840.442.430	1.607.647.236.792
31/12/2024	1.303.346.760.705	12.312.136.160	9.195.442.438	1.324.854.339.303

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2024 là 7.510.317.634 đồng (tại 01/01/2024 là: 7.510.317.634 đồng).

16. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	156.949.791.590	11.468.370.547	168.418.162.137
Thuê mới trong năm	29.858.322.254	1.989.363.433	31.847.685.687
Đầu tư XDCB hoàn thành	118.313.570.893	2.246.154.091	120.559.724.984
Mua lại tài sản thuê tài chính	(33.916.135.554)	(3.780.516.566)	(37.696.652.120)
31/12/2024	271.205.549.183	11.923.371.505	283.128.920.688
HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2024	(25.908.653.579)	(5.421.429.762)	(31.330.083.341)
Khấu hao trong năm	(18.433.460.938)	(1.847.104.276)	(20.280.565.214)
Mua lại tài sản thuê tài chính	13.771.914.305	-	13.771.914.305
31/12/2024	(30.570.200.212)	(7.268.534.038)	(37.838.734.250)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	131.041.138.011	6.046.940.785	137.088.078.796
31/12/2024	240.635.348.971	4.654.837.467	245.290.186.438

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2024 là: 732.500.000 đồng (tại 01/01/2024 là: 732.500.000 đồng).

17. Lợi thế thương mại

	Giá trị (VND)
NGUYÊN GIÁ	
01/01/2024	519.854.628.837
Tăng do mua công ty con	13.657.783.340
31/12/2024	533.512.412.177
GIÁ TRỊ PHÂN BỐ	
01/01/2024	(309.231.474.087)
Phân bổ trong năm	(52.728.355.574)
31/12/2024	(361.959.829.661)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
01/01/2024	210.623.154.750
31/12/2024	171.552.582.516

18. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

18.1 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc (VND)	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu (VND)
Đầu tư vào công ty liên kết	147.512.500.000	100.655.251.951	824.040.469.052	837.442.426.156
Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương	750.000.000	987.243.914	750.000.000	717.232.150
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	2.500.000.000	2.751.658.988	2.500.000.000	2.766.541.693
Công ty Cổ phần Đồ thị Cam Ranh	-	-	49.335.308.259	52.862.394.529
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	97.100.000.000	93.046.043.454	88.709.374.092	97.708.953.234
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta (Trước đây là Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện)	3.062.500.000	3.870.305.595	3.062.500.000	3.704.017.849
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (*)	44.100.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Thuyết minh 4.1) (*)	-	-	679.683.286.701	679.683.286.701
Tổng cộng	147.512.500.000	100.655.251.951	824.040.469.052	837.442.426.156

(*) Trong năm, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn tăng từ 49,02% (tại 31/12/2023) lên 50,61%, SII trở thành công ty con của Tập đoàn từ tháng 1 năm 2024, dẫn đến công ty liên kết của SII là Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – Pleiku trở thành công ty liên kết gián tiếp của Tập đoàn. SII đã trích lập 100% dự phòng cho khoản đầu tư vào Cổ phần Nước Sài Gòn – Pleiku.

18.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Góp vốn vào đơn vị khác	357.009.815.260	3.856.420.260
• Đối tượng đầu tư 1	210.000.000.000	-
• Đối tượng đầu tư 2	143.153.395.000	-
• Đối tượng đầu tư 3	2.020.420.260	2.020.420.260
• Đối tượng đầu tư 4	1.836.000.000	1.836.000.000
Tổng cộng	357.009.815.260	3.856.420.260

18.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	31/12/2024 Giá gốc và giá trị ghi sổ (VND)	01/01/2024 Giá gốc và giá trị ghi sổ (VND)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	15.280.000.000	22.780.000.000
• Trái phiếu (*)	15.100.000.000	22.600.000.000
• Các khoản đầu tư khác	180.000.000	180.000.000
Tổng cộng	15.280.000.000	22.780.000.000

(*) Các khoản trái phiếu có kỳ hạn trên một (1) năm với lãi suất từ 4,8% đến 7,6% hoặc lãi suất tham chiếu cộng (+) 1% - 3,5% được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24)

19. Phải trả người bán

	31/12/2024 Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)	01/01/2024 Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)
Ngắn hạn	775.205.342.563	968.912.918.321
Phải trả người bán phục vụ hoạt động kinh doanh	709.041.546.538	880.291.256.974
• Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh ngành nhựa	325.196.436.571	486.835.202.713
• Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh gạch ốp lát	242.757.627.428	343.048.275.883
• Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh ngành nước	44.021.884.863	33.579.971.686
• Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh vật tư và thiết bị ngành nước	97.065.597.676	16.827.806.692
Phải trả người bán phục vụ mua sắm tài sản cố định	55.440.755.477	51.411.439.050
• Phải trả người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước	50.651.339.509	48.205.658.260
• Phải trả người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	4.789.415.968	3.205.780.790
Phải trả người bán khác	10.290.851.580	20.995.797.595
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 37.2)	432.188.968	16.214.424.702
Dài hạn	-	1.311.643.977
Phải trả người bán phục vụ hoạt động kinh doanh	-	1.311.643.977
• Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh và mua sắm TSCĐ ngành nước	-	1.311.643.977
Tổng cộng	775.205.342.563	970.224.562.298

20. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024 Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)	01/01/2024 Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)
Ngắn hạn	33.655.671.216	24.251.626.769
• Ứng trước tiền mua ống nhựa và phụ kiện ngành nước	14.882.184.590	8.070.939.991
• Ứng trước tiền cung cấp nước sạch	7.801.736.595	7.178.000.255
• Ứng trước tiền mua nhựa công nghiệp và gia dụng	6.091.828.625	4.554.933.162
• Ứng trước tiền mua gạch ốp lát	3.096.232.541	2.381.301.649
• Ứng trước tiền khác	1.783.688.865	2.066.451.712
Dài hạn	44.744.959.832	54.154.131.396
• Ứng trước tiền cung cấp nước sạch	28.670.147.800	33.782.573.400
• Ứng trước tiền từ bên liên quan (Thuyết minh số 37.2)	16.074.812.032	20.371.557.996
Tổng cộng	78.400.631.048	78.405.758.165

21.Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

21.1 Thuế và các khoản phải nộp

	01/01/2024 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm (VND)	Tăng giảm khác (*) (VND)	31/12/2024 (VND)
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	21.204.903.077	169.896.741.406	(162.314.799.885)	76.378.746	28.863.223.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.220.182.567	101.016.434.885	(108.005.046.804)	1.373.757.549	74.605.328.197
Thuế thu nhập cá nhân	1.634.297.053	23.285.461.616	(20.380.698.248)	204.455.654	4.743.516.075
Thuế tài nguyên	367.164.860	5.810.026.563	(5.792.764.945)	77.465.935	461.892.413
Các loại thuế khác	15.425.538.169	81.171.869.731	(84.798.012.125)	749.072.825	12.548.468.600
Tổng cộng	118.852.085.726	381.180.534.201	(381.291.322.007)	2.481.130.709	121.222.428.629

21.2 Thuế và các khoản phải thu

	01/01/2024 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thu/bù trừ trong năm (VND)	Tăng giảm khác (*) (VND)	31/12/2024 (VND)
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	83.089.643	1.778.288.859	(1.823.336.534)	-	38.041.968
Thuế thu nhập cá nhân	2.532.228.834	2.180.583.061	(4.060.012.083)	-	652.799.812
Thuế giá trị gia tăng	1.605.313.997	52.686.298.564	(51.715.184.815)	-	2.576.427.746
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.216.147.587	(2.037.027.920)	9.682.969.958	9.862.089.625
Các loại thuế khác	12.703.350	55.683.345	(55.683.345)	-	12.703.350
Tổng cộng	4.233.335.824	58.917.001.416	(59.691.244.697)	9.682.969.958	13.142.062.501

(*) Tăng/giảm khác liên quan đến việc mua/ thoái các công ty con trong năm.

22. Chi phí phải trả

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Ngắn hạn	140.530.390.661	151.534.846.681
• Chi phí lãi vay	55.901.351.217	82.097.230.772
• Chi phí lãi hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	6.295.085.586	21.000.000.000
• Chi phí hoa hồng môi giới	20.591.138.780	15.953.095.950
• Trích trước lương tháng 13	8.539.550.194	12.167.905.113
• Cước vận chuyển	6.493.543.398	2.419.736.961
• Các khoản phải trả khác	42.709.721.486	17.896.877.885
Dài hạn	41.727.969.317	641.794.521
• Chi phí lãi vay	41.727.969.317	-
• Chi phí lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	-	641.794.521
Tổng cộng	182.258.359.978	152.176.641.202

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư đối với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận hoặc chi phí có hội sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể hoặc khi các bên quyết toán các khoản đầu tư.

23. Phải trả khác

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Ngắn hạn	141.314.616.277	602.002.870.582
• Phải trả đại lý tiến chiết khấu đặt cọc	32.533.023.789	18.512.845.902
• Lãi vay phải trả	15.485.839.041	189.923.923.289
• Kinh phí công đoàn	3.800.888.132	4.139.902.758
• Phải trả cổ tức	3.073.673.654	2.294.124.636
• Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	3.000.000.000	58.973.900.000
• Phải trả cho hoạt động chuyển nhượng trái phiếu (**)	-	288.000.000.000
• Chi phí phát hành trái phiếu	-	7.500.000.000
• Phải trả khác	83.421.191.661	32.658.173.997
Dài hạn	1.503.051.288.900	1.625.080.875.266
• Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	786.200.000.000	908.500.000.000
• Phải trả hoạt động chuyển nhượng cổ phần	308.700.000.000	-
• Lãi vay phải trả	298.907.831.681	160.518.428.519
• Nhận ký cược, ký quỹ	11.308.063.414	8.143.089.359
• Phải trả cho hoạt động chuyển nhượng trái phiếu (**)	-	456.700.000.000
• Phải trả khác	97.935.393.805	91.219.357.388
Tổng cộng	1.644.365.905.177	2.227.083.745.848

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể khi 2 bên quyết toán các khoản đầu tư.

(**) Đây là khoản phải trả liên quan đến việc chuyển nhượng trái phiếu chuyển đổi phát hành cho AEP II Holdings Pte. Ltd (Thuyết minh số 11).

24. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2024 Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)	Trong năm			31/12/2024 Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)
		Tăng (VND)	Giảm (VND)	Tăng giảm khác (VND)	
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.138.443.683.104	9.123.779.681.447	(8.842.935.231.785)	65.489.312.672	4.484.777.445.438
• Vay ngắn hạn (24.1)	2.891.321.387.226	8.072.146.509.220	(7.596.360.329.961)	37.489.312.672	3.404.596.879.157
• Vay dài hạn đến hạn trả (24.2)	299.021.014.061	348.502.350.833	(283.843.998.100)	28.000.000.000	391.679.366.794
• Trái phiếu ngắn hạn	50.000.000.000	516.666.667	(50.516.666.667)	-	-
• Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (24.4)	829.717.707.066	597.423.581.815	(830.257.122.214)	-	596.884.166.667
• Nợ thuê tài chính đến hạn trả	36.848.281.838	58.108.826.211	(48.483.800.716)	-	46.473.307.333
• Các khoản nợ khác đến hạn trả (24.3)	31.535.292.913	47.081.746.701	(33.473.314.127)	-	45.143.725.487
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.254.612.161.324	1.524.597.418.198	(1.853.366.556.057)	883.306.946.955	3.809.149.970.420
• Vay dài hạn (24.2)	1.346.086.021.135	1.114.587.393.944	(1.051.982.670.692)	883.306.946.955	2.291.997.691.342
• Trái phiếu dài hạn (24.4)	1.319.353.421.726	188.821.020.560	(711.914.166.667)	-	796.260.275.619
• Nợ thuê tài chính dài hạn	40.708.011.376	56.594.425.957	(42.387.971.998)	-	54.914.465.335
• Các khoản nợ khác (24.3)	548.464.707.087	164.594.577.737	(47.081.746.700)	-	665.977.538.124
Tổng cộng	7.393.055.844.428	10.648.377.099.645	(10.696.301.787.842)	948.796.259.627	8.293.927.415.858

24.1 Vay ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, phát hành thu tín dụng, phát hành bảo lãnh chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số cuối năm (VND)	Thời hạn thanh toán	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	632.018.215.213	Theo từng lần trả nợ	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất, Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.177.934.120.968	Theo từng lần trả nợ	Các khoản phải thu từ khách hàng , hàng tồn kho nhà xưởng, máy móc thiết bị, tài sản và quyền tài sản của dự án Cũ Chi và Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	352.947.455.068	Theo từng lần trả nợ	Các khoản phải thu từ khách hàng , hàng tồn kho nhà xưởng, máy móc thiết bị và tài sản gắn liền trên đất
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	375.212.212.551	Theo từng lần trả nợ	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu từ khách hàng và hàng tồn kho thuộc sở hữu của công ty
Ngân hàng TMCP Quân đội	157.640.935.621	Theo từng lần trả nợ	Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.
Ngân hàng TMCP Quốc Tế	273.767.086.873	Theo từng lần trả nợ	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu từ khách hàng và hàng tồn kho thuộc sở hữu của công ty
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	73.935.419.374	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	138.518.317.187	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	49.599.809.465	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng Sinopac	41.726.679.826	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	30.132.273.393	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Á	44.725.704.873	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	47.855.985.996	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Vay cá nhân và tổ chức khác	8.582.662.749	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Tổng cộng	3.404.596.879.157		

24.2 Vay dài hạn

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, phát hành thu tín dụng, phát hành bảo lãnh chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số dư cuối năm (VND)	Thời hạn thanh toán	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	26.474.586.159	60 tháng	Máy móc thiết bị được tài trợ bởi ngân hàng bảo lãnh từ Công ty
Ngân hàng TMCP Việt Á	127.500.000.000	24 tháng	Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	545.000.000.000	120 tháng	Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	145.968.750.000	96 tháng	Quyền Khai thác, lợi ích phát sinh từ các thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng của Công ty
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.175.711.190.768	60 tháng - 180 tháng	Tài sản và quyền sử dụng tài sản của dự án, quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	83.334.000.000	36 tháng - 120 tháng	Xe ô tô, toàn bộ tài sản của dự án phát triển, quản lý hệ thống cấp nước
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	8.614.306.980	60 tháng -120 tháng	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	163.555.809.962	192 tháng - 25 năm	Tài sản hình thành sau đấu thầu và giá trị quyền sử dụng đất, TS hình thành từ vốn vay
Quỹ đầu tư phát triển	146.708.305.439	72 - 240 tháng	Công trình thuộc dự án Trạm tăng áp Chợ Gạo. Tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác.
Ngân sách tỉnh Bình Thuận	36.779.752.862	180 tháng	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân Đội	19.148.820.789	48 tháng - 84 tháng	Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước diện tích 14,532.3 m2
Bộ Tài chính	199.309.901.757	25 năm	Các công trình xây dựng hoàn thành
Vay các tổ chức khác	5.571.633.420	Khi dự án hoàn thành	Không có tài sản đảm bảo
Tổng cộng	2.683.677.058.136		
Trong đó:			
Đến hạn trả:	391.679.366.794		
Dài hạn:	2.291.997.691.342		

24. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)

24.3 Các khoản nợ khác

Trong năm, Tập đoàn đã ký kết các hợp đồng chuyển nhượng tài sản phát sinh trong tương lai với một đối tác doanh nghiệp. Theo hợp đồng, Tập đoàn nhận trước khoản tiền và sẽ thanh toán lại trong tương lai bằng tiền thu được từ các hoạt động bán nước sạch. Ban Tổng Giám đốc cho rằng các hoạt động này bản chất là giao dịch tài chính, do đó ghi nhận các khoản nhận trước như một khoản nợ, phần chênh lệch giữa tổng khoản thanh toán trong tương lai và khoản tiền nhận trước được xem là chi phí lãi. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng khoản thanh toán trong tương lai (VND)	Lãi (VND)	Nợ gốc (VND)	Tổng khoản thanh toán trong tương lai (VND)	Lãi (VND)	Nợ gốc (VND)
Nợ đến hạn trả	60.976.154.223	15.832.428.736	45.143.725.487	76.550.000.000	45.014.707.087	31.535.292.913
Nợ dài hạn	1.031.455.764.473	365.478.226.349	665.977.538.124	830.440.000.000	281.975.292.913	548.464.707.087
	1.092.431.918.696	381.310.655.085	711.121.263.611	906.990.000.000	326.990.000.000	580.000.000.000

24.4 Trái phiếu dài hạn

Tên tổ chức phát hành/ trái chủ	Kỳ hạn	Lãi suất	Số dư cuối năm (VND)	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng VNDirect	Từ 2 đến 5 năm	10% -11%	890.904.166.667	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phiếu của bên thứ ba
Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Đồng Nai	5 năm	9,50%	99.280.000.000	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phiếu của bên thứ ba
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	4 năm	10,50%	148.734.375.000	Tái cơ cấu nợ các khoản nợ với Tổ chức khác theo các hợp đồng vay.	Cổ phiếu của bên thứ ba
Ngân hàng TMCP Việt Á	3 năm	11%	239.025.900.619	Cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp và thực hiện đầu tư vào các dự án ngành nước	Cổ phiếu của bên thứ ba
Trái chủ khác			15.200.000.000		
Tổng cộng			1.393.144.442.286		
Trong đó:					
Đến hạn trả:			596.884.166.667		
Dài hạn:			796.260.275.619		

25. Vốn chủ sở hữu

25.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Quý khác thuộc VOSH (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quý đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng cộng (VND)
01/01/2023	1.189.099.130.000	270.847.905.480	45.780.003.942	(28.342.000)	20.084.402.078	1.545.485.916	3.033.557.814.432	4.560.886.399.848
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	30.997.520.000	30.997.520.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	40.455.392.251	87.479.183.266	127.934.575.517
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(20.572.701.082)	(20.572.701.082)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(470.159.098)	(1.072.037.637)	(1.542.196.735)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(16.571.069.154)	16.571.069.154	-	-
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	-	-	59.207.320.240	59.207.320.240
Thoái vốn công ty con	-	-	-	-	-	(933.302.620)	(66.023.889.194)	(66.957.191.814)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	2.549.909.651	(33.379.694.051)	(30.829.784.400)
Khác	-	-	-	-	-	865.014.007	(1.490.586.448)	(625.572.441)
31/12/2023	1.189.099.130.000	270.847.905.480	45.780.003.942	(28.342.000)	3.513.332.924	60.583.409.261	3.088.702.929.526	4.658.498.369.133
01/01/2024	1.189.099.130.000	270.847.905.480	45.780.003.942	(28.342.000)	3.513.332.924	60.583.409.261	3.088.702.929.526	4.658.498.369.133
Tăng vốn trong năm (*)	220.649.330.000	236.050.670.000	-	-	-	-	140.000.000	456.840.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	43.496.470.384	148.294.838.474	191.791.308.858
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(21.282.141.598)	(21.282.141.598)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(834.340.565)	(2.120.780.211)	(2.955.120.776)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	13.672.680.518	(13.672.680.518)	-	-
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	-	-	793.267.224.595	793.267.224.595
Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	-	3.629.196.031	(3.629.196.031)	-
Khác	-	-	-	-	-	(303.002.525)	(575.097.710)	(878.100.235)
31/12/2024	1.409.748.460.000	506.898.575.480	45.780.003.942	(28.342.000)	17.186.013.442	92.899.052.068	4.002.797.777.045	6.075.281.539.977

(*) Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu do thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐQT ngày 05/07/2024 thông qua việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu đã đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành 22.064.933 cổ phiếu).

25. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

25.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Vốn góp cổ phần	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
Tổng cộng	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000

25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối, cổ tức, lợi nhuận

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Vốn cổ phần	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
• Vốn đầu năm	1.189.099.130.000	1.189.099.130.000
• Tăng vốn trong năm	220.649.330.000	-
• Vốn góp cuối năm	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
Cổ tức và lợi nhuận đã phân phối	-	-

25.4 Cổ phiếu

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.974.846	118.909.913
Số lượng cổ phiếu đã bán ta công chúng	140.974.846	118.909.913
• Cổ phiếu phổ thông	140.974.846	118.909.913
Số lượng cổ phiếu quỹ	8.810	8.810
• Cổ phiếu phổ thông	8.810	8.810
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	140.966.036	118.901.103
• Cổ phiếu phổ thông	140.966.036	118.901.103
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
• Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	8.990.787.539.696	7.678.221.856.595
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	69.673.627.533	61.290.333.219
• Doanh thu khác	20.533.245.959	30.160.067.857
Tổng cộng	9.080.994.413.188	7.769.672.257.671

27. Các khoản giảm trừ doanh thu

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Các khoản giảm trừ doanh thu	182.574.378.955	190.261.104.554
Trong đó:		
• Chiết khấu thương mại	170.191.675.178	180.147.480.861
• Hàng bán bị trả lại	12.318.424.575	8.456.500.853
• Giảm giá hàng bán	64.279.202	1.657.122.840
Tổng cộng	182.574.378.955	190.261.104.554

28. Giá vốn hàng bán

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
• Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	7.318.524.221.554	6.188.965.670.512
• Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	58.697.360.289	53.765.489.501
• Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	248.455.452	(875.711.620)
• Giá vốn khác	12.880.070.031	15.593.026.983
Tổng cộng	7.390.350.107.326	6.257.448.475.376

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
• Lãi từ hoạt động đầu tư	166.989.718.420	279.223.615.994
• Lãi tiền gửi, cho vay	270.411.511.097	296.523.073.466
• Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	21.163.956.343	12.934.201.609
• Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.476.614.034	3.728.412.088
Tổng cộng	470.041.799.894	592.409.303.157

30. Chi phí hoạt động tài chính

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
• Chi phí lãi vay	549.022.797.771	658.318.044.478
• Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.398.278.910	9.940.966.919
• Lỗ do thoái vốn các khoản đầu tư tài chính	-	7.826.681.850
• Chi phí tài chính khác	75.272.659.258	132.357.706.588
Tổng cộng	649.693.735.939	808.443.399.835

31. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	467.256.252.225	442.837.070.749
• Chi phí nhân viên quản lý	214.874.151.795	186.614.511.697
• Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.779.663.664	88.822.419.603
• Lợi thế thương mại phân bổ	52.728.355.572	51.974.578.605
• Chi phí dự phòng	17.720.466.508	32.540.284.379
• Chi phí khấu hao	25.423.552.084	21.341.828.818
• Chi phí đồ dùng văn phòng	4.341.767.824	6.564.144.040
• Thuế, phí và lệ phí	5.471.924.281	2.859.063.146
• Chi phí khác	64.916.370.497	52.120.240.461
Các khoản chi phí bán hàng	527.120.243.660	475.804.884.772
• Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.031.949.801	198.218.263.640
• Chi phí nhân viên	146.101.005.032	133.267.341.768
• Chi phí hỗ trợ bán hàng	59.552.997.533	40.102.536.567
• Chi phí khấu hao	32.992.400.468	30.094.227.502
• Chi phí dụng cụ, đồ dùng	20.257.961.657	22.404.634.470
• Chi phí bảo hành	6.804.695.053	5.172.896.826
• Chi phí khác	57.379.234.116	46.544.983.999
Tổng cộng	994.376.495.885	918.641.955.521

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế. Một số các trường hợp hưởng ưu đãi thuế sau đây:

- Các công ty gồm Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội (“NS3), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận (“Bình Thuận”), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước nước DNP – Bắc Giang (“Bắc Giang”), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh (“Tây Ninh”), Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa (“Ninh Hòa”) và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước (“Bình Phước”) được hưởng thuế suất là 10% đối với thu nhập từ sản xuất và kinh doanh nước sạch – hoạt động xã hội trong lĩnh vực môi trường trong suốt thời gian hoạt động;
- Công ty Cổ phần Bình Hiệp được miễn thuế TNDN trong bốn năm (từ 2016 đến 2019), giảm 50% thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028) và chịu thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế của dự án đầu tư mở rộng;
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Nước DNP - Bắc Giang được miễn thuế TNDN trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2020) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong năm năm tiếp theo tới năm 2025;
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Năm 2020 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% thuế TNDN;
- Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khan và đặc biệt khó khăn. Năm 2019 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% số thuế TNDN.
- Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy trình về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	101.016.434.885	98.388.231.919
Tổng cộng	101.016.434.885	98.388.231.919

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chỉ phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp)

32.2 Thuế TNDN hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất (VND)		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (VND)	
	31/12/2024	01/01/2024	Năm 2024	Năm 2023
<div>• Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định</div>	12.376.737.806	12.376.737.806	-	12.376.737.806
<div>• Lợi nhuận chưa thực hiện</div>	1.504.911.278	3.775.311.278	(2.270.399.999)	(1.513.600.000)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	13.881.649.085	16.152.049.084		
<div>• Chênh lệch từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý khi hợp nhất kinh doanh</div>	(314.942.938.262)	(381.301.125.156)	66.358.186.894	26.769.228.631
<div>• Thu nhập thuế TNDN do hợp nhất công ty con</div>	(36.443.153.202)			
<div>• Thuế TNDN hoãn lại phải trả</div>	(351.386.091.464)	(381.301.125.156)		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			64.087.786.895	37.632.366.437

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
<div>• Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ</div>	5.982.755.503.111	4.842.355.463.208
<div>• Chi phí nhân công</div>	800.378.035.176	765.875.345.824
<div>• Chi phí khấu hao tài sản cố định</div>	659.651.692.105	603.829.047.680
<div>• Lợi thế thương mại phân bổ</div>	52.728.355.574	51.974.578.605
<div>• Chi phí dự phòng</div>	16.104.262.763	32.243.653.510
<div>• Thuế, phí, lệ phí</div>	2.560.817.013	2.373.964.871
<div>• Chi phí khác</div>	870.547.937.469	877.438.377.199
Tổng cộng	8.384.726.603.211	7.176.090.430.897

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	43.496.470.384	40.455.392.251
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	129.571.849	118.901.103
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND /CP)	336	340

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm 2024 (Cổ phiếu)	Năm 2023 (Cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	118.901.103	118.901.103
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm (*)	22.064.933	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	129.571.849	118.901.103

(*) Công ty đã phát hành và chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thành công cho trái chủ với số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 22.064.933 cổ phiếu (456.700 trái phiếu đã đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành 22.064.933 cổ phiếu), tương ứng với giá trị cổ phiếu niêm yết bổ sung là 220.649.330.000 đồng. Ngày 02/08/2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 863/QĐ-SGDHN ngày 02/08/2024 về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty Cổ phần DNP Holding.

35. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	43.496.470.384	40.455.392.251
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	129.571.849	118.901.103
Số cổ phiếu dự kiến phát hành (cổ phiếu)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND /CP)	336	340

36. Thông tin theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng ngành nhựa và vật liệu xây dựng.
- Sản xuất và kinh doanh ngành nước sạch và môi trường.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích.

Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

36. Thông tin theo bộ phận (tiếp)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Ngành nhựa và vật liệu xây dựng (VND)	Ngành nước và môi trường (VND)	Tổng cộng (VND)
Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024			
Doanh thu thuần bán hàng	7.510.109.506.931	1.388.310.527.302	8.898.420.034.233
Giá vốn hàng bán	6.416.157.349.478	974.192.757.848	7.390.350.107.326
Lợi nhuận gộp từ bán hàng	1.093.952.157.453	414.117.769.454	1.508.069.926.907
Tại ngày 31/12/2024			
Tài sản ngắn hạn	6.752.254.851.605	2.106.754.623.669	8.859.009.475.274
Tài sản dài hạn	4.187.351.445.702	4.627.102.410.880	8.814.453.856.582
Nợ ngắn hạn	5.221.174.668.931	621.033.720.666	5.842.208.389.597
Nợ dài hạn	2.011.678.299.790	3.744.295.102.492	5.755.973.402.282
Tài sản thuần	3.706.753.328.586	2.368.528.211.391	6.075.281.539.977

	Ngành nhựa và vật liệu xây dựng VND	Ngành nước và môi trường VND	Tổng cộng VND
Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023			
Doanh thu thuần bán hàng	6.511.704.081.179	1.067.707.071.938	7.579.411.153.117
Giá vốn hàng bán	5.539.983.226.201	717.465.249.175	6.257.448.475.376
Lợi nhuận gộp từ bán hàng	971.720.854.978	350.241.822.763	1.321.962.677.741
Tại ngày 31/12/2023			
Tài sản ngắn hạn	6.442.230.441.394	1.865.099.129.029	8.307.329.570.423
Tài sản dài hạn	4.476.927.419.232	3.292.487.998.830	7.769.415.418.062
Nợ ngắn hạn	5.309.631.931.265	789.182.407.047	6.098.814.338.312
Nợ dài hạn	2.597.273.502.758	2.722.158.778.282	5.319.432.281.040
Tài sản thuần	3.012.252.426.603	1.646.245.942.530	4.658.498.369.133

37. Thông tin về các bên liên quan

37.1 Các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm và có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Công ty liên kết

37.2 Số dư với các bên liên quan

	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Bán nước sạch	432.188.968	-
		432.188.968	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku	Cho vay	119.661.134.593	-
		119.661.134.593	-
Người mua trả tiền trước dài hạn			
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Bán nước sạch	16.074.812.032	20.371.557.996
		16.074.812.032	20.371.557.996

37.3 Các giao dịch với các bên liên quan khác

Những nghiệp vụ trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Bán nước sạch	67.603.535.355	53.865.644.011
	Cổ tức được chia	2.620.863.156	1.820.413.014
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đồng Hải	Mua nước sạch	5.665.105.524	5.233.485.713
	Cổ tức được chia	90.054.072	85.664.857

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị	-	120.000.000
Thành viên	-	120.000.000
Ban Tổng Giám đốc	3.791.330.434	5.467.999.558
Tổng Giám đốc	1.105.347.826	720.000.000
Phó Tổng Giám đốc	1.080.000.000	1.080.000.000
Phó Tổng Giám đốc	-	2.401.950.000
Phó Tổng Giám đốc	780.591.304	1.266.049.558
Tổng cộng	3.791.330.434	5.587.999.558

38. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

39. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần DNP Holding.

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2025


Người lập biểu
Nguyễn Văn Định


Kế toán trưởng
Phạm Thị Thu Hằng


Tổng Giám đốc
Trịnh Kiên

Người đại diện theo pháp luật
CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING


Tổng Giám đốc
Trịnh Kiên

**Văn phòng Hà Nội**

Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,
P. Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà Savico, 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**Trụ sở chính**

Tầng 18, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza,
Số 1 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh,
Ba Đình, TP. Hà Nội

**Trụ sở chính**

Thôn Càn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang,
Tỉnh Bắc Giang

**Trụ sở chính**

Lô B10-B11, Khu công nghiệp Thụy Vân,
Thụy Vân, Việt Trì, Phú Thọ

**Trụ sở chính**

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1,
P. An Bình, Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

**Trụ sở chính**

314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh,
Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh